



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2020**

20

02

22

BẢN
LĨNH
NGƯỜI
DẪN
ĐẦU

MỤC LỤC

→



CHƯƠNG 1

GIỚI THIỆU VIETCOMBANK

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc	8
Thông tin khái quát	12
Giới thiệu Vietcombank	14
Lịch sử hình thành và phát triển	16
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	18
10 dấu ấn tiêu biểu của Vietcombank năm 2020	20
Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý	26
Các chỉ số tài chính cơ bản	28
Định hướng phát triển	32
Danh hiệu và giải thưởng của Vietcombank năm 2020	34

TRANG
06



CHƯƠNG 2

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Tình hình tài chính	50
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	52
Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	54
Đánh giá kết quả hoạt động năm 2020	60
Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2021	72
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Vietcombank	78

TRANG
48



CHƯƠNG 3

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Tổ chức và Nhân sự	86
Hội đồng Quản trị	88
Ban Điều hành	91
Ban Kiểm soát	94

TRANG
84



CHƯƠNG 4

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Quản trị Công ty	98
Quản trị rủi ro	106
Mạng lưới hoạt động	114

TRANG
96



CHƯƠNG 5

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tổng quan về phát triển bền vững	124
Các nội dung về phát triển bền vững	128
Hoạt động an sinh xã hội	134
Một số chương trình an sinh xã hội tiêu biểu giai đoạn 2016-2020	138

TRANG
122



CHƯƠNG 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thông tin về Ngân hàng	149
Báo cáo của Ban Điều hành	151
Báo cáo kiểm toán độc lập	152
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	154
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	157
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	158
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	160

TRANG
146



TÂM THỂ KIÊN ĐỊNH

CHƯƠNG 1

GIỚI THIỆU VIETCOMBANK

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc	8
Thông tin khái quát	12
Giới thiệu Vietcombank	14
Lịch sử hình thành và phát triển	16
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	18
10 dấu ấn tiêu biểu của Vietcombank năm 2020	20
Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý	26
Các chỉ số tài chính cơ bản	28
Định hướng phát triển	32
Danh hiệu và giải thưởng của Vietcombank năm 2020	34



THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC



Với chủ trương đúng đắn của Đảng và sự điều hành quyết liệt, linh hoạt, nhạy bén của Chính phủ, Việt Nam đã thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kép, vừa phòng chống dịch bệnh, thiên tai hiệu quả vừa đảm bảo các cân đối lớn, ổn định vĩ mô, an sinh xã hội.

**Chủ tịch HĐQT
NGHIÊM XUÂN THÀNH**

Năm 2020 là một năm đầy gian nan và thách thức đối với kinh tế thế giới khi đại dịch COVID-19 bùng phát trên toàn cầu làm gián đoạn chuỗi cung ứng, đình trệ sản xuất, kinh doanh, suy giảm tiêu dùng. Kinh tế Việt Nam cũng không nằm ngoài guồng xoáy đó, đồng thời còn hứng chịu những thiên tai dị thường xảy ra trên diện rộng của cả nước khiến khó khăn chồng chất khó khăn. Với chủ trương đúng đắn của Đảng và sự điều hành quyết liệt, linh hoạt, nhạy bén của Chính phủ, Việt Nam đã thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kép, vừa phòng chống dịch bệnh, thiên tai hiệu quả vừa đảm bảo các cân đối lớn, ổn định vĩ mô, an sinh xã hội (GDP tăng 2,9%, lạm phát 2,3%) và trở thành điểm sáng tăng trưởng hiếm hoi trong bức tranh kinh tế ảm đạm toàn cầu.

Đóng góp vào thành tích chung của đất nước, ngành ngân hàng đã có nhiều thành công trong điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng trong bối cảnh thị trường tài chính quốc tế diễn biến phức tạp: Thanh khoản của các Tổ chức Tín dụng dồi dào; Thị trường ngoại hối ổn định, tỷ giá ngoại tệ được điều hành nhanh nhạy, linh hoạt; Mặt bằng lãi suất cho vay tiếp tục giảm và hiện ở mức thấp nhất trong hàng chục năm trở lại đây; Tín dụng tăng trưởng phù hợp với định hướng điều hành và là nỗ lực lớn của ngành ngân hàng trong bối cảnh khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế đang ở mức thấp. Những thành quả của ngành ngân hàng đã góp phần quan trọng vào ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và duy trì đà tăng trưởng cho nền kinh tế.

Bám sát các chủ trương của Đảng, định hướng điều hành của Chính phủ và chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước, kiên định với mục tiêu chiến lược đã xác lập, với sự nỗ lực, trách nhiệm và quyết tâm cao nhất, Vietcombank đã vượt qua mọi khó khăn thách thức, tiếp tục một năm 2020 thành công với nhiều kết quả ấn tượng.

Chuyển dịch cơ cấu kinh doanh theo định hướng an toàn và hiệu quả, tiết giảm chi phí hoạt động, chủ động tiên phong giảm lãi suất, giảm phí, cơ cấu nợ hỗ trợ doanh nghiệp và người dân bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19 và ảnh hưởng của bão lũ tại miền Trung thông qua 5 đợt giảm lãi suất với tổng số tiền lãi, phí hỗ trợ lên đến 3.700 tỷ đồng, mức chia sẻ tài chính lớn nhất từ trước đến nay.

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC



Toàn hệ thống Vietcombank tiếp tục nỗ lực, đoàn kết đồng lòng vượt qua các khó khăn, thách thức, đón bắt các cơ hội, tập trung mọi nguồn lực với tinh thần trách nhiệm cao nhất đưa Vietcombank chinh phục hành trình “Vươn ra biển lớn”.

Tổng Giám đốc
PHẠM QUANG DŨNG

Quy mô tín dụng tăng trưởng cao nhất trong các tổ chức tín dụng với mức tăng trưởng 14%, tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát ở mức thấp nhất trong các tổ chức tín dụng. Với hiệu quả kinh doanh vượt trội, Vietcombank tiếp tục duy trì vị thế là ngân hàng kinh doanh hiệu quả nhất và là doanh nghiệp nộp ngân sách nhà nước lớn nhất. Cổ phiếu Vietcombank đã vượt lên trở thành doanh nghiệp có quy mô vốn hóa lớn nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam (~ 17 tỷ đô la Mỹ).

Đổi mới đột phá trong hoạt động ngân hàng số, đưa vào vận hành thành công Hệ thống ngân hàng lõi mới – Core Banking Signature, ra mắt dịch vụ ngân hàng số hoàn toàn mới VCB Digibank, trở thành ngân hàng chuyển đổi số tiêu biểu trong năm 2020.

Chuyển đổi toàn diện mô hình hoạt động ngân hàng bán lẻ hướng tới mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ số 1 tại Việt Nam.

Đẩy mạnh Công tác an sinh xã hội, khẳng định hình ảnh một Ngân hàng Xanh vì cộng đồng với gần 400 tỉ đồng ủng hộ cùng cả nước đẩy lùi dịch bệnh, hỗ trợ người dân ổn định cuộc sống sau thiên tai, dịch bệnh, góp phần tích cực vào sự nghiệp giáo dục, y tế, xóa đói giảm nghèo... trên cả nước.

Những thành quả to lớn trên là kết quả của định hướng chiến lược đồng bộ, nhất quán, sự nỗ lực, bản lĩnh, trí tuệ và đoàn kết đồng lòng của Ban lãnh đạo Vietcombank đến toàn thể cán bộ, người lao động toàn hệ thống; sự đồng hành, hợp tác ngày càng bền chặt của hàng triệu quý khách hàng, hàng vạn quý cổ đông tin tưởng, gắn bó với Vietcombank.

Mở đầu giai đoạn phát triển mới 2021–2025, với những xu thế mới trong phát triển kinh tế xã hội và hoạt động ngân hàng sẽ mang đến nhiều cơ hội lớn nhưng cũng không ít khó khăn thách thức. Toàn hệ thống Vietcombank tiếp tục nỗ lực, đoàn kết đồng lòng vượt qua các khó khăn, thách thức, đón bắt các cơ hội, tập trung mọi nguồn lực với tinh thần trách nhiệm cao nhất đưa Vietcombank chinh phục hành trình “Vươn ra biển lớn”.

Chủ tịch HĐQT
NGHIÊM XUÂN THÀNH

Tổng Giám đốc
PHẠM QUANG DŨNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

TÊN GIAO DỊCH

Tên công ty bằng tiếng Việt:

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI
THƯƠNG VIỆT NAM.**

Tên công ty bằng tiếng Anh:

**JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR FOREIGN
TRADE OF VIET NAM.**

Tên giao dịch: VIETCOMBANK

Tên viết tắt: VIETCOMBANK

Giấy phép thành lập và hoạt động số

**138/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
cấp ngày 23/05/2008.**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP:

Mã số doanh nghiệp: 0100112437

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103024468 do
Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp ngày 02/06/2008
(đăng ký lần đầu)

Đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 16/01/2019

VỐN ĐIỀU LỆ (VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU):

37.088.774.480.000 ĐỒNG

Bằng chữ: Ba mươi bảy nghìn không trăm tám mươi tám tỷ,
bảy trăm bảy mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng.

MÃ CỔ PHIẾU: VCB

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 3.708.877.448

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ,
Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: 84 - 24 - 3934 3137

Fax: 84 - 24 - 3826 9067

Website: www.vietcombank.com.vn

VỐN ĐIỀU LỆ (TỶ ĐỒNG)

37.089



GIỚI THIỆU VIETCOMBANK

Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam trước đây, nay là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) được thành lập và chính thức đi vào hoạt động ngày 01/4/1963 với tổ chức tiền thân là Cục Ngoại hối (trực thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).



Là ngân hàng thương mại nhà nước đầu tiên được Chính phủ lựa chọn thực hiện thí điểm cổ phần hoá, Vietcombank chính thức hoạt động với tư cách là một ngân hàng thương mại cổ phần vào ngày 02/06/2008 sau khi thực hiện thành công kế hoạch cổ phần hóa thông qua việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Ngày 30/6/2009, cổ phiếu Vietcombank (mã chứng khoán VCB) chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.

Trải qua 58 năm xây dựng và trưởng thành, Vietcombank đã có những đóng góp quan trọng cho sự ổn định và phát triển của kinh tế đất nước, phát huy tốt vai trò của một ngân hàng đối ngoại chủ lực, phục vụ hiệu quả cho phát triển kinh tế trong nước, đồng thời tạo những ảnh hưởng quan trọng đối với cộng đồng tài chính khu vực và toàn cầu.

Từ một ngân hàng chuyên doanh phục vụ kinh tế đối ngoại, Vietcombank ngày nay đã trở thành một ngân hàng đa năng, hoạt động đa lĩnh vực, cung cấp cho khách hàng đầy đủ các dịch vụ tài chính hàng đầu trong lĩnh vực thương mại quốc tế; trong các hoạt động truyền thống như kinh doanh vốn, huy động vốn, tín dụng, tài trợ dự án... cũng như mảng dịch vụ ngân hàng hiện đại: kinh doanh ngoại tệ và các công vụ phái sinh, dịch vụ thẻ, ngân hàng điện tử.

Sở hữu hạ tầng kỹ thuật ngân hàng hiện đại với việc chuyển đổi thành công hệ thống ngân hàng lõi (Core Banking) vào

đầu năm 2020, Vietcombank có nhiều lợi thế trong ứng dụng công nghệ tiên tiến vào xử lý tự động các dịch vụ ngân hàng, phát triển các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng điện tử dựa trên nền tảng công nghệ cao. Không gian giao dịch công nghệ số cùng các dịch vụ ngân hàng số đa tiện ích cung cấp cho khách hàng cá nhân, doanh nghiệp như: VCB Digibank, VCB Pay, VCB - iB@nking, VCB CashUp... đã, đang và sẽ tiếp tục thu hút đông đảo khách hàng bằng sự tiện lợi, nhanh chóng, an toàn, hiệu quả, tạo thói quen thanh toán không dùng tiền mặt cho đông đảo khách hàng.

Sau hơn nửa thế kỷ hoạt động trên thị trường, Vietcombank hiện là một trong những ngân hàng thương mại lớn nhất Việt Nam. Vietcombank hiện có gần 600 chi nhánh/phòng giao dịch/văn phòng đại diện/Đơn vị thành viên trong và ngoài nước gồm: Trụ sở chính tại Hà Nội; 116 Chi nhánh; 474 phòng giao dịch; 04 Công ty con ở trong nước (Công ty Cho thuê tài chính, Công ty chứng khoán, Công ty Kiều hối, Công ty Cao ốc Vietcombank 198); 03 Công ty con ở nước ngoài (Công ty Vinafico Hongkong, Công ty chuyển tiền Vietcombank tại Mỹ, Ngân hàng con tại Lào); 01 Văn phòng đại diện tại TP. HCM; 01 Văn phòng đại diện tại Singapore, 01 Văn phòng đại diện tại Mỹ; 03 Đơn vị sự nghiệp: Trường đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; 01 Trung tâm xử lý tiền mặt tại Hà Nội và 01 Trung tâm xử lý tiền mặt tại Tp. Hồ Chí Minh; 03 Công ty liên doanh, liên kết. Về nhân sự, Vietcombank hiện có trên 20.000 cán bộ nhân viên.

Bên cạnh đó, Vietcombank còn phát triển một hệ thống Autobank với hơn 2.500 máy ATM và trên 60.000 đơn vị chấp nhận thanh toán thẻ trên toàn quốc. Hoạt động ngân hàng còn được hỗ trợ bởi mạng lưới 1.249 ngân hàng đại lý tại 102 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Với bề dày hoạt động và đội ngũ cán bộ có năng lực, nhạy bén với môi trường kinh doanh hiện đại, mang tính hội nhập cao, Vietcombank luôn là sự lựa chọn hàng đầu của các tập đoàn, các doanh nghiệp lớn và của đông đảo khách hàng cá nhân.

Luôn hướng đến các chuẩn mực quốc tế trong hoạt động, Vietcombank liên tục được các tổ chức uy tín trên thế giới bình chọn là "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam". Vietcombank cũng là ngân hàng đầu tiên và duy nhất của Việt Nam có mặt trong Top 500 Ngân hàng hàng đầu thế giới theo kết quả bình chọn do Tạp chí The Banker công bố; ngân hàng duy nhất của Việt Nam vào Top 30 ngân hàng mạnh nhất khu vực châu Á - Thái Bình Dương theo đánh giá của The Asian Banker; là đại diện duy nhất của Việt Nam có mặt trong Top 1.000 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất toàn cầu xếp thứ 937 do Tạp chí Forbes bình chọn. Năm 2020, trong danh sách "100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam" (do Công ty Anphabe - đơn vị tư vấn tiên phong về giải pháp thương hiệu nhà tuyển dụng và môi trường làm việc hạnh phúc tại Việt Nam cùng Intage - Công ty nghiên cứu thị trường hàng đầu Nhật Bản công bố), Vietcombank được bình chọn xếp thứ 1 toàn ngành ngân hàng,

xếp thứ 2 toàn thị trường Việt Nam, duy trì vị thế dẫn đầu 5 năm liên tiếp là ngân hàng có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam. Bằng trí tuệ và tâm huyết, các thế hệ cán bộ Vietcombank đã, đang và sẽ luôn nỗ lực để xây dựng Vietcombank phát triển ngày một bền vững, với mục tiêu đến năm 2025 giữ vững vị trí là ngân hàng số 1 Việt Nam; trở thành một trong 100 ngân hàng lớn nhất khu vực Châu Á; một trong 300 tập đoàn tài chính ngân hàng lớn nhất thế giới, một trong 1.000 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất toàn cầu, có đóng góp lớn vào sự phát triển của Việt Nam.

TOP 01 TOÀN NGÀNH NGÂN HÀNG VỀ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

TOP 30 NGÂN HÀNG MẠNH NHẤT CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam là ngân hàng có truyền thống lâu đời và danh tiếng nhất tại Việt Nam

1963

Ngày 01/04/1963, được thành lập với tên gọi Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam trên cơ sở tách ra từ Cục Ngoại hối trực thuộc Ngân hàng Trung ương

1990

Chính thức chuyển đổi mô hình thành ngân hàng thương mại nhà nước

2007

Là ngân hàng tiên phong thí điểm cổ phần hóa theo chủ trương của Chính phủ, phát hành thành công cổ phiếu lần đầu ra công chúng

2009

Chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

2011

Ký kết thỏa thuận hợp tác cổ đông chiến lược với Ngân hàng Mizuho Corporate Bank Ltd., (Nhật Bản)

2013

Công bố hệ thống nhận diện thương hiệu mới

2018

- Kỷ niệm 55 năm thành lập, khẳng định vị trí ngân hàng số 1 Việt Nam về lợi nhuận, hiệu quả kinh doanh và nhiều mặt hoạt động
- Thành lập ngân hàng con tại Lào

2019

- Doanh nghiệp duy nhất của Việt Nam có mặt trong danh sách 1.000 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất toàn cầu
- Mở Văn phòng đại diện tại NewYork - Mỹ (theo phê chuẩn của Cục dự trữ liên bang Mỹ)

2020

- Ngân hàng tốt nhất Việt Nam
- Giữ vị trí số 1 ngành ngân hàng về chất lượng và hiệu quả hoạt động
- Tiên phong trong thực thi các Chính sách của Chính phủ, NHNN; hỗ trợ có hiệu quả người dân và doanh nghiệp chịu ảnh hưởng bởi Covid - 19
- Được phê duyệt đầu tư thành lập chi nhánh tại Úc (theo quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ ngày 18/08/2020)



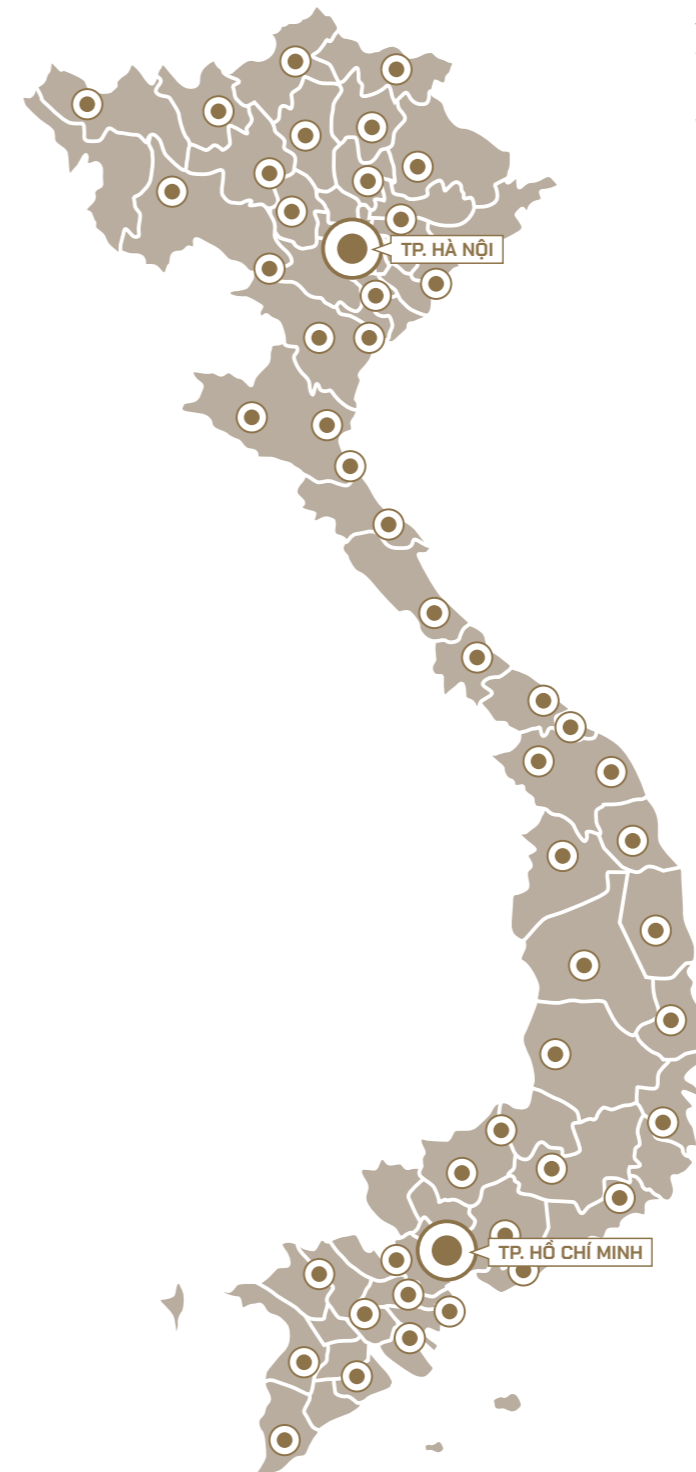
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Dịch vụ huy động vốn;
- Dịch vụ cho vay;
- Dịch vụ chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
- Dịch vụ bảo lãnh ngân hàng;
- Dịch vụ bao thanh toán trong nước, bao thanh toán quốc tế;
- Dịch vụ phát hành thẻ tín dụng;
- Các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của pháp luật;
- Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ;
- Dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật;
- Dịch vụ ngân hàng đại lý;
- Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định;
- Các dịch vụ khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.



ĐỊA BÀN KINH DOANH



Tính đến 31/12/2020, Vietcombank hiện có 116 Chi nhánh với 474 phòng giao dịch hoạt động tại 56/63 tỉnh thành phố trong cả nước: Miền Bắc có 26 chi nhánh chiếm tỷ lệ 22,4%; Hà Nội có 15 chi nhánh, chiếm tỷ lệ 12,9%; Bắc và Trung bộ có 15 chi nhánh, chiếm tỷ lệ 12,9%; Nam Trung bộ và Tây Nguyên có 13 chi nhánh, chiếm tỷ lệ 11,2%; Hồ Chí Minh có 18 chi nhánh, chiếm tỷ lệ 15,6%; Đông Nam Bộ có 14 chi nhánh, chiếm tỷ lệ 12,1%; Tây Nam Bộ có 15 chi nhánh, chiếm 12,9%.

VCB thiết lập và duy trì quan hệ ngân hàng đại lý với 1.249 ngân hàng tại 102 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới.

116
CHI NHÁNH

56/63
TỈNH THÀNH

474
PHÒNG GIAO DỊCH
HOẠT ĐỘNG

1.249
NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ

HOÀNG SA

15
CHI NHÁNH Ở HÀ NỘI

18
CHI NHÁNH Ở TP. HCM

TRƯỜNG SA

10 DẤU ẤN TIÊU BIỂU CỦA VIETCOMBANK NĂM 2020

Năm 2020, sự bùng phát của đại dịch COVID-19 trên toàn cầu đã ảnh hưởng lớn đến mọi mặt của đời sống kinh tế, xã hội đất nước.

Trong đó có ngành ngân hàng. Trong bối cảnh khó khăn đó, hưởng ứng lời kêu gọi của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước và định hướng điều hành của Chính phủ, NHNN, Đảng ủy Khối DNTW, Vietcombank đã nỗ lực, quyết tâm và thực hiện thành công **"nhiệm vụ kép"**, vừa đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục, an toàn, hiệu quả; vừa chung tay cùng cả nước quyết liệt phòng, chống dịch và chia sẻ, đồng hành cùng doanh nghiệp, khách hàng vượt qua khó khăn, góp phần nhanh chóng phục hồi, ổn định và phát triển kinh tế, xã hội đất nước trong điều kiện bình thường mới.

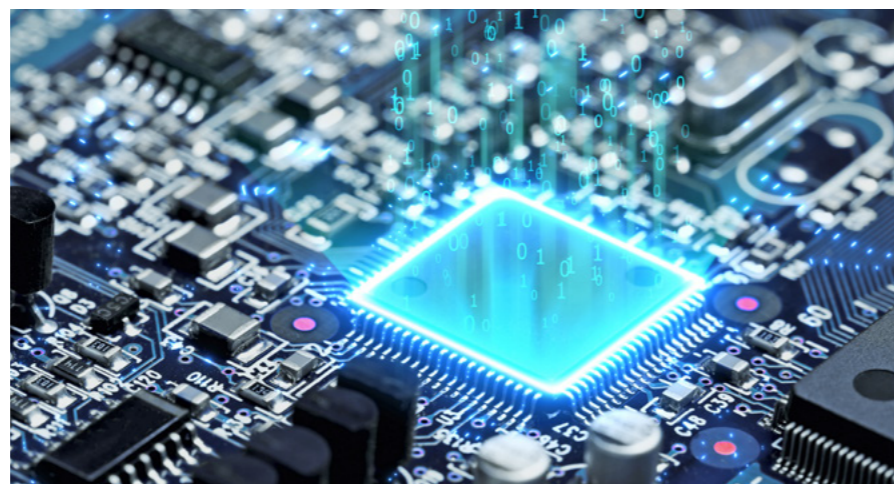
Dưới đây là 10 dấu ấn tiêu biểu của Vietcombank trong năm 2020 - những điểm sáng trong một năm đầy khó khăn.

01

Đưa vào vận hành thành công Hệ thống ngân hàng lõi mới - Core Banking Signature, triển khai nhiều dự án ứng công nghệ hiện đại nhằm nâng cao năng lực hoạt động, quản trị theo thông lệ quốc tế

Vietcombank đã chính thức cung cấp dịch vụ trên hệ thống Core Banking mới từ ngày 27/01/2020 (mùng 3 Tết Nguyên đán Canh Tý). Việc triển khai hệ thống Core Banking mới có ý nghĩa quan trọng đối với Vietcombank, cho phép đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đặc biệt là các sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng số.

Cũng trong năm 2020, Vietcombank đã đưa vào vận hành nhiều hệ thống mới như: Phân tích lợi nhuận đa chiều MPA, Quản trị nguồn nhân lực HCM... và khởi động nhiều dự án chuyển đổi, ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm nâng cao năng lực hoạt động và quản trị điều hành theo thông lệ quốc tế như Treasury, ALM.FTP, IFRS9, PCM...



02

Tiên phong giảm lãi suất, giảm phí hỗ trợ doanh nghiệp và người dân với kỷ lục về số lần và số tiền giảm lớn nhất từ trước đến nay

Với tinh thần chủ động, tích cực chung tay hỗ trợ người dân và doanh nghiệp bị ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp bởi dịch bệnh COVID-19 và ảnh hưởng của bão lũ tại miền Trung, Vietcombank đã triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ khách hàng như: miễn giảm lãi, phí; cơ cấu lại thời hạn trả nợ; cho vay mới để hỗ trợ khách hàng khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh; triển khai các gói tín dụng với lãi suất phù hợp để hỗ trợ khách hàng.

Trong năm 2020, Vietcombank đã thực hiện 5 đợt giảm lãi suất cho vay gồm 4 đợt hỗ trợ doanh nghiệp và người dân bị ảnh hưởng do đại dịch COVID-19 và 1 đợt hỗ trợ doanh nghiệp và người dân tại 10 tỉnh miền Trung bị ảnh hưởng bão lũ để chia sẻ khó khăn với khách hàng với tổng số tiền lãi hỗ trợ lên đến 3.700 tỷ đồng.



03

Quy mô tín dụng tăng trưởng lớn nhất ngành Ngân hàng

Đến cuối năm 2020, dư nợ tín dụng của Vietcombank đạt 845.128 tỷ đồng, tăng 14% so với 2019, hoàn thành 103,6% kế hoạch năm, trong đó có các lĩnh vực tăng trưởng nổi bật như: Tín dụng bán lẻ tăng trưởng cao, đạt mức 20,4%. Tín dụng cho vay tại phòng giao dịch tăng 25,3% so với cuối năm 2019. Dư nợ cho vay FDI tăng 16,7% so với cuối năm 2019.

Với quy mô tăng trưởng hơn 100.000 tỷ đồng dư nợ trong năm 2020, Vietcombank chính thức được ghi nhận là ngân hàng có quy mô tín dụng tăng trưởng lớn nhất ngành Ngân hàng.

DƯ NỢ TÍN DỤNG ĐẠT
845.128 TỶ ĐỒNG
TĂNG 14% SO VỚI NĂM 2019



04

Ngân hàng có chất lượng tín dụng tốt nhất với tỷ lệ nợ xấu thấp nhất thị trường

Quản trị rủi ro tốt đã giúp Vietcombank ghi dấu ấn với tỷ lệ nợ xấu thấp trong nhiều năm qua. Kết thúc năm 2020, tỷ lệ nợ xấu của Vietcombank chỉ còn ở mức 0,62%. Kết quả này tiếp tục ghi nhận Vietcombank là tổ chức tín dụng có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất, chất lượng tài sản tốt nhất trong số các tổ chức tín dụng tại Việt Nam.

Đồng thời, Vietcombank cũng là ngân hàng có tỷ lệ dự phòng bao nợ xấu cao nhất trong các tổ chức tín dụng với tỷ lệ gần 380%, tức là với 100 đồng nợ xấu thì Vietcombank đã trích lập dự phòng được 380 đồng. Đảm bảo được sự an toàn, chắc chắn và hoạt động ổn định cho hệ thống trước những rủi ro, bất trắc của thị trường.



05

Chuyển đổi mô hình hoạt động Khối Ngân hàng Bán lẻ, hướng đến mục tiêu trở thành Ngân hàng bán lẻ số 1 tại Việt Nam

Với mục tiêu hướng tới là ngân hàng số 1 về sự hài lòng của khách hàng, cung ứng những trải nghiệm số hiện đại nhất, mang lại sự thuận tiện và an tâm cho khách hàng, Vietcombank đã triển khai dự án chuyển đổi mô hình hoạt động bán lẻ (RTOM) nhằm chuyển đổi toàn diện hoạt động của bán lẻ, với định hướng xuyên suốt lấy khách hàng là trung tâm, hướng tới trải nghiệm số và gắn kết khách hàng.

Trên cơ sở đó, Vietcombank đã thực hiện sắp xếp lại các phòng ban và bố trí lại nhân sự của Khối Bán lẻ theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với chức năng các phòng ban nghiệp vụ. Trong năm 2020, nhiều sản phẩm dịch vụ bán lẻ mới đã được Vietcombank giới thiệu tới khách hàng.



06

Giữ vững vị trí ngân hàng vượt trội về hiệu quả kinh doanh, lần đầu tiên trở thành doanh nghiệp niêm yết có quy mô vốn hóa lớn nhất thị trường chứng khoán

CỔ PHIẾU CÓ QUY MÔ VỐN HOÁ ĐẠT
370.000 TỶ ĐỒNG
CAO NHẤT THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, hoạt động kinh doanh của Vietcombank vẫn đảm bảo an toàn, hiệu quả và trở thành điểm sáng trong toàn ngành ngân hàng. Ngoài tăng trưởng tín dụng tốt song vẫn bảo đảm được chất lượng tín dụng, tỷ lệ nợ xấu thấp thì các mặt hoạt động khác vẫn duy trì được đà tăng trưởng:

- Tổng tài sản vượt 1,3 triệu tỷ đồng, tăng 8,5% so với năm 2019.
- Huy động vốn thị trường I đạt 1.053.354 tỷ đồng, tăng 10,9% so với năm 2019, đạt 104,6% kế hoạch năm 2020.
- Thu nợ ngoại bảng đạt 2.422 tỷ đồng.
- Doanh số thanh toán quốc tế - tài trợ thương mại đạt 83 tỷ USD, hoàn thành 101% kế hoạch năm 2020, tiếp tục giữ vị trí dẫn đầu với 15,3% thị phần cả nước.
- Doanh số mua bán ngoại tệ đạt 53,6 tỷ USD, hoàn thành 102,5% kế hoạch năm 2020.
- Doanh số thanh toán thẻ và sử dụng thẻ lần lượt đạt 100% và 98% kế hoạch năm 2020.
- Phát triển 2,85 triệu khách hàng E-banking mới và 1,67 triệu khách hàng cá nhân mới, tăng lần lượt là 21,8% và 3,1% so với năm 2019.
- Lợi nhuận hợp nhất đạt trên 23 nghìn tỷ đồng, tương đương mức năm 2019 và tương đương mức 1 tỷ đô la Mỹ, tiếp tục giữ vị trí quán quân là ngân hàng kinh doanh hiệu quả nhất.

Với hiệu quả kinh doanh vượt trội, Vietcombank tiếp tục duy trì vị thế là doanh nghiệp có quy mô nộp ngân sách Nhà nước lớn nhất. Cổ phiếu VCB đã vượt lên trở thành cổ phiếu có quy mô vốn hóa lớn nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam (~ 370 ngàn tỷ đồng, tương đương 16 tỷ USD).



07

Đột phá trong hoạt động ngân hàng số, trở thành ngân hàng chuyển đổi số tiêu biểu trong năm 2020

Năm 2020, Vietcombank đã chính thức ra mắt dịch vụ ngân hàng số VCB Digibank hoàn toàn mới, thanh toán đa kênh tích hợp được xây dựng trên việc hợp nhất các nền tảng giao dịch riêng rẽ trên internet banking và mobile banking, cung cấp trải nghiệm liền mạch, thống nhất cho khách hàng trên các phương tiện điện tử và thiết bị di động. Vietcombank cũng là ngân hàng tiên phong cung cấp giải pháp thanh toán trực tuyến cho các dịch vụ trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

Với những đổi mới số hóa đột phá trong việc ứng dụng các thành tựu công nghệ nổi bật để mang đến cho khách hàng dịch vụ thanh toán hiện đại, nhanh chóng, tiện lợi, đảm bảo an toàn, bảo mật, Vietcombank đã được vinh danh là ngân hàng chuyển đổi số tiêu biểu trong năm 2020.



08

Tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ lần thứ IV nhiệm kỳ 2020-2025; ghi dấu ấn tại Đại hội Đảng bộ Khối DNTW lần thứ III, nhiệm kỳ 2020-2025

Hướng tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Đảng bộ Vietcombank đã tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ, Chi bộ cấp cơ sở và Đại hội đại biểu Đảng bộ Vietcombank lần thứ IV nhiệm kỳ 2020-2025. Đây cũng là Đại hội được Đảng ủy Khối DNTW lựa chọn bầu trực tiếp Bí thư tại Đại hội.

Nhiều hoạt động chào mừng Đại hội Đảng các cấp đã được tổ chức, tạo ra đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng bộ. Trong các hoạt động chào mừng Đại hội, Hội thi "Văn hóa Vietcombank dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh" và Hội trại "Tuổi trẻ Vietcombank - Sắt son niềm tin với Đảng" đã để lại dấu ấn sâu đậm trong lớp lớp cán bộ đảng viên và có tiếng vang trong các hoạt động chào mừng của Đảng bộ Khối.

Tại Đại hội Đảng bộ Khối DNTW lần thứ III, nhiệm kỳ 2020-2025, Chủ tịch HĐQT Vietcombank đã tái đắc cử Ban Thường vụ Đảng ủy Khối nhiệm kỳ 2020-2025 và được bầu vào Đoàn đại biểu tham dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng với số phiếu tín nhiệm cao. Vietcombank cũng là đơn vị duy nhất trong Đảng bộ Khối có Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc trúng cử Ban chấp hành Đảng bộ Khối nhiệm kỳ 2020-2025.



09

Tổ chức thành công lớp đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho toàn bộ cán bộ chủ chốt trong hệ thống Vietcombank, góp phần xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm hiện thực hóa mục tiêu chiến lược hội nhập với khu vực và quốc tế

Năm 2020, Vietcombank lần đầu tiên triển khai tổ chức chương trình "Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức dành cho cán bộ chủ chốt trong hệ thống Vietcombank" với quy mô hơn 200 học viên là cán bộ chủ chốt, bao gồm các thành viên Ban Lãnh đạo, Trưởng các đơn vị tại Trụ sở chính và Giám đốc Chi nhánh, công ty con 100% vốn của Vietcombank. Các học viên đã được cập nhật những kiến thức mới về tình hình kinh tế thế giới và trong nước, về chiến lược ngành ngân hàng và chiến lược phát triển của Vietcombank đến năm 2025, về tư duy lãnh đạo quản lý...

Được tổ chức ngay sau thành công của Đại hội Đảng bộ Vietcombank và Đảng bộ Khối DNTW, nhiệm kỳ 2020-2025, khóa học đã góp phần lan tỏa, tạo niềm tin và hiệu ứng tích cực để toàn hệ thống Vietcombank hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong giai đoạn mới, góp phần cùng ngành Ngân hàng đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Sự kiện này đã tạo thêm một dấu ấn nữa trong quá trình đổi mới công tác đào tạo - nghiên cứu khoa học của Vietcombank trong những năm vừa qua.



10

Thương hiệu Vietcombank được ghi nhận và đánh giá cao với nhiều giải thưởng và danh hiệu uy tín trong và ngoài nước

Năm 2020, Vietcombank liên tiếp được các tạp chí có uy tín của khu vực và toàn cầu đánh giá rất cao, được vinh danh ở nhiều hạng mục giải thưởng lớn.

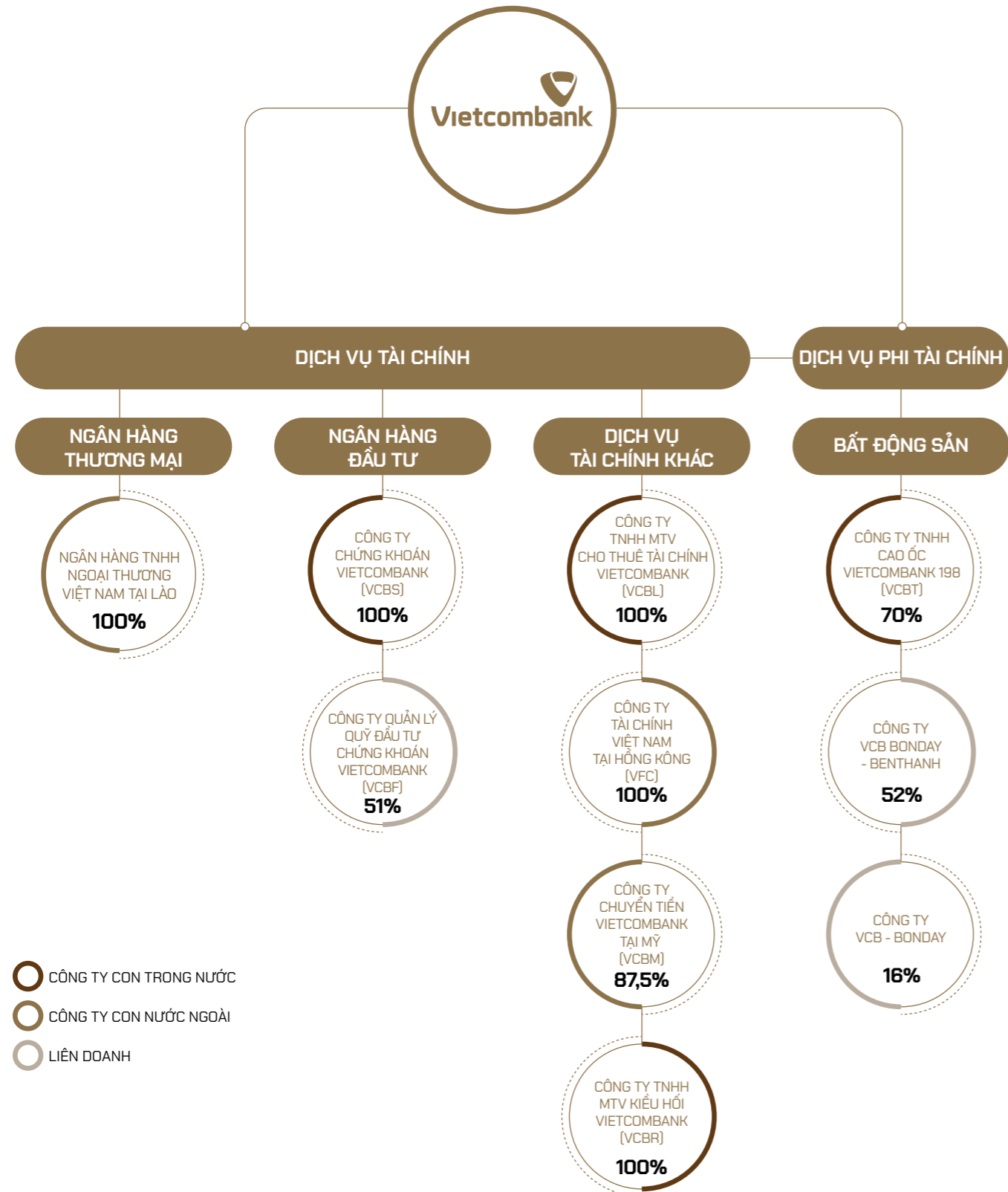
Thứ hạng của ngân hàng cũng được nâng tầm khu vực và thế giới, top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam, là đại diện duy nhất của Việt Nam có mặt trong top 1.000 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất toàn cầu (theo Forbes); đứng thứ 403 (đứng đầu nhóm ngân hàng tại Việt Nam) trong bảng xếp hạng của The Banker; lọt Top 2 ngân hàng có giá trị thương hiệu tăng trưởng cao nhất toàn cầu (theo Brand Finance) và là đơn vị có giá trị thương hiệu lớn nhất ngành ngân hàng tại Việt Nam (theo Forbes Việt Nam).

Ở trong nước, Vietcombank lần thứ 7 liên tiếp được vinh danh Thương hiệu Quốc gia; được vinh danh là ngân hàng nộp thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam; được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen "Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động"; 5 năm liên tiếp là ngân hàng có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam; là thương hiệu ngân hàng uy tín nhất trên truyền thông 3 năm liên tục, cùng nhiều giải thưởng uy tín khác dành cho các sản phẩm dịch vụ về ngân hàng bán lẻ, ngân hàng số, sản phẩm thẻ.



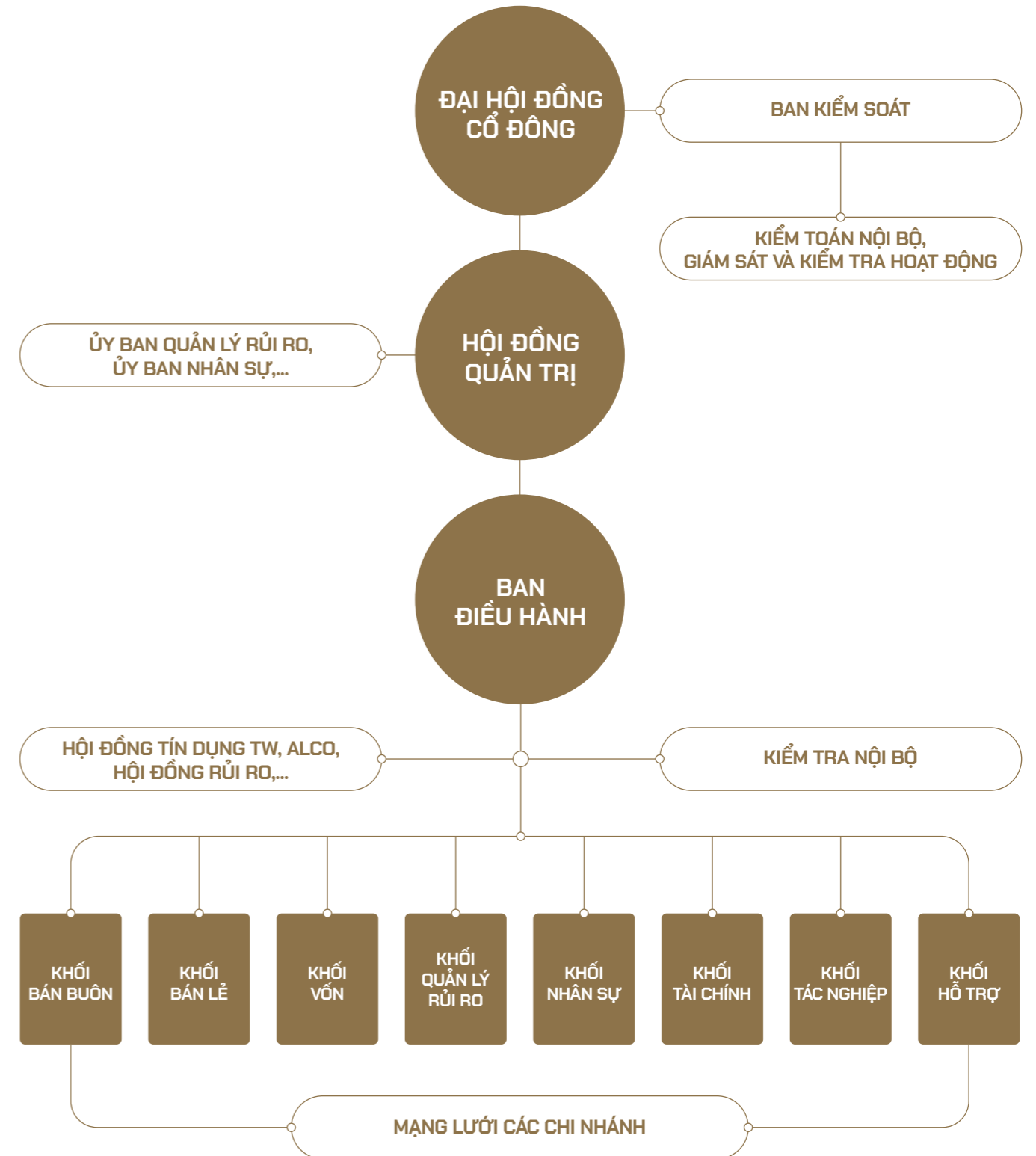
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



- CÔNG TY CON TRONG NƯỚC
- CÔNG TY CON NƯỚC NGOÀI
- LIÊN DOANH

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN

ĐVT: TỶ VNĐ, %

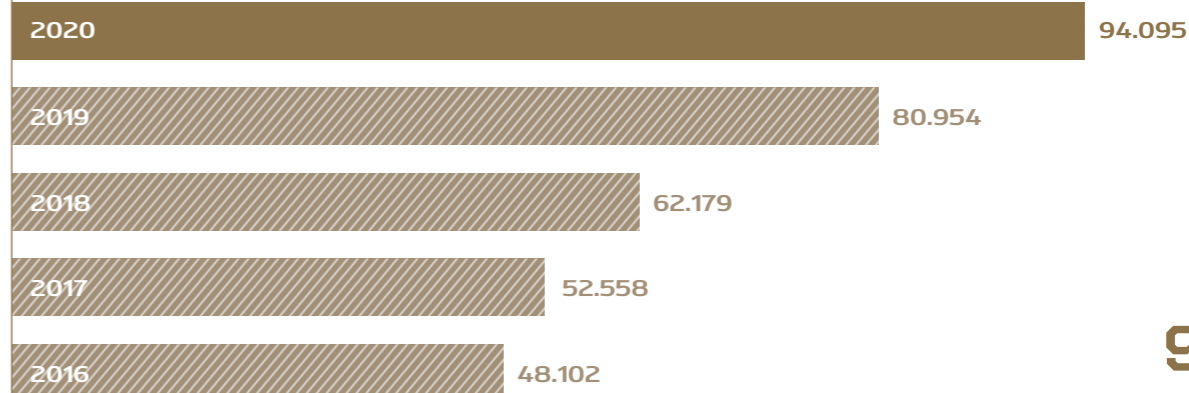
	2016	2017	2018	2019	2020
MỘT SỐ CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Tổng tài sản	787.935	1.035.293	1.074.027	1.222.814	1.326.230
Vốn chủ sở hữu	48.102	52.558	62.179	80.954	94.095
Tổng dư nợ TD/TTS	58,5%	52,5%	58,8%	60,1%	63,3%
Thu nhập ngoài lãi thuần	6.352	7.469	10.870	11.156	12.777
Tổng thu nhập hoạt động kinh doanh	24.886	29.406	39.278	45.693	49.063
Tổng chi phí hoạt động	(9.950)	(11.866)	(13.611)	(15.875)	(16.038)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	14.929	17.540	25.667	29.819	33.024
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(6.406)	(6.198)	(7.398)	(6.607)	(9.975)
Lợi nhuận trước thuế	8.523	11.341	18.269	23.212	23.050
Thuế TNDN	(1.672)	(2.231)	(3.647)	(4.614)	(4.577)
Lợi nhuận sau thuế	6.851	9.111	14.622	18.597	18.473
Lợi nhuận thuần của cổ đông Ngân hàng	6.832	9.091	14.606	18.582	18.451
MỘT SỐ CHỈ TIÊU AN TOÀN VÀ HIỆU QUẢ					
CHỈ TIÊU HIỆU QUẢ					
NIM	2,63%	2,66%	2,94%	3,10%	3,11%
ROAE	14,69%	18,09%	25,49%	25,99%	21,11%
ROAA	0,94%	1,00%	1,39%	1,62%	1,45%
CHỈ TIÊU AN TOÀN					
Tỷ lệ dư nợ tín dụng (bao gồm TPDN)/huy động vốn	76,71%	76,74%	77,68%	78,05%	80,23%
Tỷ lệ nợ xấu	1,46%	1,11%	0,97%	0,78%	0,62%

TỔNG TÀI SẢN (Tỷ đồng)



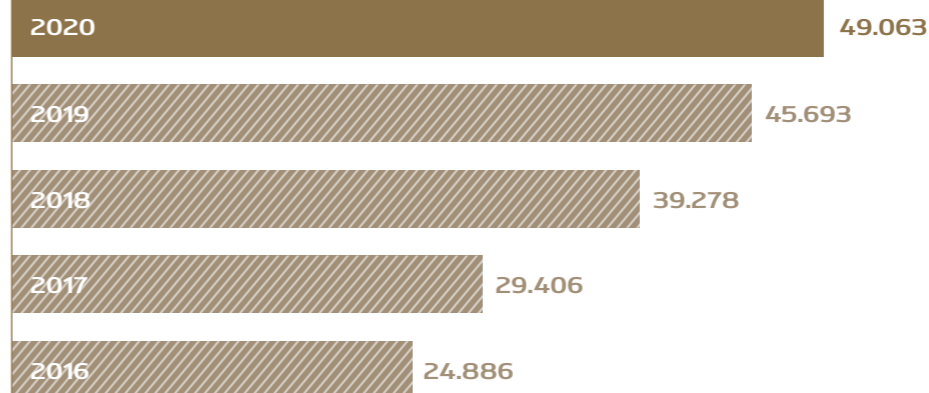
1.326.230
TỶ ĐỒNG

VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tỷ đồng)



94.095
TỶ ĐỒNG

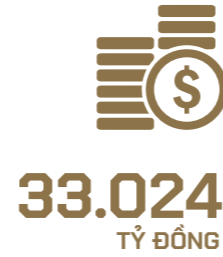
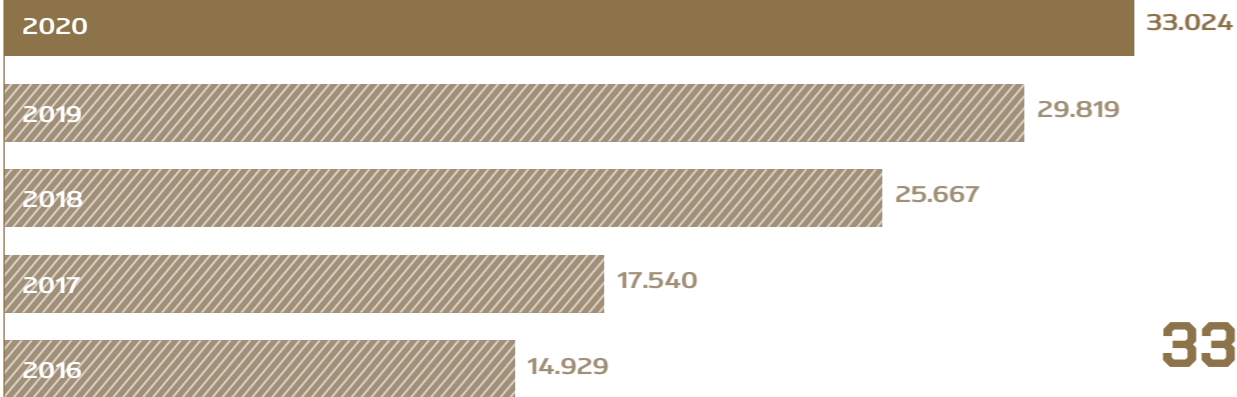
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tỷ đồng)



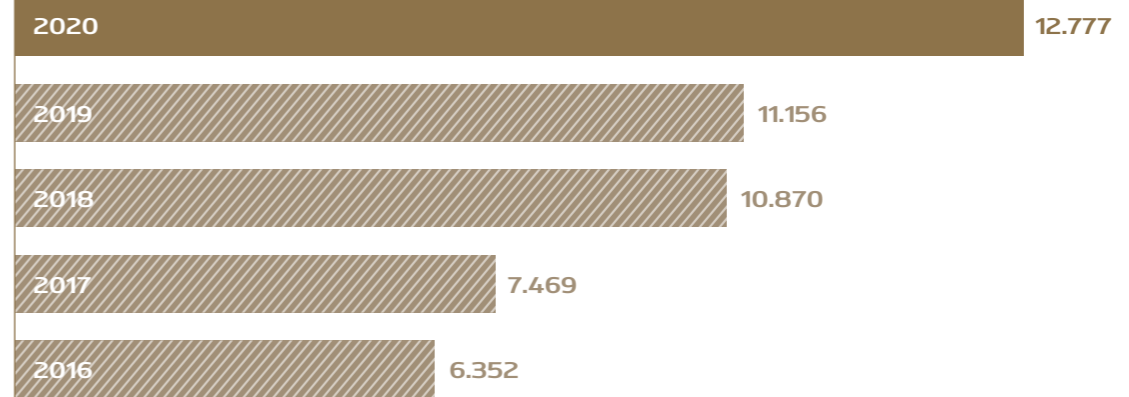
49.063
TỶ ĐỒNG

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN

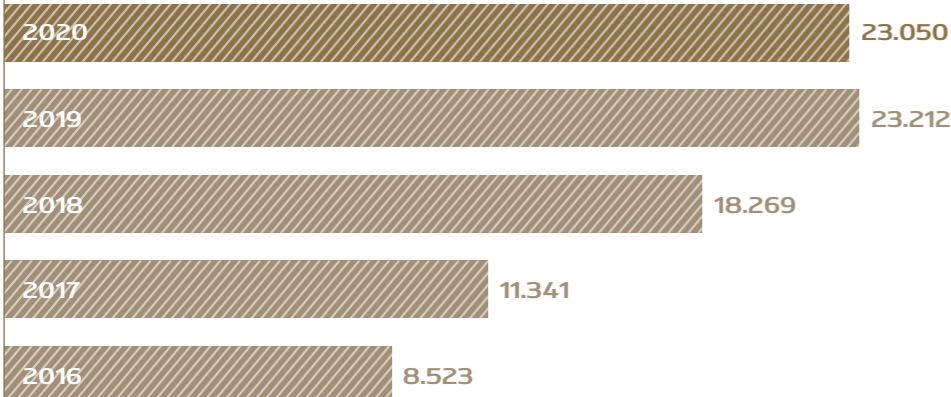
LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tỷ đồng)



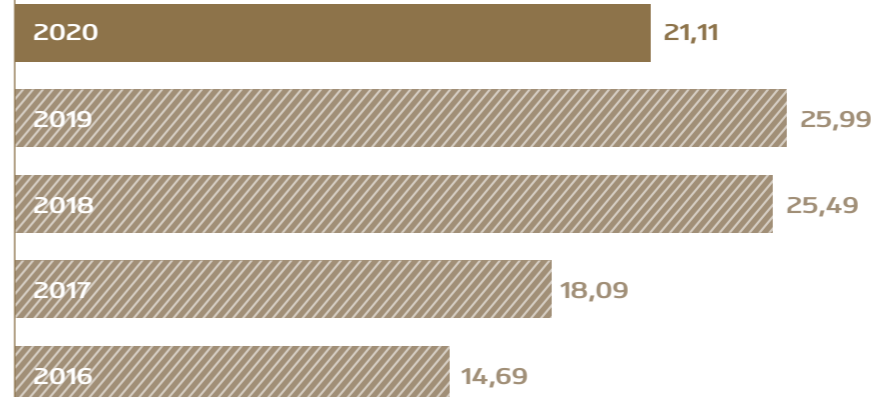
THU NHẬP NGOÀI LÃI THUẦN (Tỷ đồng)



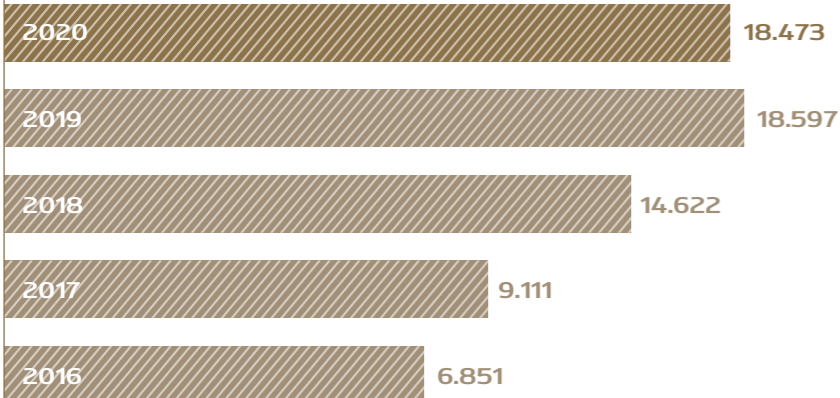
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (Tỷ đồng)



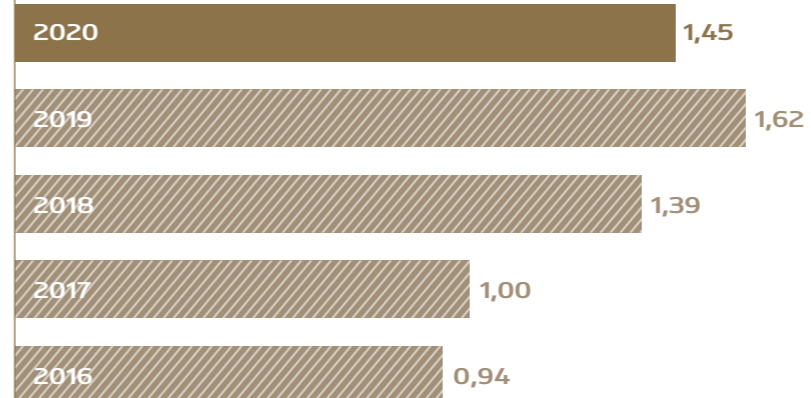
ROAE (%)



LỢI NHUẬN SAU THUẾ (Tỷ đồng)



ROAA (%)



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

Ngân hàng số 1 tại Việt Nam, một trong 100 ngân hàng lớn nhất khu vực Châu Á, một trong 300 tập đoàn tài chính ngân hàng lớn nhất thế giới, một trong 1000 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất toàn cầu có đóng góp lớn vào sự phát triển của Việt Nam.

MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC ĐẾN NĂM 2025



DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG CỦA VIETCOMBANK NĂM 2020

VIETCOMBANK VỮNG TIN VƯỢN RA BIỂN LỚN

Năm 2020, Vietcombank tiếp tục được các tạp chí uy tín của khu vực và toàn cầu đánh giá rất cao, được vinh danh ở nhiều hạng mục giải thưởng lớn, thứ hạng của ngân hàng cũng được nâng tầm khu vực và thế giới, đứng thứ 937 trong danh sách doanh nghiệp niêm yết lớn nhất toàn cầu (theo Forbes); đứng thứ 403 (đứng đầu nhóm ngân hàng tại Việt Nam) trong bảng xếp hạng của The Banker.

Vietcombank hiện là ngân hàng có hiệu quả hoạt động dẫn đầu hệ thống ngân hàng Việt Nam, lợi nhuận liên tiếp bứt phá qua các năm, là ngân hàng Việt Nam đầu tiên cán mốc lợi nhuận 1 tỷ USD và nằm trong Top 200 tổ chức tài chính ngân hàng có lợi nhuận cao nhất toàn cầu.

ĐỨNG THỨ
937

DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT
LỚN NHẤT TOÀN CẦU

THEO FORBES

Forbes

ĐỨNG THỨ
403

(ĐỨNG ĐẦU NHÓM NGÂN HÀNG
VIỆT NAM)

THEO THE BANKER

The Banker



GIẢI THƯỞNG TRONG NƯỚC



NGÂN HÀNG DUY NHẤT 7 LẦN LIÊN TỤC ĐƯỢC VINH DANH THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

Tháng 11/2020, tại Hà Nội, Bộ Công Thương, Hội đồng Thương hiệu Quốc gia đã tổ chức Lễ công bố các doanh nghiệp đạt Thương hiệu Quốc gia năm 2020.

Năm 2020 là lần thứ 7 chương trình được tổ chức, kể từ lần đầu xét chọn vào năm 2008. Đây là chương trình xúc tiến thương mại đặc thù, dài hạn và duy nhất của Chính phủ gắn với 3 giá trị: "Chất lượng - Đổi mới, sáng tạo - Năng lực tiên phong". Vietcombank vinh dự là ngân hàng duy nhất 7 lần liên tục được vinh danh Thương hiệu Quốc gia.

Là thương hiệu ngân hàng duy nhất 7 lần liên tục được vinh danh Thương hiệu Quốc gia, Vietcombank đã có sự bứt phá mạnh mẽ trong thời gian qua về hiệu quả hoạt động để vươn lên trở thành ngân hàng dẫn đầu thị trường về quy mô lợi nhuận, đóng góp lớn cho ngân sách Nhà nước và tham gia tích cực vào sự phát triển của cộng đồng.



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TẶNG BẰNG KHEN “DOANH NGHIỆP TIÊU BIỂU VÌ NGƯỜI LAO ĐỘNG”

Tháng 10/2020, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh, Xã hội và Phòng Thương mại & Công nghiệp Việt Nam tổ chức Lễ trao Giải thưởng “Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động” lần thứ 2.

Lễ trao giải thưởng vinh danh 50 doanh nghiệp được xếp hạng năm 2019, trong đó 30 doanh nghiệp được tặng Bằng khen của Ban Tổ chức, 8 doanh nghiệp được nhận Giải thưởng và vinh dự được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen. Vietcombank vinh dự 2 lần liên tiếp được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen “Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động”.

Trong nhiều năm qua, Vietcombank liên tiếp được vinh danh “Doanh nghiệp vì Người lao động”, “Giải thưởng Doanh nghiệp vì Người lao động” và “Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động”; vinh dự 2 lần nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.



GIẢI THƯỞNG TRONG NƯỚC



NGÂN HÀNG NỘP THUẾ LỚN NHẤT VIỆT NAM

Tháng 10/2020, Tổng cục Thuế tổ chức lễ tôn vinh người nộp thuế và công bố kích hoạt hệ thống 479 kênh thông tin hỗ trợ thủ tục thuế qua cổng điện tử Etax.

Năm 2020, Vietcombank vinh dự nằm trong nhóm 30 doanh nghiệp có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong việc chấp hành pháp luật Thuế và thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế vào ngân sách Nhà nước (NSNN), được Bộ Tài chính vinh danh và trao tặng Bằng khen tại buổi lễ.

Với hiệu quả kinh doanh vượt trội, Vietcombank luôn là NHTM có đóng góp lớn nhất cho NSNN. Trong 5 năm 2015-2019, Vietcombank đã đóng góp cho NSNN hơn 30.700 tỷ đồng, trong đó tổng số thuế và phí đạt hơn 19.000 tỷ đồng, tổng số cổ tức chia cho cổ đông Nhà nước hơn 10.700 tỷ đồng.



8 NĂM LIÊN TIẾP ĐƯỢC FORBES BÌNH CHỌN TRONG TOP 50 CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT VIỆT NAM

Tháng 10/2020, Tạp chí Forbes Việt Nam đã tổ chức Lễ vinh danh 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2020. Đây là lần thứ 8 Forbes Việt Nam thực hiện danh sách này với mục đích lựa chọn và vinh danh những công ty tốt nhất trên thị trường chứng khoán. Vietcombank vinh dự được bình chọn là công ty sau 8 năm vẫn giữ được vị trí trong danh sách 50 công ty niêm yết tốt nhất của Forbes Việt Nam.

Tạp chí Forbes Việt Nam đánh giá: Năm 2020, Vietcombank xếp hạng thứ 937, thứ hạng cao nhất từ trước tới nay, trong danh sách Global 2.000 (2.000 công ty lớn nhất thế giới) – danh sách xếp hạng dựa trên doanh thu, lợi nhuận, vốn hóa và tài sản. Việt Nam có 4 doanh nghiệp nằm trong danh sách với 3 ngân hàng trong đó Vietcombank ở vị trí dẫn đầu.



GIẢI THƯỞNG TRONG NƯỚC



DẪN ĐẦU CÁC NGÂN HÀNG TRONG TOP 50 DOANH NGHIỆP LỢI NHUẬN XUẤT SẮC NHẤT VIỆT NAM

Tháng 10/2020, tại Hà Nội, Công ty cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp cùng Báo điện tử VietNamNet – Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức Lễ công bố Top 50 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (PROFIT500) năm 2020.

Năm 2020 là năm thứ tư liên tiếp công bố bảng xếp hạng PROFIT500, đồng thời là năm đầu tiên công bố danh sách Top 50 Doanh nghiệp lợi nhuận xuất sắc Việt Nam (Vietnam Best Profitable). Vietcombank vinh dự được bình chọn với vị trí dẫn đầu các ngân hàng Việt Nam trong Top 50 Doanh nghiệp lợi nhuận xuất sắc nhất Việt Nam.



GIÁ TRỊ THƯƠNG HIỆU LỚN NHẤT NGÀNH NGÂN HÀNG

Tháng 8/2020, Forbes Việt Nam công bố danh sách 50 thương hiệu dẫn đầu trong các lĩnh vực kinh doanh tại Việt Nam năm 2020. Theo đó, Vietcombank là ngân hàng có giá trị thương hiệu lớn nhất với 251 triệu USD và cũng là ngân hàng duy nhất lọt Top 10.

Có 6 ngân hàng lọt vào danh sách này, trong đó, Vietcombank là ngân hàng có giá trị thương hiệu lớn nhất và ngân hàng duy nhất vinh dự lọt Top 10. Theo Forbes, 10 thương hiệu đứng đầu xét theo giá trị chiếm hơn 60% tổng giá trị của danh sách.



DẪN ĐẦU BẢNG XẾP HẠNG TOP 10 NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM UY TÍN NĂM 2020

Tháng 9/2020, Vietnam Report phối hợp cùng báo Vietnamnet chính thức công bố Top 10 Công ty uy tín các ngành trọng điểm trong đó có ngành ngân hàng. Năm 2020 là năm thứ 3 liên tiếp Vietcombank vinh dự dẫn đầu bảng xếp hạng Top 10 Ngân hàng thương mại Việt Nam uy tín. Vietcombank đồng thời là đơn vị duy nhất đại diện ngành tài chính ngân hàng có mặt trong Bảng xếp hạng Top 10 Doanh nghiệp niêm yết uy tín năm 2020. Những doanh nghiệp được vinh danh trong Top 10 Công ty uy tín các ngành năm 2020 đều là những đại diện doanh nghiệp có hoạt động hiệu quả, có vị thế trong ngành, có đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của nền kinh tế và thương hiệu được nhiều người tin tưởng trên thị trường Việt Nam trong thời gian qua.

GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ



NGÂN HÀNG CÓ GIÁ TRỊ THƯƠNG HIỆU TĂNG TRƯỞNG CAO NHẤT TOÀN CẦU

Tháng 2/2020, Công ty tư vấn định giá thương hiệu hàng đầu thế giới (Brand Finance) công bố Bảng xếp hạng 500 thương hiệu ngân hàng (Brand Finance Banking 500) lớn nhất toàn cầu. 9 ngân hàng Việt có tên trên bảng xếp hạng, trong đó có 5 gương mặt mới so với năm 2019.

Theo Brand Finance, trong khi khu vực châu Âu sụt giảm trong bảng xếp hạng, nhóm châu Á tăng chủ yếu nhờ Việt Nam. "Thị trường có giá trị thương hiệu tăng mạnh nhất là Việt Nam, với mức tăng tới 146%. Trong đó, Vietcombank đã tăng 99%, đạt 0,8 tỷ USD, mức tăng trưởng cao thứ 2 tính theo tỷ lệ phần trăm trên toàn cầu", Brand Finance cho biết.

Với mức tăng trưởng ấn tượng nêu trên, thứ hạng của Vietcombank trong bảng xếp hạng Brand Finance Banking 500 tăng mạnh từ vị trí 325 (năm 2019) lên vị trí 207 (năm 2020).



LIÊN TIẾP LÀ NGÂN HÀNG CÓ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC TỐT NHẤT VIỆT NAM

Tháng 10/2020, Công ty Anphabe - đơn vị tư vấn tiên phong về giải pháp thương hiệu nhà tuyển dụng và môi trường làm việc hạnh phúc tại Việt Nam cùng Intage - công ty nghiên cứu thị trường hàng đầu Nhật Bản công bố kết quả khảo sát "100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam năm 2020".

Vietcombank tiếp tục khẳng định vị thế là ngân hàng có môi trường làm việc hấp dẫn nhất khi được bình chọn xếp thứ 1 toàn ngành ngân hàng, xếp thứ 2 toàn thị trường Việt Nam và lọt Top 50 doanh nghiệp Việt có thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn nhất.

Với kết quả khảo sát năm nay, Vietcombank duy trì vị thế dẫn đầu trong 5 năm liên tiếp là ngân hàng có môi trường làm việc tốt nhất tại Việt Nam.



GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ



ĐẠI DIỆN DUY NHẤT TẠI VIỆT NAM CÓ MẶT TRONG TOP 1.000 DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT LỚN NHẤT TOÀN CẦU DO FORBES BÌNH CHỌN

Tháng 5/2020, Vietcombank đã được ghi nhận tại Bảng xếp hạng "The World's Largest Public Companies 2020" của Forbes với vị trí dẫn đầu trong số các công ty Việt Nam được vinh dự chọn vào bảng xếp hạng với thứ hạng 937, tăng tới 159 bậc so với năm 2019.

Theo thống kê từ năm 2015 đến nay, thứ hạng của Vietcombank đã được cải thiện đáng kể từ 1985 lên 937, lọt vào Top 1.000 Doanh nghiệp niêm yết lớn nhất toàn cầu do Forbes bình chọn. Theo Bảng xếp hạng "The World's Largest Public Companies 2020" của Forbes, Vietcombank là đại diện duy nhất tại Việt Nam có mặt trong Top 1.000 Doanh nghiệp niêm yết lớn nhất toàn cầu.

Năm 2019 lợi nhuận của Vietcombank đạt 23.155 tỷ đồng, tăng 24% so với năm 2018, vượt xa mức 12% theo kế hoạch đề ra. Với mức lợi nhuận xấp xỉ 1 tỷ USD, Vietcombank thuộc Top 200 tổ chức tài chính ngân hàng có quy mô lợi nhuận cao nhất toàn cầu. Vietcombank hiện là ngân hàng đầu tại Việt Nam có tổng tài sản 50 tỷ USD và giá trị vốn hóa cao nhất trong các TCTD niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Hiện Vietcombank có trên 18.000 nhân viên với mạng lưới hoạt động rộng khắp lãnh thổ Việt Nam gồm Trụ sở chính tại Hà Nội và gần 600 Chi nhánh, Phòng giao dịch trên cả nước.

Mục tiêu chiến lược của ngân hàng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 là củng cố vững chắc vị trí số 1 tại Việt Nam, đứng trong 100 ngân hàng lớn nhất khu vực châu Á, một trong 300 tập đoàn tài chính ngân hàng lớn nhất thế giới, một trong 1.000 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất toàn cầu, đóng góp tích cực vào sự phát triển của Việt Nam.



GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ UY TÍN VỀ NGÂN HÀNG BÁN LẺ

Tháng 6/2020, với những kết quả vượt trội trong hoạt động ngân hàng bán lẻ, Vietcombank đã xuất sắc nhận 03 giải thưởng "Ngân hàng bán lẻ tốt nhất Việt Nam", "Thẻ tín dụng tốt nhất Việt Nam" cho sản phẩm thẻ Vietcombank Visa Signature và "Ứng dụng Ngân hàng di động tốt nhất Việt Nam" trong khuôn khổ Giải thưởng Tài chính Bán lẻ năm 2020 do Tạp chí quốc tế The Asian Banker trao tặng.

Đây là lần đầu tiên một NHTM tại Việt Nam được vinh dự nhận đồng thời cả 3 giải thưởng quan trọng nhất năm về lĩnh vực ngân hàng bán lẻ của The Asian Banker - tổ chức đánh giá và xếp hạng uy tín hàng đầu trong lĩnh vực tài chính của châu Á và thế giới.

Vietcombank nhận giải thưởng "Ngân hàng bán lẻ tốt nhất Việt Nam" năm 2020 dựa trên kết quả kinh doanh vượt trội của lĩnh vực ngân hàng bán lẻ. Doanh thu từ lĩnh vực ngân hàng bán lẻ cũng mang lại cho Vietcombank 19.300 tỷ VNĐ, mức doanh thu bán lẻ cao nhất mà các ngân hàng Việt Nam đạt được tới thời điểm hiện tại. Năm 2019, Vietcombank ra mắt thẻ tín dụng quốc tế Visa Signature dành cho Khách hàng ưu tiên Vietcombank Priority, giúp tăng cường sự kết nối với các khách hàng cao cấp. The Asian Banker đánh giá cao thẻ Vietcombank Visa Signature ở kết quả ấn tượng trong cả mảng phát hành và sử dụng thẻ.

Từ cuối năm 2012, Vietcombank đã là ngân hàng đầu tiên trên thị trường cung cấp dịch vụ Mobile banking phiên bản ứng dụng (App) với thương hiệu VCB-Mobile B@nking - được ví như một ngân hàng thu nhỏ trên điện thoại. Đến nay, VCB-Mobile B@nking tiếp tục là ứng dụng ngân hàng di động được yêu thích, tin dùng hàng đầu tại Việt Nam.

THE LIST: 2020 BLOBAL 2000

SEARCH BY COUNTRY/TERRITORY

Vietnam

SEARCH BY NAME

Rank	Company	Country/Territory	Sales	Profits	Assets	Market Value
937	Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade Of Vietnam	Vietnam	\$3.7 B	\$773.8 M	\$48.5 B	\$10.8 B
1448	Commercial Bank For Investment & Development Of Vietnam	Vietnam	\$5.1 B	\$367.7 M	\$64.3 B	\$6.1 B
1534	Vingroup	Vietnam	\$5.6 B	\$323.2 M	\$17.4 B	\$13.3 B
1595	Vietinbank	Vietnam	\$4.1 B	\$407.3 M	\$53.5 B	\$3.2 B



GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ

Chứng nhận của các ngân hàng nước ngoài đối với Vietcombank năm 2020

Ngân hàng	Chứng nhận
Wells Fargo Bank, N.A.	Giải thưởng chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc 2019-2020
J.P.Morgan Chase Bank, N.A.	<ul style="list-style-type: none"> Giải thưởng chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc cho tỷ lệ điện MT103 đạt chuẩn >99% Giải thưởng chất lượng thanh toán quốc tế cho tỷ lệ điện MT202 đạt chuẩn >98%
The Bank of New York Mellon	Giải thưởng chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc
Citibank, N.A.	Giải thưởng chất lượng thanh toán xuất sắc năm 2020
HSBC Bank Plc	Giải thưởng chất lượng thanh toán xuất sắc cho tỷ lệ điện đạt chuẩn >99%
Standard Chartered Bank Plc	Giải thưởng chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc năm 2020





CÁC MỐC MỤC TIÊU

CHƯƠNG 2

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Tình hình tài chính	50
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	52
Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	54
Đánh giá kết quả hoạt động năm 2020	60
Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2021	72
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Vietcombank	78



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

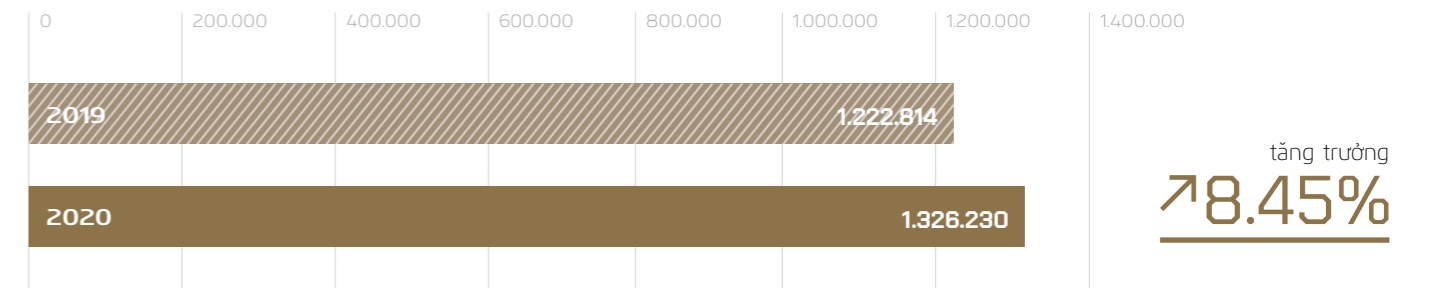
1. BẢNG TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA VCB

Đơn vị: tỷ đồng

Tình hình tài chính	2019	2020
A TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH		
1 Tổng tài sản	1.222.814	1.326.230
2 Doanh thu	88.339	90.936
3 Thuế và các khoản phải nộp (Số đã nộp trong kỳ)	6.751	6.470
4 Lợi nhuận trước thuế	23.212	23.050
5 Lợi nhuận sau thuế	18.597	18.473
B CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU		
1 Quy mô vốn		
1.1 Vốn điều lệ	37.089	37.089
1.2 Tổng tài sản có	1.222.814	1.326.230
1.3 Tỷ lệ an toàn vốn	9,34%	9,56%
2 Kết quả hoạt động kinh doanh		
2.1 Doanh số huy động tiền gửi	17.486.521	18.910.197
2.2 Doanh số cho vay	1.718.858	1.671.143
2.3 Doanh số thu nợ	1.617.310	1.567.035
2.4 Nợ xấu	5.370	5.230
2.5 Tỷ lệ tín dụng (bao gồm TPDN) /tổng vốn huy động thị trường 1 (quy VND)	78,05%	80,23%
2.6 Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ tín dụng thị trường 1	0,72%	0,62%
3 Khả năng thanh toán		
3.1 Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	22,0%	19,2%
3.2 Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày		
VND	86,9%	83,8%
USD và Ngoại tệ khác quy USD	96,6%	79,7%

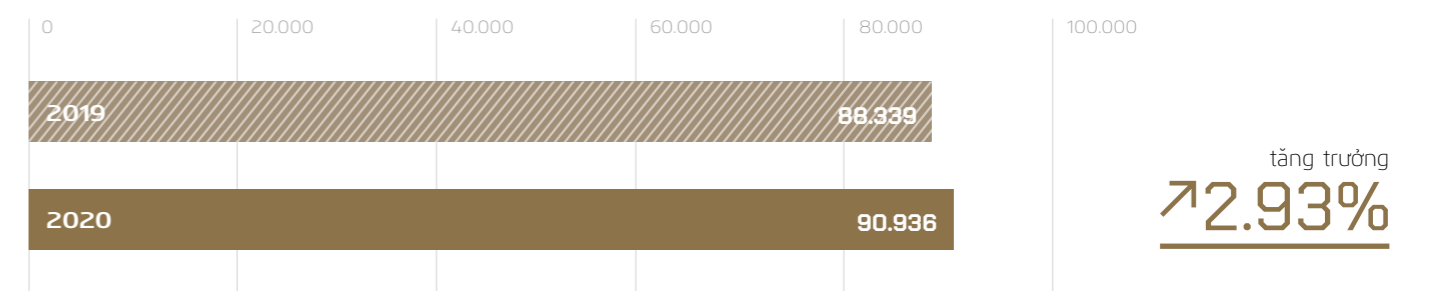
TỔNG TÀI SẢN

Đơn vị: tỷ đồng



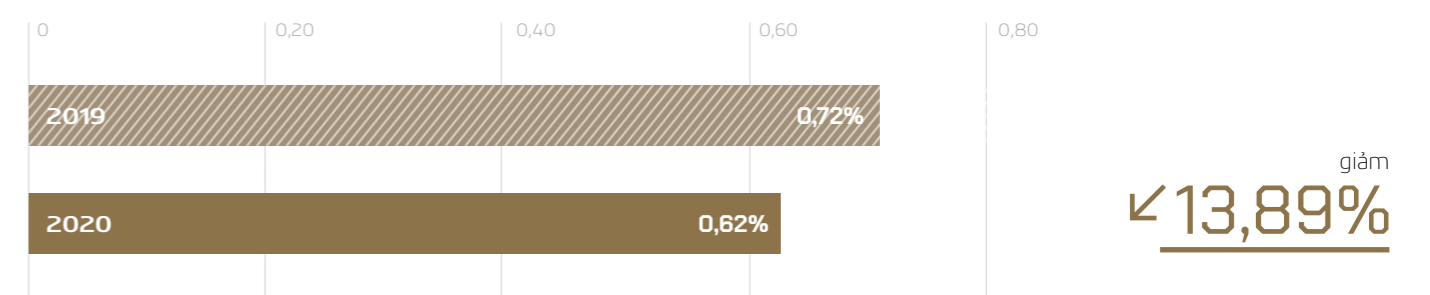
DOANH THU

Đơn vị: tỷ đồng



TỶ LỆ NỢ XẤU/TỔNG DƯ NỢ TÍN DỤNG THỊ TRƯỜNG 1

Đơn vị: %



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. CỔ ĐÔNG

TỔNG SỐ CỔ PHẦN

3.708.877.448

Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng
3.708.877.448	Cổ phần phổ thông	378.103.902	3.330.773.546

2. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ SỐ CỔ PHẦN BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG

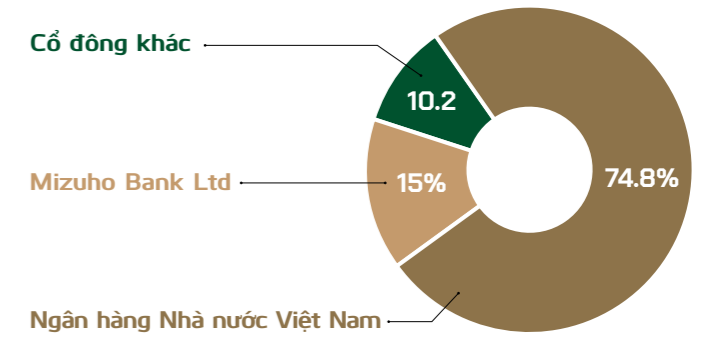
Tên cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng
1 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đại diện sở hữu vốn Nhà nước)	2.774.353.387	2.774.353.387	Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Các TCTD số 47/2010/QH12: "Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ."
2 Cổ đông nội bộ	80.177	80.177	
Hội đồng quản trị	71.590	71.590	
Ban Kiểm soát	8.587	8.587	
3 Cổ đông chiến lược nước ngoài Mizuho Bank Ltd.	556.334.933	556.334.933	
Tổng	3.330.773.546	3.330.773.546	

- Theo QĐ số 2526/QĐ-NHNN ngày 05/12/2014 của NHNN v/v cử người đại diện phần vốn Nhà nước tại Vietcombank, ông Nghiêm Xuân Thành – Chủ tịch HĐQT Vietcombank đại diện 40% vốn Nhà nước, ông Phạm Quang Dũng – Ủy viên HĐQT, TGD Vietcombank đại diện 30% vốn Nhà nước tại Vietcombank.
- Theo QĐ số 909/QĐ-NHNN ngày 26/04/2019 của NHNN v/v chuyển công tác cán bộ, trong đó có nội dung cử ông Đỗ Việt Hùng là người đại diện 30% vốn Nhà nước tại Vietcombank.

3. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG

24.515



TT	Tên cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông
I	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đại diện sở hữu vốn Nhà nước)	2.774.353.387	74,8%	1
II	Cổ đông chiến lược nước ngoài Mizuho Bank Ltd	556.334.933	15,00%	1
III	Cổ đông khác	378.189.128	10,2%	24.513
1	Cổ đông là cá nhân trong nước	26.109.735	0,70%	23.004
2	Cổ đông là tổ chức trong nước	28.116.018	0,76%	151
3	Cổ đông là cá nhân nước ngoài	2.132.851	0,06%	1130
4	Cổ đông là tổ chức nước ngoài	321.830.524	8,68%	228
	Tổng	3.708.877.448	100,00%	24.515

4. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	47-49 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	2.774.353.387	74,8%
2	MIZUHO BANK, LTD	1-5-5 Otemachi, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan	556.334.933	15,00%

(Nguồn: Danh sách cổ đông Vietcombank chốt tại ngày 31/12/2020 do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam – VSD cung cấp)

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ/THOÁI VỐN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2020

Trong năm 2020, VCB đã thực hiện thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Vietcombank-Cardif như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

Stt	Tên đơn vị	Vốn đầu tư 31/12/2020	Vốn đầu tư 31/12/2019	Thoái vốn
1	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Vietcombank - Cardif	0	270	270

2. CÔNG TY CON, LIÊN DOANH-LIÊN KẾT

Thông tin chung công ty con

Đơn vị: tỷ đồng

Tên	Tên viết tắt	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực	Vốn đầu tư 31/12/2020	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank	VCBS	Giấy phép hoạt động số 09/GPHDKD ngày 24/04/2002 và theo giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 63/GPDC-UBCK ngày 29/12/2017 do UBCKNN cấp.	Chứng khoán	700,00	100%
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Vietcombank	VCBL	Giấy phép hoạt động số 66/GP-NHNN ngày 31/10/2017 do Ngân hàng Nhà nước cấp	Cho thuê tài chính	500,00	100%
Công ty TNHH MTV Kiểu hối Vietcombank	VCBR	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314633162 ngày 20/09/2017 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp	Chi trả Kiểu hối	30,00	100%
Ngân hàng TNHH Ngoại thương Việt Nam tại Lào	VCB Lào	Giấy phép hoạt động số 88/BOL ngày 25/5/2018 do Ngân hàng Trung ương Lào cấp	Ngân hàng	1.820,40	100%
Công ty tài chính Việt Nam tại Hồng Kông	VFC	Đăng ký kinh doanh số 58327 ngày 10/02/1978 do Ủy ban Ngân hàng Hồng Kông cấp	Dịch vụ Tài chính	116,90	100%
Công ty Chuyển tiền Vietcombank	VCBM	Giấy Đăng ký kinh doanh số E0321392009_6 ngày 15/06/2009 do chính quyền bang Nevada, Hoa kỳ cấp	Chuyển tiền kiểu hối	204,98	87,5%
Công ty TNHH Cao Ốc Vietcombank 198	VCBT	Giấy phép đầu tư số 1578/GP ngày 30/05/1996 và sửa đổi lần gần đây nhất theo giấy phép ngày 01/03/2019 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	Cho thuê văn phòng	70,00	70%



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của công ty con

VCBL

Công ty TNHH Một thành viên
Cho thuê tài chính Vietcombank

VCBL là Công ty do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực cho thuê tài chính. Lợi nhuận trước thuế năm 2020 đạt 123,14 tỷ đồng, vượt 7% kế hoạch lợi nhuận được giao. Dư nợ cho thuê tài chính của VCBL đến cuối năm 2020 đạt 4.618 tỷ đồng.

Lợi nhuận trước thuế

123,14 TỶ ĐỒNG

VFC

Công ty tài chính Việt Nam
tại Hồng Kông

VFC là công ty con do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực tài chính tại thị trường Hong Kong. Một số mảng hoạt động chính của Công ty là: nhận tiền gửi, tín dụng, dịch vụ thanh toán, chuyển tiền. Doanh thu từ các hoạt động chính đạt 16,2 tỷ đồng.

Lợi nhuận trước thuế

16,2 TỶ ĐỒNG

VCBS

Công ty TNHH Chứng khoán
Vietcombank

VCBS là công ty do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán. Thị trường chứng khoán tuy có nhiều biến động nhưng Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh tích cực. Lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm 2020 đạt 323,70 tỷ đồng, vượt 13,8% kế hoạch được giao.

Lợi nhuận trước thuế

323,70 TỶ ĐỒNG

VCBR

Công ty TNHH Một thành viên
Kiều hối Vietcombank

VCBR là công ty con do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực nhận kiều hối từ đối tác nước ngoài và thực hiện chi, trả cho người thụ hưởng tại Việt Nam. Lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm 2020 đạt 6,92 tỷ đồng vượt 139% kế hoạch được giao.

Lợi nhuận trước thuế

6,92 TỶ ĐỒNG

VCB LÀO

Ngân hàng TNHH
Ngoại thương Việt Nam tại Lào

VCB Lào là ngân hàng con do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng tại thị trường Lào, chính thức hoạt động từ tháng 07/2018. Trong năm 2020, VCB Lào hoạt động tương đối hiệu quả, lợi nhuận trước thuế đạt 37,87 tỷ đồng.

Lợi nhuận trước thuế

37,87 TỶ ĐỒNG

VCBT

Công ty TNHH Cao Ốc Vietcombank 198

VCBT là công ty liên doanh giữa Vietcombank và Công ty FELS Property Holdings Pte, Ltd. của Singapore với tỷ lệ vốn góp là 70:30, hoạt động trong lĩnh vực cho thuê văn phòng tại tòa nhà Vietcombank Tower 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Do đặc thù thuận lợi về vị trí và khách hàng nên năm 2020

Lợi nhuận trước thuế

76,72 TỶ ĐỒNG

VCBM

Công ty Chuyển tiền Vietcombank

VCBM là công ty con do Vietcombank nắm giữ 87,5% vốn điều lệ, hoạt động trong lĩnh vực chuyển tiền kiều hối tại Mỹ và chuyển về Việt Nam thông qua các đối tác chi trả trong nước. Trong năm 2020, VCBM duy trì hoạt động ổn định. Lợi nhuận trước thuế năm 2020 của VCBM đạt 11,25 tỷ đồng, vượt 111% kế hoạch được giao.

Lợi nhuận trước thuế

11,25 TỶ ĐỒNG

Công ty tiếp tục duy trì hoạt động ổn định với tỷ lệ cho thuê đạt 100%, lợi nhuận trước thuế năm 2020 đạt 76,72 tỷ đồng, vượt 14% kế hoạch được giao.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Thông tin chung công ty liên doanh-liên kết

Đơn vị: tỷ đồng

Tên	Tên viết tắt	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực	Vốn đầu tư 31/12/2020	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank-Bonday - Bến Thành	VBB	Số 2458/GP ngày 07/02/2005 và giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 2458/GCND2/41/1 ngày 28/12/2012 do Bộ KH&ĐT cấp	Cho thuê văn phòng	410,36	52%
Công ty liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank	VCBF	Số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 02/12/2005 và theo giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 17/GPĐC-UBCK ngày 09/02/2018 do UBCKNN cấp	Quản lý quỹ đầu tư	135,15	51%
Công ty Liên doanh Hữu hạn Vietcombank Bonday	VCBB	Số 283/GP ngày 05/12/1991 và theo giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 283/GPĐC4 ngày 04/03/2002 do Bộ KH&ĐT cấp	Cho thuê văn phòng	11,11	16%



Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của công ty liên doanh-liên kết

VCBF

Công ty liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank

VCBF là công ty liên doanh giữa Vietcombank và Franklin Templeton với tỷ lệ vốn góp tương ứng là 51% và 49%, hoạt động trong các lĩnh vực: thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Lợi nhuận trước thuế năm 2020 đạt 23,92 tỷ đồng, vượt 23,9% kế hoạch được giao.

Lợi nhuận trước thuế
23,92 TỶ ĐỒNG

VCBB

Công ty Liên doanh Hữu hạn Vietcombank Bonday

VCBB là Công ty Liên doanh giữa Vietcombank, Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn, và đối tác Bonday Investments Ltd., Hồng Kông. Công ty hoạt động trong lĩnh vực cho thuê văn phòng Tòa nhà Harbour View Tower tại địa chỉ 35 Nguyễn Huệ, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Trong năm 2020, Công ty vẫn duy trì hoạt động ổn định, lợi nhuận trước thuế đạt 41,65 tỷ đồng đạt 99,9% kế hoạch được giao.

Lợi nhuận trước thuế
41,65 TỶ ĐỒNG

VBB

Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank - Bonday - Bến Thành

VBB là công ty liên doanh giữa Vietcombank với Công ty CP DVTM TP.HCM (Setra Corp.) và đối tác Bonday Investments Ltd. (Hongkong) với tỷ lệ góp vốn lần lượt là 52%; 18% và 30%. VBB hoạt động trong lĩnh vực cho thuê tòa nhà văn phòng cao cấp (hạng A) tại địa chỉ số 5 Công trường Mê Linh, Quận I, Thành phố

Hồ Chí Minh, đồng thời đáp ứng nhu cầu về trụ sở làm việc của chi nhánh và các đơn vị trực thuộc của Vietcombank trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Cuối năm 2020, gần 100% diện tích cho thuê của VBB đã được lấp đầy. Lợi nhuận trước thuế năm 2020 đạt 194,33 tỷ đồng, vượt 30% kế hoạch được giao.

Lợi nhuận trước thuế
194,33 TỶ ĐỒNG

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Trước những diễn biến bất thường của môi trường kinh tế - xã hội, VCB đã nỗ lực phấn đấu thực hiện thành công “đa mục tiêu”: Phòng chống dịch Covid-19 hiệu quả; Chia sẻ khó khăn với khách hàng; và Phát triển kinh doanh bền vững.

Tiên phong triển khai hiệu quả Nghị quyết 42 của Chính phủ và Thông tư 01 của Ngân hàng nhà nước (NHNN)

Tiên phong triển khai đồng bộ và mạnh mẽ các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, cá nhân chịu tác động của dịch COVID-19 và thiên tai thông qua các gói hỗ trợ lãi suất, giảm lãi suất cho vay đối với dư nợ hiện hữu; giảm đồng loạt lãi suất cho vay đối với các khách hàng ở khu vực miền trung chịu ảnh hưởng của bão lũ, giảm phí dịch vụ thanh toán...

Tổng dư nợ được hỗ trợ giảm lãi suất khoảng 441.768 tỷ đồng. Tổng số tiền lãi hỗ trợ khách hàng do giảm lãi suất trong năm 2020 lên tới trên 3.700 tỷ đồng.

Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 01 cho các khách hàng vay vốn bị ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19.

DƯ NỢ ĐƯỢC CƠ CẤU
TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2020

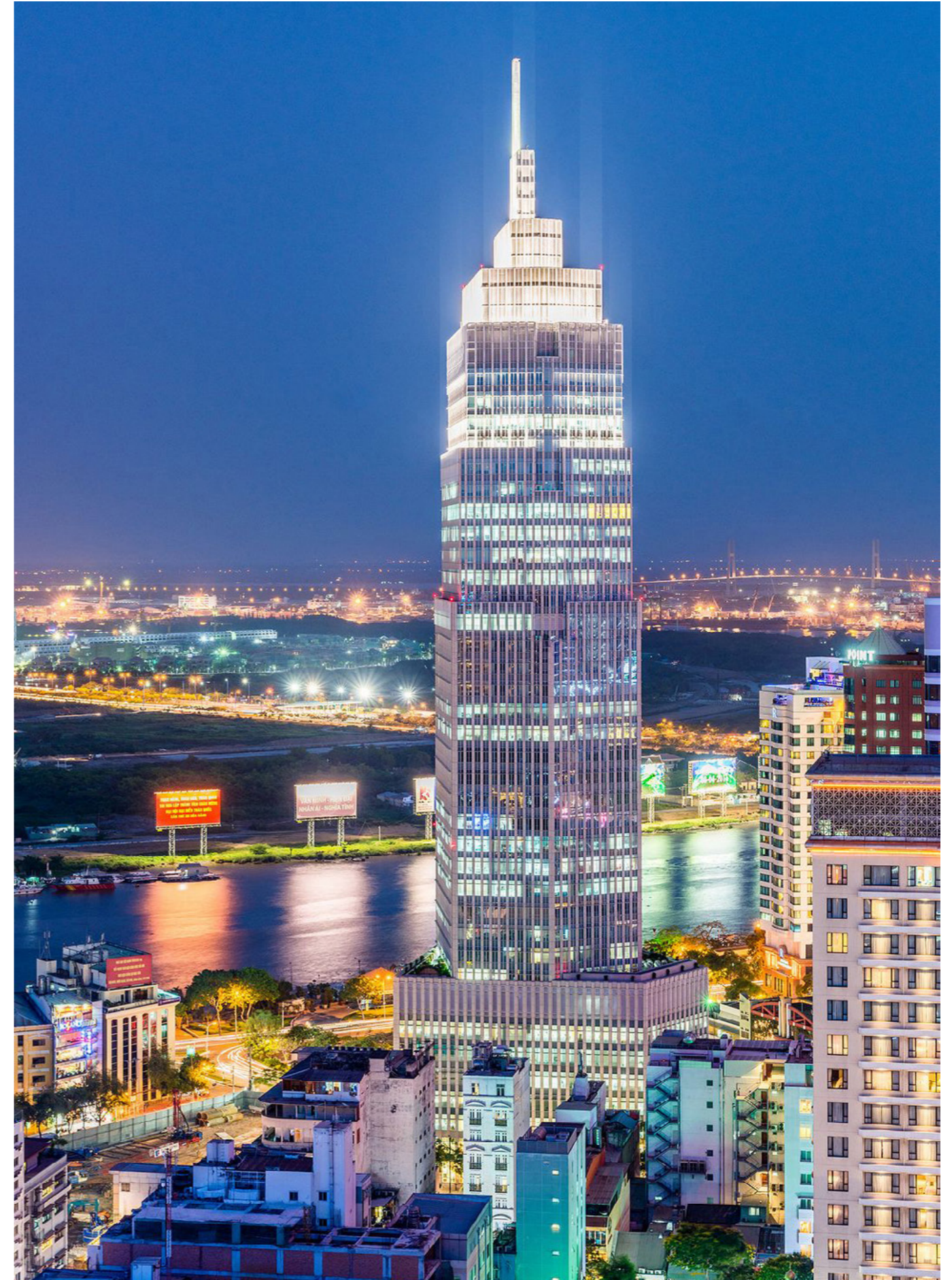
5.156 TỶ ĐỒNG

Điều tiết tốc độ tăng trưởng và cơ cấu huy động vốn theo hướng tối ưu

HUY ĐỘNG VỐN TỪ NỀN KINH TẾ
(BAO GỒM PHÁT HÀNH GIẤY TỜ
CÓ GIÁ)

1.053.354 TỶ ĐỒNG
TĂNG 10,9% SO VỚI 2019

Tỷ trọng tiền gửi không kỳ hạn cuối kỳ đạt 32,1% (năm 2019: 30,1%).



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Chuyển dịch cơ cấu tín dụng theo hướng an toàn, hiệu quả; đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng hỗ trợ nền kinh tế

DƯ NỢ TÍN DỤNG ĐẠT

845.128 TỶ ĐỒNG
TĂNG 14% SO VỚI 2019

Tỷ trọng tín dụng bán lẻ chiếm 53,5% tổng dư nợ (năm 2019: 51,8%).

Tín dụng tập trung vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ.

Chất lượng nợ được kiểm soát chặt chẽ, thu hồi nợ xấu và nợ ngoại bảng đạt kết quả tốt

Dư nợ nhóm 2 là 2.973,6 tỷ đồng; tỷ lệ nợ nhóm 2 ở mức 0,33%, giảm nhẹ so với mức 0,41% cuối năm 2019.

Dư nợ xấu nội bảng ở mức 5.229,5 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu ở mức 0,62%, giảm so với mức 0,73% cuối năm 2019.

DƯ QUỸ DỰ PHÒNG RỦI RO
DƯ NỢ CHO VAY NỀN KINH TẾ

19.243 TỶ ĐỒNG
TỶ LỆ BAO NỢ XẤU NỘI BẢNG
ĐẠT MỨC CAO (368%)

Thu hồi nợ ngoại bảng đạt 2.422 tỷ đồng.

Hoạt động dịch vụ

Thị phần TTQT-TTTM được duy trì ở mức 15,26%.
Doanh số thanh toán quốc tế - tài trợ thương mại đạt 83 tỷ USD.

Hiệu quả kinh doanh vượt trội trong các TCTD

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

23.050 TỶ ĐỒNG
CƠ BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG NĂM 2019

Thu nhập thuần từ hoạt động phi tín dụng chiếm 49,8% thu nhập từ hoạt động kinh doanh (năm 2019: 39,2%).

Chỉ số ROAA, ROAE: duy trì ở mức cao, tương ứng là 1,45% và 21,11%.

Nộp NSNN gần 8.689 tỷ đồng, trong đó nộp thuế là 6.470 tỷ đồng.

NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
8.689 TỶ ĐỒNG



NỘP THUẾ
6.470 TỶ ĐỒNG



Quy mô vốn hóa lớn nhất trong các ngân hàng niêm yết

VCB có giá trị vốn hóa vượt 15,7 tỷ USD, tiếp tục dẫn đầu trong khối các ngân hàng.

Hệ số an toàn vốn CAR hợp nhất (theo TT41) đạt 9,56%, tăng 0,22% so với 2019.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

KẾT QUẢ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH NĂM 2020

Năm 2020, trước sự thay đổi lớn của môi trường kinh doanh dưới tác động đại dịch COVID-19, định hướng “An toàn” đã được bổ sung vào phương châm hành động và đưa vào các giải pháp điều hành nhằm triển khai ba trụ cột kinh doanh Bán lẻ – Dịch vụ – Đầu tư theo **03 “Trọng tâm”** và **05 “Đột phá”**. Theo đó, VCB đã thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm duy trì vị thế ngân hàng có chất lượng tín dụng hàng đầu Việt Nam như chủ động phân loại khách hàng vay thành 04 nhóm định hướng quan hệ tín dụng với các tiêu chí khoa học và hệ thống; kiên định không hạ chuẩn điều kiện tín dụng và yêu cầu về tài sản bảo đảm; thường xuyên rà soát, tháo gỡ khó khăn trong phê duyệt tín dụng với từng hợp đồng vay; đẩy mạnh phát triển các sản phẩm dịch vụ trên nền tảng số hoá; triển khai đồng bộ các dự án chuyển đổi nâng cao năng lực; phát triển hệ thống mạng lưới và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực...



Tích cực thực hiện các chính sách của Chính phủ và NHNN, đồng hành cùng doanh nghiệp vì mục tiêu chung phát triển kinh tế đất nước

VCB thực hiện nhiều biện pháp hỗ trợ, chia sẻ, tháo gỡ khó khăn cùng doanh nghiệp như giảm lãi suất cho vay đối với 05 đối tượng ưu tiên theo chỉ đạo tại nghị quyết số 01/NQ-CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 01/01/2019 và định hướng điều hành của Thống đốc NHNN, với mục tiêu đồng hành cùng doanh nghiệp.

Triển khai các chương trình ưu đãi hấp dẫn cho phân khúc doanh nghiệp vừa và nhỏ, triển khai chương trình ưu đãi và cam kết các mức lãi suất cố định 2 năm/3 năm/5 năm với mức lãi suất cạnh tranh trên thị trường giúp doanh nghiệp quản trị chi phí tài chính, an tâm sản xuất kinh doanh.

Quyết liệt triển khai thực hiện Đề án phát triển VCB đến 2020, các Chương trình hành động và Tiểu đề án

Các Đề án, tiểu đề án, chương trình hành động các Khối tiếp tục được triển khai mạnh mẽ, đóng góp tích cực vào kết quả kinh doanh của VCB trong năm 2020.

Các chi nhánh thuộc danh sách thực hiện Đề án phát triển Chi nhánh đến 2020 cơ bản hoàn thành kế hoạch đề ra: cải thiện thị phần tín dụng và huy động vốn trên địa bàn, kiểm soát được chất lượng tín dụng, lợi nhuận gia tăng và phát triển khách hàng mục tiêu.

Huy động vốn được điều hành phù hợp với tăng trưởng tín dụng, triển khai huy động vốn theo định hướng chiến lược

Điều chỉnh giảm chỉ tiêu huy động vốn trong năm để bám sát với mức tăng trưởng tín dụng và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Điều tiết các chương trình huy động vốn phù hợp với thị trường và tốc độ tăng tín dụng của VCB.

Tiếp tục cấu trúc lại danh mục huy động vốn, cấu trúc lãi suất huy động để duy trì lãi suất huy động vốn bình quân ở mức thấp.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp căn bản nhằm nâng cao chất lượng tín dụng, duy trì vị thế ngân hàng có chất lượng tín dụng hàng đầu Việt Nam

Chủ động phân loại khách hàng vay thành 04 nhóm định hướng quan hệ tín dụng với các tiêu chí khoa học và hệ thống: Nhóm A – tăng trưởng; nhóm B – duy trì; nhóm C – rút giảm dư nợ, tăng cường biện pháp đảm bảo; và nhóm D – rủi ro cao, tiến tới dừng quan hệ tín dụng.

Mở rộng tín dụng vào các ngành kinh tế tiềm năng cao và hiệu quả, định kỳ rà soát kiểm điểm kết quả thực hiện.

Tăng tần suất rà soát danh mục tín dụng 52 ngành và nhóm khách hàng, điều chỉnh kịp thời trước sự thay đổi của môi trường kinh doanh và tác động của dịch COVID-19.

Kiên định không hạ chuẩn điều kiện tín dụng và yêu cầu tài sản bảo đảm trước diễn biến không thuận lợi của thị trường.

Thường xuyên rà soát, tháo gỡ bất cập và trở ngại mang tính kỹ thuật trong phê duyệt tín dụng đến từng hợp đồng tín dụng.

Kiểm soát phù hợp tỷ trọng tín dụng trung dài hạn, linh hoạt mở rộng tín dụng phù hợp với diễn biến thị trường.

Tăng cường kiểm soát chất lượng tín dụng và đẩy mạnh thu hồi nợ xấu, nợ đã xử lý DPRR

Thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động tín dụng tại toàn bộ các chi nhánh.

Tăng cường giám sát chỉ đạo công tác xử lý thu hồi nợ đối với từng chi nhánh.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Kiến toàn mô hình tổ chức và phát triển mạng lưới phù hợp với chiến lược kinh doanh

Sắp xếp lại mô hình tổ chức tại Trụ sở chính đối với khối Bán lẻ theo mô hình tổ chức mới trên cơ sở kết quả Dự án Chuyển đổi mô hình ngân hàng bán lẻ (RTOM) giai đoạn 1. Điều chỉnh mô hình tín dụng bán buôn (CTOM) theo Thông tư số 13 của NHNN. Thực hiện luân chuyển cán bộ giữa Trụ sở chính và Chi nhánh.

Phát triển mạng lưới và đẩy mạnh hoạt động đào tạo qua E-learning:

- Khai trương thành lập 5 chi nhánh mới và 33 phòng giao dịch trong hệ thống. Đưa vào hoạt động cơ sở Trường đào tạo tại Ecopark.
- Tổng số lượt đào tạo đã thực hiện đạt 67.988 lượt, trong đó số lượt đào tạo E-learning chiếm gần 37%; bình quân số lượt đào tạo cán bộ đạt 3,6, tăng so với mức 1,1 năm 2019..

Triển khai đồng bộ và hiệu quả các dự án nâng cao năng lực quản trị và hoạt động

Tích cực triển khai các dự án nâng cao năng lực quản trị và hoạt động, một số dự án được áp dụng vào thực tiễn:

Triển khai thành công hệ thống Core-Banking Signature (tháng 1/2020) và tiếp tục phát triển các ứng dụng phục vụ hoạt động kinh doanh.

Hoàn thành 13 dự án, trong đó 7 dự án thuộc Đề án phát triển công nghệ thông tin đến 2020, 5 dự án thuộc Chương trình Basel II và sáng kiến số 14 thuộc dự án CTOM. 29/103 dự án chuyển đổi đang tiếp tục được thực hiện.

Triển khai thành công giai đoạn 1 - Dự án Payment Hub và PCM.

Hoàn tất triển khai giai đoạn 2 các dự án ERP, MPA; tiếp tục hoàn thiện tinh chỉnh hệ thống nhằm tăng cường mức độ hỗ trợ người dùng.

Triển khai ICAAP sớm 6 tháng so với yêu cầu của Thông tư 13.

Triển khai Dự án Chuyển đổi số và đưa Trung tâm Ngân hàng số vào hoạt động.



Trong năm 2020, VCB ban hành các quy chế nội bộ (trong công tác nhân sự) như Quy chế tuyển dụng lao động trong hệ thống VCB; Quy chế đào tạo trong hệ thống VCB, Quy chế tuyển dụng, quản lý và sử dụng nhân viên hỗ trợ kinh doanh trong hệ thống VCB.

Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát và tuân thủ

Công tác khác

Xây dựng và ban hành các quy định, quy chế nội bộ về Quy định giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của VCB, quy trình tín dụng bán buôn, cơ chế thẩm quyền ưu đãi phí đối với khách hàng bán buôn, Quy định về quản trị rủi ro thanh khoản.

Trong năm 2020, Vietcombank ban hành các quy chế nội bộ (trong công tác nhân sự) như Quy chế tuyển dụng lao động trong hệ thống VCB; Quy chế đào tạo trong hệ thống VCB, Quy chế tuyển dụng, quản lý và sử dụng nhân viên hỗ trợ kinh doanh trong hệ thống VCB.

Thực hiện kiểm tra 100% các chi nhánh trong toàn hệ thống VCB, 04 Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính, 02 Công ty con và kiểm tra kiểm toán 22 chuyên đề trên phạm vi toàn ngân hàng.

Kiểm tra rủi ro tác nghiệp tại chi nhánh, ngăn chặn cảnh báo kịp thời những rủi ro tiềm ẩn, đề xuất giải pháp khắc phục, kiến nghị xử lý những vi phạm tại các đơn vị.

Tổ chức thành công Đại hội đại biểu Đảng bộ VCB lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020-2025 và chuỗi các hoạt động hướng tới chào mừng Đại hội XIII của Đảng.

Hoạt động truyền thông tiếp tục được đẩy mạnh với nhiều điểm mới, uy tín thương hiệu VCB được nâng cao, VCB được nhiều tổ chức trong và ngoài nước vinh danh.

Công tác an sinh xã hội được quan tâm đẩy mạnh: năm 2020 VCB đã dành gần ~386,5 tỷ đồng để xây nhà tình thương cho hộ nghèo, nhà tình nghĩa, công trình an sinh xã hội cho giáo dục và y tế.

Đổi mới hình thức giao ban trực tuyến liên khu vực phù hợp yêu cầu phòng chống dịch COVID-19.

Thực hiện tái cấp chứng chỉ ISO27001 trên toàn hệ thống. Thực hiện rà soát và sửa đổi cập nhật các quy chế về an toàn thông tin.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

3. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Nhận thức rõ Việt Nam là một trong những quốc gia chịu sự tác động và ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu, VCB nghiêm túc thực hiện Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 – 2020, Chỉ thị số 03/CT-NHNN ngày 24/03/2015 của Thống đốc NHNN về thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng cũng như các quy định khác có liên quan của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động cấp tín dụng.

Khi thẩm định cấp tín dụng cho các dự án, VCB đánh giá các rủi ro môi trường và xã hội tác động đến hiệu quả sử dụng vốn và khả năng trả nợ của khách hàng và yêu cầu chủ đầu tư các dự án được xem xét cấp tín dụng phải đáp ứng các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường và xã hội. Sau đó, Ngân hàng định kỳ thường xuyên kiểm tra giám sát việc quản lý rủi ro môi trường và xã hội đối với các khoản tín dụng đã cấp cho khách hàng.

VCB chú trọng truyền thông về trách nhiệm quản lý rủi ro môi trường của tổ chức tín dụng để tạo sự đồng thuận, ủng hộ của khách hàng.



Chính sách liên quan đến người lao động

VCB luôn quan tâm phát triển nguồn nhân lực, người lao động được phát huy năng lực, mở rộng cơ hội thăng tiến trong công việc, cải thiện thu nhập của cán bộ, nâng cao sự gắn bó của cán bộ đối với Ngân hàng. Cụ thể như sau:



Người lao động được đảm bảo việc làm ổn định:

Tổng số lao động đến 31/12/2020 là 20.062 người (đã bao gồm số lao động của 02 Công ty VCBS và VCBL), tăng ~ 5,9% so với năm 2019. Thời gian làm việc cho người lao động 8h/ngày, 5 ngày trong một tuần. VCB bảo đảm chế độ nghỉ phép năm, nghỉ các ngày lễ, tết, nghỉ việc riêng của người lao động theo đúng quy định của Bộ Luật lao động, nghỉ thai sản, ốm đau theo đúng quy định của pháp luật về BHXH.

Toàn thể người lao động tại VCB đều được ký hợp đồng lao động phù hợp, đúng quy định của Pháp luật. Việc tạm hoãn, chấm dứt HĐLĐ được thực hiện theo đúng quy định pháp luật về lao động. Người lao động có nguyện vọng xin nghỉ hưu trước tuổi cũng được tạo điều kiện thuận lợi.

VCB đã triển khai nhiều hoạt động nhằm tạo ra môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động với những kết quả đáng chú ý: Tất cả người lao động có công việc ổn định, mức lương cạnh tranh, phúc lợi hấp dẫn, được đào tạo phát triển nghề nghiệp; Việc đánh giá, khen thưởng, bồi dưỡng phát triển được thực hiện đúng đối tượng, đúng thành tích, đúng thời điểm; Cơ chế tạo động lực cho cán bộ luôn được coi trọng, gắn với đánh giá hoàn thành công việc, công tác quy hoạch, bổ nhiệm; Thực hiện việc tuyển chọn để bổ nhiệm vào các vị trí chức danh quản lý; Khuyến khích cán bộ không ngừng nỗ lực, nâng cao hiệu quả công việc.

VCB đã triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào hầu hết các khâu trong quy trình tuyển dụng (nhận hồ sơ, lựa chọn hồ sơ, tổ chức thi trực tuyến trên máy...). Công tác tuyển dụng tại VCB được thực hiện theo các quy định rõ ràng, đảm bảo trung thực, khách quan nhằm tuyển dụng được cán bộ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu công việc và vị trí công tác được giao. Lao động mới tuyển đảm bảo đúng quy định về thời gian thử việc theo loại hợp đồng lao động và chế độ trả lương trong thời gian thử việc.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Chính sách liên quan đến người lao động

Xây dựng Cơ chế đãi ngộ tài chính và phi tài chính đảm bảo quyền lợi của người lao động:

Trong thời gian qua, cơ chế tiền lương và chế độ đãi ngộ người lao động của VCB đã từng bước tiệm cận với thị trường trong khu vực và trên thế giới, cụ thể như sau:

a. Cơ chế đãi ngộ tài chính:

Cơ chế đãi ngộ về lương, bảo hiểm:

Cơ chế đãi ngộ về lương:

Về cơ bản, cơ chế lương của VCB đã được xây dựng trên nguyên tắc tương xứng với giá trị đóng góp trong ngân hàng, mang tính công bằng và cạnh tranh với thị trường. Thu nhập bình quân của cán bộ VCB có xu hướng tăng qua các năm và ở mức cao so với mức thu nhập bình quân trên thị trường.

Tiền lương của người lao động được chia thành 02 phần: (1) Tiền lương cố định xác định theo ngạch/bậc phù hợp với vị trí công việc chuyên môn đảm nhận; (2) Tiền lương hiệu quả xác định theo kết quả đánh giá hoàn thành công việc được đo lường bằng các chỉ tiêu KPIs, khuyến khích người lao động phấn đấu đạt kết quả công việc tốt.

VCB giao quyền chủ động cho Trưởng các Đơn vị trong việc rà soát, sắp xếp lương của người lao động theo năng lực, số lượng, chất lượng hoàn thành công việc. Việc nâng lương được thực hiện dựa trên mức độ đánh giá hoàn thành công việc của người lao động. Đối với các cán bộ có thành tích đặc biệt xuất sắc, có sáng kiến và đưa vào áp dụng mang lại hiệu quả cao, được Ban lãnh đạo VCB khen thưởng sẽ được nâng bậc lương vị trí công việc trước hạn.

VCB áp dụng cơ chế lương chuyên gia, với mức lương rất cạnh tranh đối người lao động có trình độ cao nhằm tuyển dụng được lao động cần thiết cho một số lĩnh vực đặc thù, các dự án chuyển đổi nâng cao năng lực quản trị và hoạt động.

Chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội:

VCB đã thực hiện việc đóng Bảo hiểm xã hội cho 100% cán bộ thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc đang làm việc tại cơ quan, giải quyết nhanh chóng, kịp thời các chế độ Bảo hiểm xã hội như: thai sản, ốm đau... cho cán bộ. Người lao động nghỉ chế độ hưu trí được VCB trợ cấp trên cơ sở tiền lương thực tế của cán bộ đó trong năm liền kề trước khi nghỉ hưu.

Ngoài ra, VCB thực hiện trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ theo đúng quy định của Nhà nước.

Cơ chế đãi ngộ ngoài lương:

Chế độ đãi ngộ người lao động ngoài lương của VCB đã được thực hiện, cụ thể: (i) Đối với các trường hợp nghỉ chế độ hưu trí, thai sản, thương tật, bệnh hiểm nghèo hoặc phẫu thuật, ngoài các chế độ được hưởng từ Bảo hiểm xã hội, VCB cũng thực hiện chi trả bổ sung nhằm hỗ trợ về tài chính cho người lao động; (ii) Mua bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cũng như tổ chức kiểm tra khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động. Đặc biệt, từ năm 2017, VCB đã kết hợp với các cơ sở y tế có uy tín thực hiện khám sức khỏe tổng thể, tầm soát phát hiện sớm ung thư cho người lao động. VCB cũng dành sự quan tâm đặc biệt tới lao động nữ thông qua các khoản chi hỗ trợ lao động nữ.

b. Đãi ngộ phi tài chính:

Để tạo động lực cho người lao động, ngoài những cơ chế đãi ngộ trực tiếp về tài chính, VCB xây dựng và triển khai nhiều chương trình đào tạo trong và ngoài nước cho người lao động để nâng cao năng lực chuyên môn và tạo sự gắn kết giữa người lao động và Ngân hàng.

Ngân hàng tổ chức thăm hỏi và trợ cấp ốm đau, bệnh tật, thai sản cho người lao động; tặng hoa và quà người lao động nghỉ hưu theo chế độ; tặng quà cho bố mẹ đẻ, bố mẹ vợ/chồng của người lao động nhân ngày Quốc tế người cao tuổi.

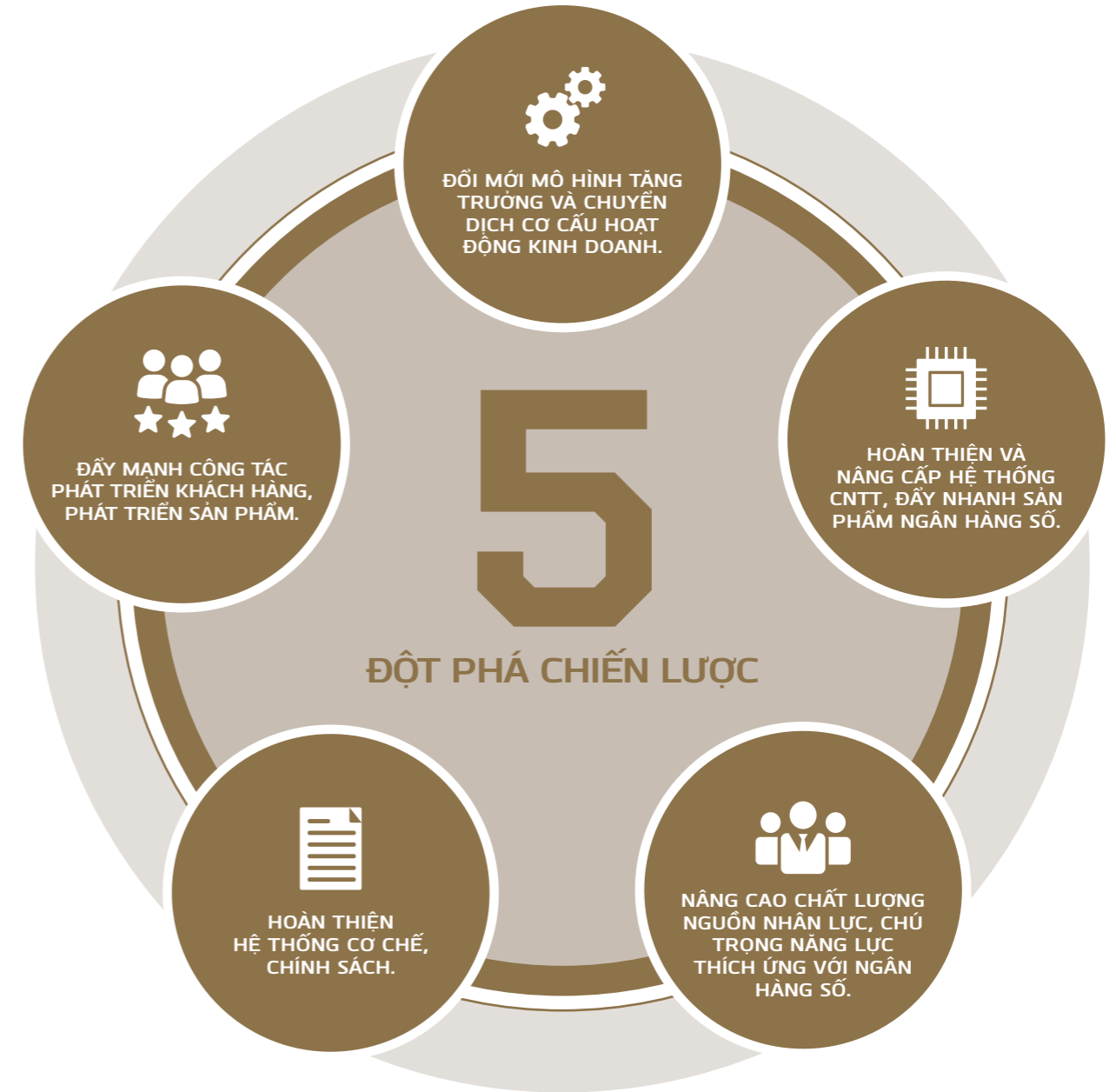


ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

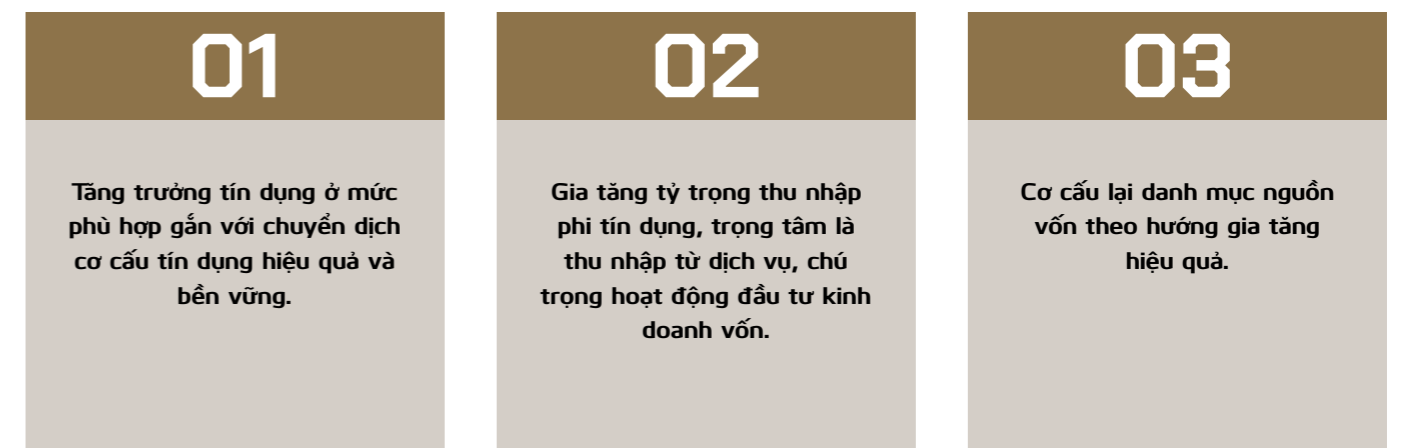
Kinh tế thế giới dự báo sẽ phục hồi mạnh mẽ trong năm 2021, tăng trưởng GDP toàn cầu dự báo đạt 6%. Tuy nhiên, sự xuất hiện của các biến thể virus SAR-COV2 mới có thể làm chậm đà phục hồi tăng trưởng. Bên cạnh đó, bất ổn địa chính trị, cạnh tranh nước lớn dự báo vẫn tiếp diễn sâu sắc, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp.

Năm 2021, Chính phủ phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng GDP 6,5%, tiếp tục ưu tiên ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát dưới 4%. Giải ngân đầu tư công được đẩy mạnh trong năm 2021 và các năm tiếp theo. Hiệu lực của các FTA mới và sự gia tăng nhu cầu hậu đại dịch sẽ thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam. Dòng vốn FDI vào Việt Nam dự báo tăng khi xu thế đầu tư "Trung Quốc +1" ngày càng rõ nét. Việt Nam đứng trước cơ hội và nỗ lực tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Thực hiện Nghị quyết 01 của Chính phủ và Chỉ thị 01 của NHNN, VCB đề ra phương châm hành động **"Chuyển đổi, Hiệu quả, Bền vững"** và quan điểm chỉ đạo điều hành **"Trách nhiệm – Hành động – Sáng tạo"**; tiếp tục tập trung thực hiện **5 đột phá chiến lược** và **3 trọng tâm**, hướng tới **đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu**, chuyển dịch cơ cấu hoạt động, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo tăng trưởng bền vững.



3 TRỌNG TÂM CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH DOANH



ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2021

1. Triển khai các giải pháp điều hành tín dụng theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 1/1/2021 và của Thống đốc tại Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 07/1/2021.

Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phòng chống dịch, hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid 19 theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng chính phủ và các chỉ đạo của Thống đốc tại Chỉ thị 02/CT-NHNN ngày 31/3/2020, Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 và các văn bản chỉ đạo khác có liên quan.

2. Chuyển dịch cơ cấu kinh doanh, đổi mới mô hình tăng trưởng

Tăng trưởng tín dụng gắn với định hướng chuyển dịch cơ cấu an toàn, hiệu quả và bền vững

Tập trung phát triển khách hàng mới có tiềm lực tài chính vững vàng. Chuyển dịch cơ cấu danh mục tín dụng theo hướng tăng tỉ trọng dư nợ khách hàng nhóm A (nhóm Tăng trưởng); giảm dần tỉ trọng dư nợ khách hàng nhóm B (nhóm Duy trì); rút giảm nhanh dư nợ nhóm C và D (nhóm Rút giảm); đẩy nhanh tiến độ giải quyết hồ sơ tín dụng.

Tập trung tăng trưởng tín dụng ngắn hạn cả bán buôn và bán lẻ, chú trọng tăng trưởng tín dụng FDI lớn có rủi ro tín dụng thấp và tiềm năng sử dụng dịch vụ tổng thể, tín dụng cho phân khúc khách hàng Midcom và Khách hàng lớn khu vực Phía Nam.

Tiếp tục mở rộng cho vay tín dụng bán lẻ, tín dụng thông qua phòng giao dịch.

Đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ ngân hàng điện tử, mở rộng nguồn thu ngoài lãi

Đẩy nhanh tiến độ triển khai số hóa dịch vụ ngân hàng. Chú trọng thiết kế và triển khai các sản phẩm dịch vụ hướng tới nâng cao trải nghiệm khách hàng và trải nghiệm người dùng.

Mở rộng quy mô khách hàng ngân hàng điện tử mới, khách hàng kinh doanh thương mại điện tử, nâng cao tỷ lệ duy trì khách hàng sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử.

Nỗ lực mở rộng giao dịch với khách hàng có doanh số thanh toán xuất nhập khẩu lớn, các khách hàng có giao dịch với khu chế xuất/doanh nghiệp trong chuỗi giá trị của khách hàng FDI lớn.

Gia tăng thị phần chuyển đổi ngoại tệ của các dự án nước ngoài. Khai thác hiệu quả sản phẩm kết hợp giữa cung ứng dịch vụ TTQT và kinh doanh ngoại tệ.

Tăng cường bán các dịch vụ phi tín dụng, bán hàng theo chuỗi, bán chéo sản phẩm, quản lý dòng tiền.

Tăng trưởng huy động vốn theo hướng hiệu quả bền vững

Điều tiết tốc độ tăng trưởng huy động vốn phù hợp với sử dụng vốn.

Tăng quy mô tiền gửi giá rẻ thông qua phát triển thanh toán điện tử đối với các doanh nghiệp, tăng số tài khoản cá nhân và khách hàng sử dụng dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân hàng đầu tư.



3. Nâng cao hiệu quả sinh lời của hoạt động kinh doanh vốn và ngân hàng đầu tư

Quản trị thanh khoản gắn với sử dụng vốn hiệu quả và hỗ trợ hoạt động các khối kinh doanh.

Nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư; triển khai các sản phẩm ngân hàng đầu tư theo nhu cầu khách hàng.

4. Tăng cường kiểm soát chất lượng tín dụng, thu hồi nợ ngoại bảng

Tiếp tục rút giảm tín dụng đối với ngành rủi ro, khách hàng không có tài sản bảo đảm, khách hàng có rủi ro tiềm ẩn, khách hàng không mang lại lợi ích tổng thể cho VCB.

Thường xuyên rà soát các khoản nợ được cơ cấu theo Thông tư 01, xây dựng phương án thu hồi nợ và áp dụng kịp thời các giải pháp cần thiết.

Triển khai quản trị danh mục tín dụng bán lẻ theo phương pháp tiên tiến.

Tập trung thu hồi nợ ngoại bảng: Xây dựng kế hoạch công việc và tiến độ xử lý đối với từng khoản nợ xấu, giao nhiệm vụ cụ thể đến từng cán bộ.

Triệt để tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định của VCB về cấp tín dụng, ngăn chặn rủi ro đạo đức, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

5. Các giải pháp hỗ trợ thúc đẩy triển khai hiệu quả các định hướng kinh doanh

Giải pháp hỗ trợ kinh doanh

Chú trọng phát triển sản phẩm mới, sản phẩm chuyên biệt, đặc thù theo phân khúc khách hàng, và các sản phẩm ngân hàng đầu tư.

Xây dựng và triển khai các dịch vụ thanh toán trên nền tảng công nghệ hiện đại trong các lĩnh vực trọng điểm như dịch vụ thu chi với BHXH, KBNN; thu phí giao thông công cộng, thu phí giao thông không dừng, y tế, giáo dục...

Phát triển các sản phẩm/dịch vụ/nền tảng ứng dụng số hóa, có hàm lượng công nghệ cao, khuyến khích khách hàng chuyển dịch các giao dịch trên kênh ngân hàng số.

Giải pháp hỗ trợ về công nghệ, nguồn nhân lực, thông tin quản lý

Tăng cường năng lực cơ sở hạ tầng, đáp ứng yêu cầu kinh doanh; đảm bảo an toàn, an ninh, bảo mật cho hệ thống CNTT; hợp tác với Fintech nhằm xây dựng hệ sinh thái VCB.

Kiện toàn mô hình tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị tại Trụ sở chính và Chi nhánh nhằm tập trung quản lý và điều hành theo các khối hoạt động. Thành lập và đưa vào hoạt động Trung tâm định giá tài sản VCB và thực hiện tập trung hóa công tác quản lý nợ.

Ưu tiên phân bổ nhân sự bán hàng, nhân sự thích ứng với ngân hàng số; tiếp tục cải cách cơ chế tiền lương gắn với hiệu quả kinh doanh và năng suất lao động.

Nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu khoa học, sáng kiến, đổi mới sáng tạo trong toàn hệ thống, phục vụ cho việc thực thi chiến lược phát triển, thúc đẩy hoạt động kinh doanh của VCB.



Giải pháp quản trị rủi ro

Tăng cường kiểm tra, kiểm toán nội bộ và giám sát chặt kết quả thực hiện kiến nghị kiểm tra, kiểm toán và giám sát từ xa đối với các Chi nhánh, Công ty con trong hệ thống VCB.

Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị rủi ro thông qua việc triển khai các dự án, sáng kiến chuyển đổi thuộc Chương trình Basel II.

Nâng cấp công tác quản trị rủi ro hoạt động, đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19.

Các giải pháp khác

Thực hiện tăng vốn điều lệ ngay khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Nâng cao hiệu quả quản lý chi phí toàn ngân hàng, quản trị và giám sát chặt chẽ tình hình thực hiện các kế hoạch ngân sách, tiết giảm chi phí hoạt động thường xuyên, kiểm soát tỉ lệ chi hoạt động/thu nhập toàn hàng.

Kiện toàn công trình trụ sở và phương tiện làm việc theo kế hoạch được duyệt, phục vụ hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Triển khai, thực hiện công tác an sinh xã hội nhằm chia sẻ khó khăn với các địa phương, hỗ trợ khắc phục giảm nhẹ các hậu quả do thiên tai gây ra, ưu tiên các lĩnh vực giáo dục, y tế...

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIETCOMBANK

1 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG

Quán triệt phương châm hành động **“Chuyển đổi – An toàn – Hiệu quả – Bền vững”**, quan điểm chỉ đạo điều hành **“Trách nhiệm – Hành động – Sáng tạo”**, trọng tâm là đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, chuyển dịch cơ cấu hoạt động, đảm bảo tăng trưởng an toàn, bền vững và hiệu quả, Hội đồng quản trị đã quyết liệt chỉ đạo ngay từ đầu năm, linh hoạt và điều chỉnh kịp thời định hướng năm 2020 trong bối cảnh môi trường kinh doanh chịu nhiều tác động bất lợi do dịch Covid -19.

Với nỗ lực, trách nhiệm và quyết tâm cao, VCB đã thực hiện thành công các mục tiêu: phòng chống dịch Covid-19 hiệu quả, chia sẻ khó khăn với khách hàng và phát triển kinh doanh bền vững. Năm 2020, VCB đạt nhiều kết quả ấn tượng, vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch ĐHCĐ giao, tiếp tục dẫn đầu hệ thống ngân hàng về quy mô lợi nhuận, chất lượng tài sản.

Đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu mà ĐHCĐ đề ra như sau:

Kết quả hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của VCB năm 2020 chuyển dịch đúng định hướng và đạt được những kết quả khả quan, đặc biệt lợi nhuận tiếp tục ghi nhận mức cao nhất trong hệ thống ngân hàng.

- Tổng tài sản đạt 1.326.230 tỷ đồng, tăng 8,5% so với năm 2019, đạt 101,3% kế hoạch năm 2020 do ĐHCĐ giao.
- Dự nợ tín dụng đạt 845.128 tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2019, nằm trong mức trần tăng trưởng tín dụng của NHNN giao và đạt 103,9% kế hoạch năm 2020 do ĐHCĐ giao.
- Tổng huy động vốn đạt 1.053.354 tỷ đồng, tăng 10,9% so với năm 2019, đạt 101,9% kế hoạch năm 2020 do ĐHCĐ giao.
- VCB tiếp tục kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng và đẩy mạnh công tác xử lý nợ xấu. Dự nợ xấu nội bảng là 5.229 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu 0,62% , trong khi dự quỹ dự phòng rủi ro ở mức 19.243 tỷ đồng. Tỷ lệ dự phòng bao nợ xấu nội bảng là 368%, đạt mức cao nhất trong lịch sử hoạt động của VCB và cao nhất ngành ngân hàng.
- Lao động cuối năm 2020 tăng 5,9% so với năm 2019, chi phí lương trên Lợi nhuận trước thuế chưa bao gồm lương đạt 26%, đều nằm trong kế hoạch ĐHCĐ giao.
- Lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 23.050 tỷ đồng, tương đương với năm 2019 và đạt 116,3% kế hoạch năm 2020 do Ngân hàng nhà nước giao.
- Quy mô vốn hóa thị trường VCB vượt 15,7 tỷ USD tại ngày 31/12/2020, tiếp tục dẫn đầu các ngân hàng niêm yết.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIETCOMBANK

Công tác chỉ đạo, quản trị, điều hành

Về phát triển mạng lưới, quản trị nguồn nhân lực và đào tạo

- Năm 2020, VCB thành lập 05 Chi nhánh và 33 phòng giao dịch mới, nâng tổng số điểm giao dịch lên 116 chi nhánh và 474 phòng giao dịch. Năm 2020, VCB được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận mở chi nhánh tại Úc.
- Năng suất lao động bình quân toàn hệ thống tiếp tục ở mức cao (LNTT/cán bộ đạt ~1,22 tỷ đồng). VCB duy trì vị thế dẫn đầu trong 5 năm liên tiếp là ngân hàng có môi trường làm việc tốt nhất tại Việt Nam. Công tác nghiên cứu khoa học và hoạt động của Hội đồng khoa học được đẩy mạnh và triển khai nghiêm túc, bài bản.

Chuyển đổi Ngân hàng số

- Hoạt động ngân hàng số triển khai theo đúng định hướng, có nhiều đổi mới đột phá: vận hành thành công Hệ thống ngân hàng lõi mới - Core banking Signature, ra mắt dịch vụ ngân hàng số hoàn toàn mới VCB Digibank, trở thành ngân hàng chuyển đổi số tiêu biểu trong năm 2020, triển khai các sản phẩm Ngân hàng số mới VCB Booking, ứng dụng eKYC...
- VCB là ngân hàng đầu tiên kết nối thành công với Cổng dịch vụ công quốc gia và triển khai thanh toán Bảo hiểm xã hội qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Tiếp tục mở rộng hợp tác cung ứng các giải pháp thanh toán trực tuyến trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, hải quan, bảo hiểm,...
- Tiếp tục nghiên cứu, triển khai các ứng dụng, dự án thuộc Ngân hàng số theo lộ trình nhằm phục vụ mục tiêu chiến lược chuyển đổi số hóa khép kín của ngân hàng.



Dự án chuyển đổi

- Đề án Phát triển Công nghệ thông tin đến năm 2020 đạt nhiều kết quả tích cực. Một loạt các dự án trọng điểm của Đề án nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, vận hành, quản trị hệ thống, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin đã hoàn thành triển khai, tiêu biểu như dự án Core Banking, MPA, Lưu trữ sao lưu tập trung.
- Đến hết năm 2020, Chương trình Basel II về cơ bản đã hoàn thành phần lớn các sáng kiến. Một số sáng kiến của chương trình Basel II liên quan đến cấu phần nâng cao đang tiếp tục chờ và sẵn sàng triển khai ngay khi có hướng dẫn của NHNN.

Công tác quản trị điều hành khác

- HĐQT đã thông qua báo cáo tổng kết đánh giá tình hình thực hiện Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu của VCB đến năm 2020, 4 tiểu Đề án, 4 Chương trình hành động thực hiện Đề án
- HĐQT tiếp tục chỉ đạo thực hiện và định kỳ đôn đốc rà soát, đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược phát triển Vietcombank đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; các tiểu Đề án, Chương trình hành động của các khối thực hiện Chiến lược.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIETCOMBANK

2 ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH

- Định kỳ hàng tháng HĐQT đã tổ chức họp thường kỳ đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ được giao của từng thành viên HĐQT. Trên cơ sở đó ban hành Nghị quyết chỉ đạo hoạt động kinh doanh, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT và thực hiện giám sát Ban điều hành tổ chức thực hiện, tuân thủ các quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế quản trị nội bộ và các quy định liên quan của Vietcombank.
- Tháng 12/2019, HĐQT ban hành Nghị quyết 686 về định hướng kinh doanh năm 2020. Trong bối cảnh môi trường kinh doanh chịu nhiều tác động bất lợi do dịch Covid -19, tháng 06/2020 HĐQT đã ban hành Nghị quyết 268 điều chỉnh kịp thời một số định hướng kinh doanh, giúp hoạt động của VCB đảm bảo an toàn, duy trì được đà tăng trưởng và hiệu quả.
- Các thành viên HĐQT, Ban điều hành luôn đặt lợi ích của cổ đông, của Nhà nước và Ngân hàng làm mục tiêu hoạt động hàng đầu, thực hiện tốt công tác chỉ đạo điều hành của mình và hoàn thành các chức trách, nhiệm vụ được giao.



3 ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Phương châm hành động: “Chuyển đổi, Hiệu quả, Bền vững”, trọng tâm là đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, chuyển dịch cơ cấu hoạt động, đảm bảo tăng trưởng bền vững, hiệu quả cao và nâng cao năng suất lao động.

Trong năm 2021 VCB tập trung thực hiện 5 đột phá chiến lược sau:

1	Đổi mới mô hình tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu hoạt động kinh doanh;
2	Đẩy mạnh công tác phát triển khách hàng, phát triển sản phẩm;
3	Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách;
4	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng năng lực thích ứng với ngân hàng số;
5	Hoàn thiện và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, đẩy nhanh sản phẩm ngân hàng số.

Quan điểm chỉ đạo, điều hành: “Trách nhiệm - Hành động - Sáng tạo”.

Thực hiện 3 trọng tâm trong chuyển dịch cơ cấu hoạt động kinh doanh:

01	Tăng trưởng tín dụng ở mức phù hợp, gắn với chuyển dịch cơ cấu tín dụng hiệu quả bền vững; Tăng tỷ trọng dư nợ bản lẻ, tín dụng tại Phòng Giao dịch; gia tăng tài sản bảo đảm trong tổng dư nợ;	02	Gia tăng tỷ trọng thu nhập phi tín dụng, trọng tâm là thu nhập từ dịch vụ, chú trọng hoạt động đầu tư kinh doanh vốn;	03	Cơ cấu lại danh mục nguồn vốn theo hướng gia tăng hiệu quả.
----	---	----	---	----	---



SẴN SÀNG CHUYỂN MÌNH

CHƯƠNG 3

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Tổ chức và Nhân sự	86
Hội đồng Quản trị	88
Ban Điều hành	91
Ban Kiểm soát	94



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

NGUỒN NHÂN LỰC

Tổng số lao động của Vietcombank tính đến 31/12/2020 là:

20.062 NGƯỜI

Với quy mô lao động lớn và không ngừng tăng lên, Ban Lãnh đạo Vietcombank luôn chú trọng việc phát triển nguồn nhân lực, coi đây là chìa khóa đem lại thành công và hiệu quả của ngân hàng

- Nguồn nhân lực được quản trị theo thông lệ tốt nhất nhằm xây dựng, phát triển và duy trì đội ngũ cán bộ chất lượng cao, thực hiện mục tiêu của Vietcombank là Ngân hàng đứng đầu về chất lượng nguồn nhân lực.
- Chủ động vận dụng linh hoạt, sáng tạo, quyết liệt, đổi mới trong công tác tổ chức, nhân sự. Một mặt, thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng chuyên môn hóa, tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với thông lệ quốc tế, mặt khác, không ngừng đổi mới các chính sách quản lý cán bộ trong tất cả các khâu, từ tuyển dụng tới đào tạo, quy hoạch, tuyển chọn, bổ nhiệm, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật và đánh giá cán bộ.
- Chất lượng cán bộ, nhân viên được kiểm soát từ đầu vào với một chính sách tuyển dụng nghiêm túc, chuyên nghiệp; cán bộ, nhân viên được tuyển dụng phù hợp với vị trí công việc.
- Công tác quy hoạch cán bộ được thực hiện đầy đủ và chuẩn mực, xây dựng được đội ngũ lãnh đạo là những người có kiến thức hiện đại và nhiều kinh nghiệm trong chuyên môn và quản lý điều hành.
- Công tác đào tạo được đẩy mạnh nhằm nâng cao số lượng và chất lượng các khóa đào tạo cho cán bộ, nhân viên.
- Cơ chế lương được xây dựng linh hoạt, gắn chế độ đãi ngộ với năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, tạo động lực cho cán bộ cống hiến lâu dài.

Vietcombank đang tích cực triển khai Đề án quản trị và phát triển nguồn nhân lực đến năm 2025, coi đây là tiền đề để thực hiện thành công Chiến lược phát triển của Vietcombank đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

THAY ĐỔI VỀ NHÂN SỰ TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Thành phần Ban Lãnh đạo có thay đổi như sau:

GIẢM

Bà Trương Lệ Hiền,
Trưởng BKS VCB nghỉ việc hưởng chế độ hưu từ 01/11/2020;

Ông Thomas William Tobin,
Giám đốc Khối Bán lẻ chấm dứt Hợp đồng dịch vụ kể từ 01/12/2020).

TĂNG

Ông Lại Hữu Phước,
Trưởng Ban Kiểm tra nội bộ được đại hội đồng cổ đông năm 2020 bầu giữ chức vụ Thành viên BKS VCB nhiệm kỳ 2018-2023 kể từ ngày 26/06/2020;

Ông Lại Hữu Phước,
Thành viên BKS VCB được BKS VCB bầu giữ chức vụ Trưởng BKS VCB kể từ ngày 04/11/2020.

MẠNG LƯỚI VÀ TỔ CHỨC CỦA VIETCOMBANK

Tính đến 31/12/2020, mạng lưới hoạt động của Vietcombank bao gồm:

- Trụ sở chính.
- 116 Chi nhánh;
- 474 Phòng giao dịch
- 04 Công ty con tại Việt Nam.
- 01 Văn phòng đại diện tại Singapore, 01 Văn phòng đại diện tại Mỹ, 01 Văn phòng đại diện tại TP. HCM.
- 03 Công ty con tại nước ngoài.
- 03 Đơn vị sự nghiệp (Trung tâm xử lý tiền mặt tại Hà Nội; Trung tâm xử lý tiền mặt tại Hồ Chí Minh; Trường Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực).
- 03 công ty liên doanh liên kết



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG NGUYỄN XUÂN THÀNH

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn:

- Tiến sỹ kinh tế - Học viện Ngân hàng
- Thạc sĩ Kinh tế - Học viện Ngân hàng



ÔNG NGUYỄN MẠNH HÙNG

Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ kinh tế - Cao học Việt Nam - Hà Lan
- Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội



ÔNG PHẠM QUANG DŨNG

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Tài chính ngân hàng - Đại học Tổng hợp Birmingham (Anh Quốc)
- Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân



ÔNG NGUYỄN MỸ HÀO

Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ kinh tế - Học viện Ngân hàng
- Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng



ÔNG ĐỖ VIỆT HÙNG

Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Chulalongkorn (Thái Lan).
- Cử nhân kinh tế - Đại học Hàng hải.



ÔNG EIJI SASAKI

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kinh tế - Đại học Nihon (Nhật Bản)
- Cử nhân Kinh tế - Đại học State University of New York tại Buffalo

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG PHẠM ANH TUẤN

Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Nam Columbia
- Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh



ÔNG HỒNG QUANG

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Khối nhân sự

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Ngoại thương Hà Nội liên kết với Đại học Meiho (Đài Loan).
- Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội
- Cử nhân Luật - Đại học Luật Hà Nội



ÔNG TRƯƠNG GIA BÌNH

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Trình độ chuyên môn:

- Phó Giáo sư Cơ học - Do Hội đồng xét duyệt học vị và chức danh khoa học Nhà nước Việt Nam xét duyệt
- Tiến sỹ Toán Lý - Đại học Tổng hợp Quốc gia Moskva mang tên M.V. Lomonosov (CHLB Nga)
- Cử nhân Kinh tế - Đại học Tổng hợp Quốc gia Moskva mang tên M.V. Lomonosov (CHLB Nga)



BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG PHẠM QUANG DŨNG

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Tài chính ngân hàng - Đại học Tổng hợp Birmingham (Anh Quốc)
- Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân



ÔNG ĐÀO MINH TUẤN

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ kinh tế - Học viện Ngân hàng
- Kỹ sư Toán ứng dụng - Đại học Bách khoa Hà Nội
- Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân



ÔNG PHẠM MẠNH THẮNG

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:

- Tiến sỹ Kinh tế - Học viện ngân hàng
- Thạc sỹ Kinh tế - Học viện ngân hàng
- Cử nhân Kinh tế - Trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng



BAN ĐIỀU HÀNH

Bà NGUYỄN THỊ KIM OANH Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Tài chính ngân hàng - Đại học New South Wales, Australia
- Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân



Bà ĐINH THỊ THÁI Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Kinh tế quốc dân
- Cử nhân Kinh tế - Đại học Ngoại thương



ÔNG EIJI SASAKI

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kinh tế - Đại học Nihon (Nhật Bản)
- Cử nhân Kinh tế - Đại học State University of New York tại Buffalo



BAN ĐIỀU HÀNH

Bà PHÙNG NGUYỄN HẢI YẾN Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Kinh tế - Học viện Ngân hàng - CPA Australia
- Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng



ÔNG LÊ QUANG VINH Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Kinh tế - Đại học New South Wales, Australia
- Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân



ÔNG NGUYỄN THANH TÙNG Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Tổng hợp Paris Dauphine
- Cử nhân Kinh tế - Đại học Ngoại thương



ÔNG ĐẶNG HOÀI ĐỨC Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kinh tế - Trung tâm đào tạo & Nghiên cứu khoa học Ngân hàng (nay là Trường Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh)



BAN KIỂM SOÁT

ÔNG LẠI HỮU PHƯỚC Trưởng Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh – Đại học Griggs Hoa Kỳ liên kết với Đại học Quốc gia Hà Nội
- Cử nhân Kinh tế tại Học viện Tài chính



Bà LA THỊ HỒNG MINH Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sĩ Kinh tế – Đại học Ngoại thương
- Cử nhân Kinh tế – Đại học Ngoại thương



Bà ĐỖ THỊ MAI HƯƠNG Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sĩ Kinh tế – Đại học Ngoại thương
- Cử nhân Kinh tế – Đại học Ngoại thương



GIÁM ĐỐC KHỐI

ÔNG HỒNG QUANG Giám đốc Khối Nhân sự

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh – Đại học Ngoại thương Hà Nội liên kết với Đại học Meiho (Đài Loan).
- Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội
- Cử nhân Luật – Đại học Luật Hà Nội



KẾ TOÁN TRƯỞNG

ÔNG LÊ HOÀNG TÙNG Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sĩ Kinh tế – Học viện Tài chính
- Cử nhân Kinh tế – Học viện Tài chính





NÂNG TẦM HỆ THỐNG

CHƯƠNG 4

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Quản trị công ty	98
Quản trị rủi ro	106
Mạng lưới hoạt động	114



QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Sở hữu cổ phần của Vietcombank		Ghi chú
			Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	
1	Nghiêm Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	59.025	0,00159%	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 25/04/2013. Được HĐQT VCB bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT kể từ ngày 01/11/2014. Thành viên không điều hành
2	Phạm Quang Dũng	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc	3.281	0,00009%	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 25/04/2013. Được HĐQT VCB bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/11/2014.
3	Đỗ Việt Hùng	Ủy viên HĐQT	0	0,00000%	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 26/04/2019
4	Eiji Sasaki	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	0	0,00000%	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 28/04/2017.
5	Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên HĐQT	2.270	0,00006%	Được ĐHĐCĐ bất thường 2014 bầu là TV HĐQT kể từ ngày 26/12/2014. Thành viên không điều hành
6	Phạm Anh Tuấn	Ủy viên HĐQT	0	0,00000%	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 28/04/2017. Thành viên không điều hành
7	Nguyễn Mỹ Hào	Ủy viên HĐQT	7012	0,00019%	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 28/04/2017. Thành viên không điều hành
8	Hồng Quang	Ủy viên HĐQT	2	0	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 27/04/2018.
9	Trương Gia Bình	Ủy viên HĐQT	0	0	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 27/04/2018. Thành viên độc lập

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Tỷ lệ tham dự họp của các Thành viên HĐQT trong năm 2020 như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Số buổi họp trên cơ sở lấy phiếu ý kiến	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nghiêm Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	25/04/2013	71/71	36/36	100%	
2	Phạm Quang Dũng	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc	25/04/2013	71/71	36/36	100%	
3	Đỗ Việt Hùng	Ủy viên HĐQT	27/04/2018	71/71	36/36	100%	
4	Eiji Sasaki	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	28/04/2017	13/13	0/0	100%	(1)
5	Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên HĐQT	26/12/2014	71/71	36/36	100%	
6	Phạm Anh Tuấn	Ủy viên HĐQT	28/04/2017	71/71	36/36	100%	
7	Nguyễn Mỹ Hào	Ủy viên HĐQT	28/04/2017	71/71	36/36	100%	
8	Trương Gia Bình	Ủy viên HĐQT	27/04/2018	13/13	0/0	100%	(2)
9	Hồng Quang	Ủy viên HĐQT	26/04/2019	71/71	36/36	100%	

Trong năm 2020, HĐQT VCB đã tổ chức họp 71 phiên họp (trong đó có 13 phiên toàn thể HĐQT) và 36 trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, để định hướng, chỉ đạo hoạt động của VCB trong từng thời kỳ, xem xét quyết định các công việc thuộc thẩm quyền xử lý của HĐQT, cũng như trao đổi về một số chuyên đề cụ thể khác.

Ghi chú:

¹ Ông Eiji Sasaki là TV HĐQT kiêm nhiệm, chỉ tính tỷ lệ tham gia họp đối với các phiên họp toàn thể.

² Ông Trương Gia Bình là TV HĐQT độc lập, chỉ tính tỷ lệ tham gia họp đối với các phiên họp toàn thể.

CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ỦY BAN QUẢN LÝ RỦI RO



Ủy ban Quản lý rủi ro tham mưu cho HĐQT trong việc phê duyệt các chính sách và định hướng phù hợp trong từng thời kỳ liên quan đến các loại rủi ro, bao gồm cả việc xác định các tỷ lệ, giới hạn/hạn chế và mức độ chấp nhận rủi ro của ngân hàng.

Trong năm 2020, Ủy ban Quản lý rủi ro đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ, phối hợp với các phòng ban có liên quan để tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế/mô hình của VCB, nhận định về tình hình rủi ro hiện tại và trong tương lai, tham mưu đề xuất cho HĐQT về các chiến lược, chính sách quản lý rủi ro, các biện pháp phòng ngừa rủi ro trên nhiều mặt hoạt động. Ủy ban cũng đóng vai trò tích cực trong việc xúc tiến triển khai các sáng kiến thuộc chương trình Basel II, giúp cho VCB áp dụng sớm ICAAP theo Thông tư 13/TT-NHNN về quy định vốn nội bộ.

Năm 2020, Ủy ban Quản lý rủi ro đã triển khai công tác đảm bảo duy trì kinh doanh liên tục đối với các nội dung gồm: Ứng phó dịch bệnh Covid-19: Triển khai nhiều nội dung để ứng phó với dịch bệnh như: truyền thông, tự đánh giá mức độ an toàn, xây dựng kế hoạch phòng chống, tăng cường biện pháp chống dịch; Ứng phó bão lụt Miền Trung: Kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn các chi nhánh Phương án ứng phó bảo đảm kinh doanh liên tục, bảo đảm an toàn tính mạng, người và tài sản.

ỦY BAN NHÂN SỰ



Ủy ban nhân sự có vai trò tham mưu cho HĐQT về quy mô và cơ cấu HĐQT, Người điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của VCB; tham mưu cho HĐQT trong việc xem xét, đánh giá và đề xuất việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, công tác quy hoạch cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT và chế độ đãi ngộ đối với đối tượng này đảm bảo phù hợp với định hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Trong năm 2020, Ủy ban nhân sự đã chủ động trong việc tham mưu đánh giá, đề xuất quy hoạch bổ nhiệm quản lý cán bộ thuộc phân cấp thẩm quyền, đảm bảo công khai, đúng người, đúng việc; kiện toàn hệ thống các văn bản, chính sách trong công tác quản lý cán bộ, góp phần nâng cao năng lực, chất lượng trong việc quản lý cán bộ. Trong thời gian qua, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức vụ lãnh đạo thuộc Trụ sở chính và các đơn vị kinh doanh đều được thông qua bởi Ủy ban nhân sự, góp phần nâng cao năng lực, chất lượng trong việc quản lý cán bộ.

ỦY BAN CHIẾN LƯỢC



Ủy ban Chiến lược tham mưu cho HĐQT trong việc xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh của Ngân hàng, bao gồm cả đánh giá thực trạng, mục tiêu tổng thể, tầm nhìn dài hạn, định hướng chiến lược, các chỉ tiêu kinh doanh cho từng giai đoạn, giải pháp và lộ trình thực hiện. Ngay sau khi đưa vào triển khai các đề án chuyển đổi đến năm 2020, Ủy ban đã giám sát việc thực hiện triển khai của các Khối, định kỳ có báo cáo đánh giá tình hình triển khai lên HĐQT. Định kỳ 6 tháng, Ủy ban Chiến lược có báo cáo rà soát Đề án cơ cấu lại trình HĐQT xem xét để báo cáo NHNN theo quy định.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỀU ĐÃ THAM GIA CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

2. BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 13 của VCB ngày 26/06/2020 đã thông qua việc bầu bổ sung ông Lại Hữu Phước vào Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam nhiệm kỳ 2018 - 2023. VCB nhận được đơn xin từ nhiệm chức vụ thành viên kiêm Trưởng BKS VCB nhiệm kỳ 2018-2023 của Bà Trương Lệ Hiền để nghỉ việc hưởng chế độ

hưu kể từ ngày 01/11/2020 theo Quyết định của Thống đốc NHNN. Ngày 04/11/2020, Ban Kiểm soát đã họp và thông qua việc bầu ông Lại Hữu Phước giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát thay cho bà Trương Lệ Hiền. Số lượng thành viên BKS tại thời điểm 31/12/2020 là 03 thành viên.

Trong năm 2020, các Thành viên BKS tham dự cuộc họp BKS như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham họp
1	Ông Lại Hữu Phước	Trưởng BKS	26/06/2020	7/9	100%	-
2	Bà Trương Lệ Hiền (*)	Nguyên Trưởng BKS	26/04/2008	6/9	100%	Từ nhiệm từ ngày 04/11/2020 để nghỉ hưu theo chế độ
3	Bà La Thị Hồng Minh	Thành viên BKS	26/04/2008	9/9	100%	-
4	Bà Đỗ Thị Mai Hương	Thành viên BKS	26/04/2008	9/9	100%	-

Ghi chú: Bà Trương Lệ Hiền đã nghỉ hưu hưởng chế độ bảo hiểm xã hội từ ngày 01/11/2020.



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông:

BKS đã thực hiện giám sát HĐQT, BDH trong việc thực hiện các định hướng và mục tiêu kinh doanh năm 2020 của VCB được ĐHĐCĐ thông qua, giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng trong việc quản trị, điều hành. Năm 2020, trong bối cảnh môi trường kinh doanh chịu nhiều tác động bất lợi do dịch Covid-19, HĐQT và BDH đã chủ động, kịp thời đưa ra các chính sách, giải pháp ứng phó thích hợp và triển khai quyết liệt các biện pháp để thực hiện thành công "địa mục tiêu": phòng chống dịch Covid-19 hiệu quả, chia sẻ khó

khăn với khách hàng và phát triển kinh doanh bền vững. Nhìn chung, hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT và BDH đã tuân thủ các quy định của Luật TCTD và Điều lệ Ngân hàng.

Thực hiện theo quy định của Luật TCTD, BKS đã thực hiện theo dõi danh sách/cập nhật thay đổi danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng giám đốc và người có liên quan của Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng giám đốc.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Thực hiện Quy chế quản trị nội bộ VCB, BKS thường xuyên tham gia các cuộc họp thường xuyên/định kỳ của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của BDH. BKS cũng được cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của ngân hàng phục vụ cho việc kiểm soát của BKS.

NHNN ngày 18/05/2018, Thông tư 40/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các quy định pháp luật mới có hiệu lực từ 01/01/2021.

BKS đã có sự phối hợp chặt chẽ với HĐQT, BDH trong việc thực hiện các chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp trong hoạt động giám sát, kiểm toán của ngân hàng. Thông qua hoạt động kiểm soát, BKS đã đưa ra các ý kiến, kiến nghị với HĐQT, BDH về các biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ ngân hàng và các quy định nội bộ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả và an toàn hoạt động của Ngân hàng.

BKS đã phối hợp với HĐQT, BDH để rà soát các quy định về quản trị nội bộ (Điều lệ tổ chức và hoạt động của VCB, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị nội bộ), rà soát, ban hành các quy định nội bộ của BKS (Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS, Quy định về Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của TV BKS, Quy chế kiểm soát, kiểm toán nội bộ, ...) nhằm đảm bảo tuân thủ quy định tại Thông tư 13/2018-TT-

Hoạt động khác của BKS:

Trong năm 2020, BKS đã chỉ đạo các bộ phận thực hiện công tác thẩm định BCTC giữa niên độ và BCTC năm 2019 của VCB; thực hiện lập báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ, báo cáo phòng chống rửa tiền và báo cáo đánh giá độc lập hệ thống kiểm soát nội bộ năm 2019 của VCB; thực hiện 22 cuộc kiểm toán (bao gồm 07 cuộc kiểm toán chuyên đề phạm vi toàn hàng, 08 cuộc kiểm toán các phòng, ban tại TSC, 02 cuộc kiểm toán toàn diện hoạt động của các công ty con và văn phòng đại diện tại Mỹ, 02 cuộc kiểm toán tại chi nhánh, 01 cuộc kiểm toán mô hình định lượng PD RSME, 01 cuộc kiểm toán hệ số an toàn vốn (CAR) và đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP)); làm đầu mối triển khai Thông tư 13/2018/TT-NHNN tại VCB; triển khai việc tự động hóa hoạt động kiểm toán nội bộ trên phần mềm kiểm tra, kiểm toán nội bộ VCB; theo dõi tình hình quản lý giới hạn, tỷ

lệ đảm bảo an toàn; giám sát việc triển khai thực hiện Phương án tái cơ cấu VCB đến năm 2020.

Các thành viên/cán bộ Ban kiểm soát đã tham gia các khóa đào tạo, hội thảo nghiệp vụ nhằm nâng cao kiến thức quản trị, điều hành, tham gia các dự án chuyển đổi của ngân hàng; chủ động theo dõi, đôn đốc, phối hợp với các phòng/ban/trung tâm tại TSC và các Chi nhánh trong quá trình thực hiện kiến nghị của Ban kiểm soát, kiểm toán nội bộ và kiến nghị theo kết luận của các đơn vị thanh tra, kiểm tra bên ngoài.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

3. GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Trong năm 2019 có phát sinh giao dịch mua cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan, cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu trước giao dịch		Số cổ phiếu sở hữu sau giao dịch		Lý do tăng, giảm	Thời gian báo cáo kết quả giao dịch
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %		
1	Ông Lê Hoàng Tùng	Kế toán trưởng	10.000	0,00027	20.000	0,00056	Mua	26/04/2020
2	Ông Lê Hoàng Tùng	Kế toán trưởng	20.000	0,00056	5.000	0,00013	Bán	25/12/2020
3	Bà Nguyễn Thị Minh Tâm	Mẹ đẻ TV BKS Đỗ Thị Mai Hương	2.523	0,00007	0	0	Bán	29/12/2020

4. HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Năm 2020, Đại dịch COVID-19 đã tác động tiêu cực tới kinh tế thế giới, kinh tế Việt Nam, tới các doanh nghiệp và toàn ngành ngân hàng. Trong bối cảnh ấy, Vietcombank với phương châm hành động “Chuyển đổi - An toàn - Hiệu quả - Bền vững” đã điều chỉnh kịp thời chiến lược kinh doanh, cấu trúc lại hoạt động và đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số, đồng thời tiên phong trong chia sẻ khó khăn cho doanh nghiệp, cơ cấu lại nợ, giảm miễn lãi. Với vai trò là cầu nối giữa ngân hàng và cộng đồng nhà đầu tư, hoạt động quan hệ nhà đầu tư trong năm 2020 của Vietcombank cũng có nhiều bước chuyển lớn, bắt kịp với xu thế chung trong bối cảnh dịch bệnh và đạt được sự ghi nhận của cổ đông, các quỹ đầu tư, các công ty chứng khoán cũng như đông đảo giới đầu tư trong nước và quốc tế.

TIẾP XÚC NHÀ ĐẦU TƯ

Nếu như trong những năm trước đây, Vietcombank luôn được biết đến là một trong những doanh nghiệp có hoạt động quan hệ nhà đầu tư năng nổ, tích cực tham gia các hội nghị đầu tư trong và ngoài nước thì dịch bệnh COVID-19 cũng như quá trình giãn cách xã hội đã thúc đẩy Bộ phận Quan hệ nhà đầu tư phải chủ động, sáng tạo và tích hợp xu thế chuyển đổi số vào hoạt động nhằm duy trì kênh tương tác với cộng đồng nhà đầu tư. Các tài liệu, thông tin tài chính của Ngân hàng luôn được Bộ phận cập nhật, công bố kịp thời trên trang điện tử của Ngân hàng. Bên cạnh đó, Bộ phận quan hệ nhà đầu tư đã tích cực tổ chức các phiên làm việc trực tuyến với khách hàng là các cổ đông, quỹ đầu tư, công ty chứng khoán và chủ động tham gia vào các hội nghị đầu tư trực tuyến. Tính đến hết năm 2020, Vietcombank đã tổ chức hơn 120 buổi làm việc trực tuyến với những nhà đầu tư tiềm năng, tham gia 9 hội nghị đầu tư trực tuyến được tổ chức bởi các công ty chứng khoán uy tín trong và ngoài nước. Nhờ những nỗ lực ấy, giá trị thương hiệu của Vietcombank trong cộng đồng đầu tư tiếp tục được củng cố.

HOẠT ĐỘNG CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Nhận thức rõ vai trò của thông tin minh bạch, kịp thời về sức khỏe tài chính, tình hình hoạt động của doanh nghiệp đối với nhà đầu tư trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 diễn biến khó lường, hoạt động công bố thông tin trong năm 2020 cũng nhận được nhiều sự quan tâm, chú trọng. Xuyên suốt 12 tháng trong năm, Vietcombank đã thực hiện công bố chính xác, kịp thời và đầy đủ các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên cùng hơn 50 nội dung công bố thông tin bất thường về hoạt động ngân hàng để qua đó nhà đầu tư và cổ đông hiểu được tình hình hoạt động cũng những kế hoạch, chiến lược “vượt bão” của Vietcombank trong bối cảnh biến động này.

Với những nỗ lực không ngừng nghỉ, hoạt động quan hệ nhà đầu tư của Vietcombank trong năm 2020 đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, góp phần gia tăng giá trị của Ngân hàng: (i) Duy trì vị trí dẫn đầu trong số các ngân hàng thương mại Việt Nam được đánh giá xếp hạng bởi cả 3 tổ chức định hạng tín nhiệm uy tín Fitch, Moody’s và S&P, khẳng định vị thế ngân hàng số một Việt Nam (ii) Cổ phiếu VCB liên tiếp là cổ phiếu có mức giá giao dịch cao nhất trong các cổ phiếu ngân hàng niêm yết tại thị trường Việt Nam, dẫn đầu thị trường về mức vốn hóa và là trụ cột đóng góp tích cực cho chỉ số VN-Index tăng trưởng (iii) Tiếp tục củng cố quan hệ với cổ đông chiến lược Mizuho với kỳ vọng đưa mối quan hệ hợp tác chiến lược giữa hai định chế tài chính lên một tầm cao mới.



QUẢN TRỊ RỦI RO

Nhằm giữ vững mục tiêu chiến lược là ngân hàng quản trị rủi ro tốt nhất Việt Nam, Vietcombank luôn chủ động nâng cao văn hóa quản trị rủi ro, tiên phong trong nghiên cứu, áp dụng các mô hình, phương thức quản trị rủi ro tiên tiến theo chuẩn mực quốc tế, định hướng của Cơ quan quản lý, cũng như nhu cầu quản trị nội bộ.



QUẢN TRỊ RỦI RO

1. THÔNG TIN CHUNG

Về cơ cấu tổ chức, Vietcombank thường xuyên rà soát, kiện toàn bộ máy quản trị rủi ro phù hợp với nguyên tắc ba tuyến bảo vệ: (i) tuyến bảo vệ thứ nhất có chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro; (ii) tuyến bảo vệ thứ hai có chức năng xây dựng chính sách quản lý rủi ro, quy định nội bộ về quản trị rủi ro, đo lường, theo dõi rủi ro và tuân thủ quy định pháp luật và (iii) tuyến bảo vệ thứ ba có chức năng kiểm toán nội bộ. Đồng thời, tăng cường, nâng cao vai trò, hoạt động của các Ủy ban, Hội đồng, Bộ phận trong công tác quản lý rủi ro, như: Ủy ban Quản lý rủi ro, Hội đồng rủi ro, Bộ phận Quản lý rủi ro, Bộ phận Tuân thủ, Kiểm toán nội bộ. Qua đó giúp nâng cao hiệu quả kiểm soát rủi ro, đồng thời hỗ trợ tích cực cho hoạt động kinh doanh nhằm đem lại hiệu quả tốt nhất cho Ngân hàng.

Các văn bản, chính sách, quy định, hướng dẫn về quản lý rủi ro được Vietcombank liên tục rà soát, cập nhật định kỳ nhằm đáp ứng các yêu cầu, định hướng của Cơ quan quản lý, cũng như thực trạng hoạt động của Ngân hàng.

Vietcombank cũng chú trọng trong đầu tư xây dựng các công cụ, mô hình đo lường rủi ro theo các phương pháp tiên tiến. Các mô hình lượng hóa rủi ro đã được xây dựng với tỷ lệ bao phủ gần như toàn bộ danh mục của Ngân hàng. Bên cạnh đó, các hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ cũng thường xuyên được Vietcombank

nâng cấp nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu quản trị. Công tác rà soát và nâng cao chất lượng dữ liệu tại Vietcombank ngày càng được chú trọng và duy trì thường xuyên, liên tục nhằm đáp ứng yêu cầu về kiểm soát chất lượng cũng như tính đầy đủ của dữ liệu. Vietcombank xác định mục tiêu đảm bảo chất lượng dữ liệu là mục tiêu ưu tiên hàng đầu trong giai đoạn này để duy trì và nâng cao khả năng cạnh tranh của Ngân hàng.

Trong bối cảnh tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tới kinh tế trong nước và thế giới, Vietcombank đã chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp quản lý rủi ro và không ngừng hoàn thiện, nâng cao hệ thống quản trị rủi ro của Ngân hàng. Trong năm 2020, Vietcombank tiếp tục duy trì tỷ lệ an toàn vốn cao hơn mức quy định; đồng thời tích cực hoàn thiện các sáng kiến để áp dụng Trụ cột 2 - Quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP) theo Basel II nhằm đáp ứng trước thời hạn toàn bộ 03 Trụ cột của Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn so với quy định của Ngân hàng Nhà nước. Không chỉ dừng lại ở việc triển khai Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn, trong thời gian qua, Vietcombank đã tiếp tục rà soát, hoàn thiện các điều kiện cần thiết để đáp ứng Basel II theo phương pháp nâng cao; qua đó sẵn sàng rà soát và đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngay khi các quy định, hướng dẫn liên quan đến triển khai Basel II theo phương pháp nâng cao được ban hành.



2. CÔNG TÁC QUẢN LÝ CÁC LOẠI HÌNH RỦI RO TRỌNG YẾU TẠI VIETCOMBANK TRONG NĂM 2020

QUẢN LÝ RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng bao gồm: (i) Rủi ro tín dụng (là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với ngân hàng); (ii) Rủi ro tín dụng đối tác (là rủi ro do đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ thanh toán trước hoặc khi đến hạn của các giao dịch tự doanh; giao dịch repo và giao dịch reverse repo; giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro; giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính để phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác).

Khung quản lý rủi ro tín dụng của Vietcombank bao gồm cơ cấu tổ chức, các chính sách, quy trình, mô hình lượng hóa rủi ro tín dụng, hạn mức và báo cáo rủi ro tín dụng. Một số kết quả quản lý rủi ro tín dụng chính trong thời gian vừa qua có thể kể đến như sau:

- Vận hành hiệu quả hệ thống khung dấu hiệu cảnh báo sớm ("EWS"), nhằm đánh giá và nhận diện sớm các đối tượng khách hàng doanh nghiệp tiềm ẩn rủi ro, từ đó nâng cao chất lượng danh mục tín dụng của Ngân hàng thông qua việc đánh giá thường xuyên khách hàng sau cho vay, kịp thời đưa ra các biện pháp phòng ngừa, xử lý nhằm giảm thiểu thiệt hại cho Ngân hàng. Việc nhận diện khách hàng được xây dựng dựa trên cơ sở phân tích định lượng các dữ liệu trên hệ thống ngân hàng lõi, hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ kết hợp với bộ câu hỏi định tính nhằm đánh giá uy tín, lịch sử quan hệ tín dụng cũng như tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và khả năng trả nợ của khách hàng.
- Rà soát thường xuyên, điều chỉnh kịp thời hệ thống các văn bản chính sách về quản lý rủi ro tín dụng, gồm: (i) chính sách quản lý rủi ro tín dụng; (ii) quy định về giới hạn tín dụng đối với một khách hàng/nhóm khách hàng; (iii) quy định về thẩm quyền phê duyệt tín dụng; (iv) chính sách bảo đảm tín dụng; (v) quy định về cho vay/bảo lãnh/mua trái phiếu doanh nghiệp/bao thanh toán; (vi) bộ quy trình tín dụng theo từng đối tượng khách hàng. phù hợp với quy định của pháp luật, khẩu vị rủi ro cũng như đáp ứng yêu cầu kinh doanh của Ngân hàng.
- Xây dựng, hoàn thiện các mô hình lượng hóa rủi ro tín dụng theo Basel II; từng bước đưa vào ứng dụng trong các chính sách quản lý rủi ro tín dụng và hoạt động điều hành kinh doanh.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng và tính kịp thời về: (i) báo cáo quản lý danh mục tín dụng bán buôn và danh mục tín dụng bán lẻ; (ii) xây dựng báo cáo ngành làm căn cứ để xác định rủi ro ngành, từ đó có định hướng cấp tín dụng với từng ngành tùy theo mức độ rủi ro của từng ngành; (iii) thông tin về nhóm khách hàng có mối quan hệ liên quan để phân cấp thẩm quyền cấp tín dụng với từng nhóm khách hàng có mối quan hệ liên quan, đảm bảo các nhóm khách hàng có mức độ ảnh hưởng trọng yếu phải được cấp thẩm quyền cao hơn phê duyệt cấp tín dụng.

- Xây dựng, theo dõi và quản lý hạn mức rủi ro tín dụng, gồm: (i) Hạn mức cấp tín dụng theo đối tượng khách hàng, ngành, lĩnh vực kinh tế trên cơ sở khả năng trả nợ của khách hàng, rủi ro tín dụng của ngành, lĩnh vực kinh tế; (ii) Hạn mức cấp tín dụng theo sản phẩm, hình thức bảo đảm trên cơ sở rủi ro tín dụng tương ứng của sản phẩm, hình thức bảo đảm.

Năm 2020, trước ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh COVID-19 đến toàn bộ nền kinh tế và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, người dân, Vietcombank đã duy trì đồng bộ các giải pháp về chính sách/quy định và hệ thống công nghệ tiên tiến, đồng thời thường xuyên đánh giá chất lượng danh mục tín dụng. Kết quả kinh doanh trong năm 2020 của Vietcombank đã khẳng định vị thế một Ngân hàng vững mạnh về tài chính và luôn duy trì hoạt động tín dụng an toàn, hiệu quả.



QUẢN TRỊ RỦI RO

QUẢN LÝ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính (bao gồm cả rủi ro pháp lý) đối với Ngân hàng. Rủi ro hoạt động không bao gồm rủi ro danh tiếng và rủi ro chiến lược.

Vietcombank đã thiết lập và triển khai đầy đủ khung quản lý rủi ro hoạt động (QLRRHĐ), bao gồm mô hình, cơ cấu tổ chức, hệ thống các chính sách, quy trình QLRRHĐ, khẩu vị và hạn mức rủi ro hoạt động, bảo đảm tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN và theo tiêu chuẩn tiên tiến Basel II.

Năm 2020, công tác QLRRHĐ của Vietcombank tiếp tục được chú trọng và tăng cường, với mục tiêu giảm thiểu tổn thất rủi ro hoạt động để bảo vệ Ngân hàng, cổ đông và khách hàng. Công tác QLRRHĐ được triển khai hiệu quả trên phạm vi toàn hệ thống thông qua các công cụ QLRRHĐ như công tác báo cáo sự cố, tự đánh giá rủi ro và các chốt kiểm soát, xây dựng và theo dõi các chỉ số rủi ro chính (KRI), công tác đánh giá rủi ro đối với mọi chính sách, quy định, sản phẩm, dịch vụ mới, qua đó hỗ trợ hiệu quả việc nhận dạng, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro hoạt động trong mọi hoạt động của Ngân hàng.

Vietcombank cũng tiếp tục đẩy mạnh triển khai các quy trình, hành động cụ thể để quản lý các rủi ro hoạt động đặc thù như triển khai toàn diện khung quản lý rủi ro gian lận, khung quản lý rủi ro công nghệ thông tin, QLRRHĐ đối với hoạt động thuê ngoài. Ngoài các biện pháp phòng ngừa, phát hiện và giảm thiểu rủi ro hoạt động, Vietcombank tiếp tục thực hiện chuyển giao rủi ro hoạt động thông qua các gói bảo hiểm rủi ro hoạt động đối với tài sản của ngân hàng như một biện pháp QLRRHĐ bổ sung, giúp bảo vệ ngân hàng trong trường hợp phát sinh các tổn thất nghiêm trọng. Bên cạnh các công cụ kỹ thuật, Vietcombank cũng không ngừng tập trung nâng cao văn hóa QLRRHĐ thông qua công tác đào tạo, truyền thông, bảo đảm tuân thủ Bộ quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp, và xây dựng một môi trường lao động gắn kết để ngăn ngừa rủi ro.

Đặc biệt, trong năm 2020, trước tình hình dịch bệnh COVID-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, Vietcombank đã xây dựng và triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch kinh doanh liên tục phòng chống dịch COVID-19 với các biện pháp ứng phó phù hợp với diễn biến của dịch bệnh, đảm bảo tuân thủ quy định của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan quản lý, đảm bảo an toàn cho người lao động và khách hàng của Vietcombank, hoàn thành tốt mục tiêu kép đồng thời duy trì kinh doanh liên tục trên toàn hệ thống và đảm bảo mục tiêu phát triển kinh doanh của Ngân hàng.

QUẢN LÝ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hoá trên thị trường đối với giá trị danh mục tài sản tài chính của ngân hàng. Rủi ro thị trường bao gồm: Rủi ro lãi suất và rủi ro giá cổ phiếu trên Sở kinh doanh; Rủi ro ngoại hối, Rủi ro giá hàng hóa trên Sở kinh doanh và Sở ngân hàng.

Khung quản lý rủi ro thị trường của Vietcombank là sự kết hợp chặt chẽ giữa cơ cấu tổ chức, các chính sách, quy trình, mô hình, hạn mức và báo cáo rủi ro thị trường, được xây dựng theo các tiêu chuẩn tiên tiến trên thế giới. Việc quản lý rủi ro thị trường được thực hiện chi tiết đến từng đơn vị kinh doanh, nghiệp vụ trên cơ sở xác định từng hồ sơ rủi ro nói riêng và khẩu vị rủi ro của Vietcombank nói chung. Trên cơ sở khung quản lý rủi ro thị trường đồng bộ, Vietcombank có thể chủ động phòng ngừa rủi ro nhằm hạn chế các tác động của biến động thị trường.

Trong năm 2020, Vietcombank tiếp tục rà soát, định kỳ cập nhật các chính sách, quy trình, phương pháp luận và bổ sung, nâng cấp các hệ thống, mô hình, chương trình đo lường, quản lý rủi ro thị trường nhằm đáp ứng tốt nhất các quy định của Ngân hàng Nhà nước cũng như bám sát theo các thông lệ quốc tế.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro phát sinh do: (i) Ngân hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc (ii) Ngân hàng có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

Khung quản trị rủi ro thanh khoản của Vietcombank đã được thiết lập đầy đủ bao gồm mô hình, cơ cấu tổ chức quản trị, hệ thống văn bản chính sách, quy trình, quy định, hạn mức toàn diện nhằm nhận diện, đo lường, giám sát và báo cáo rủi ro theo thông lệ quốc tế, các tiêu chuẩn tiên tiến về Basel II, đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Ngân hàng Nhà nước về tỷ lệ khả năng chi trả và thanh khoản trong hoạt động ngân hàng. Các quy định, quy trình, hạn mức, công cụ quản lý rủi ro thanh khoản đều được rà soát và cập nhật hàng năm để kịp thời sửa đổi đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý và thực tế triển khai trong nội bộ của Ngân hàng.

Năm 2020, ngoài việc theo dõi, kiểm soát rủi ro thanh khoản chặt chẽ hàng ngày, Vietcombank đã kịp thời nhận diện, cảnh báo sớm rủi ro thanh khoản do ảnh hưởng của dịch COVID-19 và thử nghiệm kế hoạch dự phòng thanh khoản đột xuất. Ngoài

ra, Vietcombank cũng tập trung cao độ nguồn lực để tham gia dự án đầu tư hệ thống ALM/FTP nhằm tự động hóa công tác báo cáo quản trị, đáp ứng thông lệ quốc tế về quản lý rủi ro thanh khoản. Trong năm 2020, thanh khoản của Ngân hàng vẫn luôn được đảm bảo an toàn.



QUẢN TRỊ RỦI RO

QUẢN LÝ RỦI RO LÃI SUẤT TRÊN SỔ NGÂN HÀNG

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của ngân hàng phát sinh do: (i) Chênh lệch thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ xác định lại lãi suất; (ii) Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các công cụ tài chính khác nhau nhưng có cùng thời điểm đáo hạn; (iii) Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất ở các kỳ hạn khác nhau; (iv) Tác động từ các sản phẩm quyền chọn lãi suất, các sản phẩm có yếu tố quyền chọn lãi suất.

Đối với công tác quản trị rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, Vietcombank đã thiết lập hệ thống chính sách, quy trình, hạn mức toàn diện nhằm nhận diện, đo lường, giám sát và kiểm soát, báo cáo rủi ro theo các thông lệ quốc tế như Basel II cũng như tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

Vietcombank là một trong các ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam áp dụng các công cụ, hạn mức quản lý rủi ro lãi suất vào hoạt động quản trị hàng ngày (quản lý chênh lệch kỳ hạn tái định giá giữa tài sản có nhạy cảm lãi suất và tài sản nợ nhạy cảm lãi suất, độ nhạy thu nhập lãi thuần (độ nhạy NII) và độ nhạy giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu (độ nhạy EVE)). Ngoài ra, Vietcombank cũng sử dụng sản phẩm phái sinh phù hợp để giảm thiểu tác động tiêu cực của biến động lãi suất.

Trong năm 2020, Vietcombank tiếp tục triển khai dự án hệ thống phần mềm ALM/FTP nhằm nâng cao mức độ tự động hóa cũng như hiệu quả quản trị rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng.



QUẢN LÝ RỦI RO TẬP TRUNG

Rủi ro tập trung là rủi ro do ngân hàng có hoạt động kinh doanh tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), đối tác, sản phẩm, giao dịch, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của ngân hàng. Rủi ro tập trung bao gồm rủi ro tập trung đối với hoạt động cấp tín dụng và rủi ro tập trung đối với hoạt động giao dịch tự doanh.

Vietcombank đã thiết lập khung quản trị rủi ro tập trung đầy đủ, bao gồm mô hình, cơ cấu tổ chức quản trị, hệ thống văn bản chính sách, quy trình, quy định, hạn mức toàn diện nhằm nhận diện, đo lường, giám sát và báo cáo rủi ro đảm bảo tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước, cũng như quy định nội bộ của Vietcombank.

Trong công tác quản lý rủi ro tập trung đối với hoạt động cấp tín dụng, Vietcombank chủ trương đa dạng hóa danh mục cấp tín dụng theo các nguyên tắc sau: (i) xác định hạn mức rủi ro tập trung tín dụng cho sản phẩm tín dụng, khách hàng, ngành, lĩnh

vực kinh tế, loại tài sản bảo đảm; (ii) xác định người có liên quan của khách hàng theo quy định của pháp luật và theo định danh của Ngân hàng; (iii) xác định mức độ đa dạng và mức độ tương tác giữa các sản phẩm tín dụng, ngành, lĩnh vực kinh tế. Trong năm 2020, Vietcombank luôn giám sát, theo dõi các hạn mức rủi ro tập trung tín dụng đảm bảo các hạn mức rủi ro tập trung tín dụng luôn duy trì trong hạn mức đã thiết lập. Bên cạnh đó, Vietcombank đã hoàn thành Khung kiểm tra sức chịu đựng về vốn đối với rủi ro tín dụng và rủi ro tập trung tín dụng; qua đó, góp phần đẩy nhanh thời hạn hoàn thành Trụ cột 2 theo Basel II vào tháng 6/2020.

Đối với rủi ro tập trung trong hoạt động tự doanh, Vietcombank đã triển khai chính thức các công cụ quản lý dựa trên các tiêu chí xác định danh mục giao dịch tự doanh để áp dụng hạn mức đảm bảo mức độ đa dạng, mức độ tương tác; các hạn mức được thiết lập dựa trên mức tối đa của tỷ trọng giữa số dư của sản phẩm giao dịch, loại tiền tệ và đối tác giao dịch so với tổng số dư giao dịch tự doanh.

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

DANH SÁCH CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH TỚI THỜI ĐIỂM 31/12/2020

Tính đến thời điểm 31/12/2020: VCB có 116 Chi nhánh và 474 Phòng giao dịch đã đi vào hoạt động. Ngày 31/12/2020, VCB đã được NHNN chấp thuận thành lập 05 CN và 02 PGD; dự kiến, các CN và PGD khai trương hoạt động trong năm 2021.

CHI NHÁNH	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI	FAX
An Giang	30-32 Hai Bà Trưng, Phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	02963.898999 02963.841075 02963.841816	02963.841591
Ba Đình	521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội	024.37665318	024.37665313
Bà Rịa	Số 03 Trường Chinh, Phường Phước Trung, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	0254.3716275 0254.3716988 0254.3716989	0254.3716276
Bảo Lộc	Số 452 Trần Phú, Phường 2, TP. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng	02633.726.886	02633.727.778
Bắc Bình Dương	Lô D1-4-Tt, Đường Na3, Khu Công Nghiệp Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	0274.3697979	0274.3618787
Bắc Giang	Số 278 Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang	0204.3855.576	0204.3855.575
Bắc Hà Tĩnh	Số 52 Đường Trần Phú, Thị Xã Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	0239.6262555	0239.6269555
Bạc Liêu	Số 14-15 Lô B Đường Bà Triệu, Phường 3, TP. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu	0291.3955055	0291.3955055
Bắc Ninh	Ngã 6, Phường Đại Phúc, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	0222.3811.282	0222.3811.848
Bắc Gia Lai	Số 737 Phạm Văn Đồng, Phường Yên Thế, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai	02693 867927	02693 867929
Bắc Sài Gòn	Khu Hành Chính, Đường Số 7, Kcn Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, TP. Hcm	028.37654666	028.37651327
Bến Tre	Số 55B3, Đại Lộ Đồng Khởi, Phường Phú Khương, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre	0275.6255888	0275.6253666
Biên Hoà	Số 22, Đường 3A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 2, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	0251.3991944	0251.3991947
Bình Định	66C Đường Lê Duẩn, Phường Lý Thường Kiệt, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	0256.3526666- 0256.3526526	0256.3523181
Bình Dương	314 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	0274.3831227	0274.3838675
Bình Phước	Số 744 Đường Phú Riềng Đỏ, Phường Tân Xuân, Thị Xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	0271.3558888	0271.3867575
Bình Tây	129-129A Hậu Giang, Phường 5, Quận 6, TP. HCM	028.39600477 - 028.39600478	028.39606217

CHI NHÁNH	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI	FAX
Bình Thuận	Số 50 Đại Lộ Nguyễn Tất Thành, Phường Hưng Long, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	0252.3739064 - 0252.3739065	0252.3739290
Cà Mau	Số 07 Đường An Dương Vương, Phường 7, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau	0290.3575857 0290.3835207	0290.3833466
Cần Thơ	03-05-07 Hòa Bình, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	0292.3820445	0292.3817299
Châu Đốc	Số 20 Lê Lợi, Phường Châu Phú B, TP. Châu Đốc, Tỉnh An Giang	0296.3565603 0296.3561702	0296.3561703
Chí Linh	Số 1 Đường Thái Học, Phường Sao Đỏ, Thị Xã Chí Linh, Tỉnh Hải Dương	02203.885522	02203.588000
Chương Dương	564 Nguyễn Văn Cừ, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, TP. Hà Nội	024.3652.3333	024.36522949
Đà Nẵng	140-142 Lê Lợi, Phường Hải Châu, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	0236.3822110	0236.3826062
Đắk Lắk	06 Trần Hưng Đạo, Phường Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	02623.818444 0262.2240777 0262.3857899	02623.855038
Đông Anh	Thôn Nghĩa Lại, Xã Uy Nỗ, Huyện Đông Anh, TP. Hà Nội	024.38835999	024.38835888
Đông Bình Dương	Số 26 Đường Lê Duẩn, Khu 2, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	0274.3589999	0274.3582222
Đông Nai	Số 53-55, Đường Võ Thị Sáu, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	0251.3823666	0251.3824191
Đông Sài Gòn	22F-24 Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	028.38407924	028.38407925
Đông Tháp	Số 66, Đường 30/4, Phường 1, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	0277.3872110 0277.3872114	0277.3872119
Dung Quất	Kcn Đông Dung Quất, Kkt Dung Quất, Xã Bình Thuận, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	0255.3632333 0255.3632212 0255.3632797	0255.3632336 0255.3610806 0255.3616688
Gia Định	Số 415 Đường Lê Văn Việt, Phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh	028.37307799	028.37361999
Gia Lai	33 Quang Trung, Phường Hội Thương, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai	0269.3875566	0269.3828592
Hạ Long	166 Đường Hạ Long, Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	0203.3811808 0203.3811911	0203.3844746
Hà Nam	Đường Lê Hoàn, Phường Hai Bà Trưng, TP. Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam	0226.361 6666	0226.361 6567
Hà Nội	Tầng 1 đến Tầng 5, Số 11B Cát Linh, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội	024.39746666	024.39747065
Hà Thành	Số 344 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	024.36503333	024.32252222

CHI NHÁNH	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI	FAX
Hà Tĩnh	Số 02 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Trần Phú, TP. Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	0239.3857003 0239.3777886	0239.3857002
Hải Dương	Số 66 Nguyễn Lương Bằng, Phường Bình Hàn, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	03203.891259	03203.891807
Hải Phòng	Số 275 Lạch Tray, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	0225.3842658	0225.3841117
Hồ Chí Minh	Tòa nhà VBB, Số 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM	028.38297245 028.39141777	028.38297228
Hoàn Kiếm	23 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	024.39335566	024.39335580
Hoàng Mai	Tầng 1,2, Tower 1, Times City, 458 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	024.38383383	024.32115555
Huế	78 Hùng Vương, Phường Phú Nhuận, TP. Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	0234.3811900	0234.3824631
Hùng Vương	664 Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, TP. HCM	028.38663983 028.38663984 028.38624810	028.38624804 028.38624806
Hung Yên	Số 02, Đường Nguyễn Công Hoan, Phường Bản Yên Nhân, Thị xã Mỹ Hòa, Tỉnh Hưng Yên	0221.3941886	0221.3941044
Khánh Hòa	17 Quang Trung, Phường Vạn Thạnh, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	0258.3568899	0258.3823806
Kiên Giang	Số 89, Đường 3 Tháng 2, Phường Vĩnh Bảo, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang	0297.3862749	0297.3866243
Kinh Bắc	Tòa nhà Long Phương, Số 370 - 372 Đường Trần Phú, Phường Đông Ngàn, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	0222.3818828	0222.3906910
Kon Tum	Số 01 Đường Phan Đình Phùng, Phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	0260.3703337	0260.3913516
Kỳ Đồng	13-13 Bis Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, TP. HCM	028.39318968	028.39318953
Lâm Đồng	Số 33 Nguyễn Văn Cừ, Phường 1, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	0263.3511811	0263.3533666
Lạng Sơn	Số 39 Đường Lê Lợi, Phường Vĩnh Trại, TP. Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn	0205.3859859	0205.3866555
Lào Cai	Số 79 Đường Hoàng Liên, Phường Cốc Lếu, TP. Lào Cai, Tỉnh Lào Cai	0214.3828396 0214.3828265	0214.3828261 0214.3828326
Long An	Số 2A, Phạm Văn Ngũ, Khu phố 5, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	0272.3633683	0272.3633687
Đông Đồng Nai	Số 163 Quốc lộ 1A, Xã Hố Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai	02513.646151	02513.646157
Móng Cái	Số 05, Đường Hùng Vương, Phường Trần Phú, TP. Móng Cái, Tỉnh Quảng Ninh	0203.3757575	0203.3881676 0203.3772886
Nam Bình Dương	Số 121 Đường ĐT 743B, Khu phố Thống Nhất 1, Phường Dĩ An, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	0274.7307777	0274.3710725

CHI NHÁNH	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI	FAX
Nam Đà Nẵng	Số 537 Đường Trần Hưng Đạo, Phường An Hải Tây, Quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng	0236.3932999	0236.3932009
Nam Định	Số 629 Trần Hưng Đạo, Phường Lộc Vương, TP. Nam Định, Tỉnh Nam Định	0228.3558666	0228.3558333
Nam Hà Nội	Tầng 1,2,3, Tòa nhà "Nhà ở Cao tầng Và Dịch vụ Cầu Tiên", 1277 Giải Phóng, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội	024.38699696	024.36281000
Nam Hải Phòng	Số 11 Hoàng Diệu, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	0225.3552299 0225.3841080	0225.3569611
Nam Sài Gòn	Tầng 1,2,3,4, Tòa nhà V6, Plot V, Khu đô thị Mới Himlam, 23 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Quận 7, TP. HCM	028.37701634	028.37701635
Nghệ An	Số 21 Đường Quang Trung, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An	0238.3842033 0238.8685678	0238.3842192
Nghi Sơn	Thôn Nam Yến, Xã Hải Yến, Thị Xã Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	0237.3613999	0237.3616869
Nha Trang	21 Lê Thành Phương, Phường Vạn Thắng, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	0258.3826279 0258.829689	0258.3829682
Nhơn Trạch	Đường Nguyễn Hữu Cảnh, Ấp Xóm Hố, Xã Phú Nội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai	0251.3521888 0251.3561628	0251.3521999
Ninh Bình	1069 Trần Hưng Đạo, Phố 14, Phường Vân Giang, TP. Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình	0229.3894444	0229.3894446
Ninh Thuận	Số 47 Đường 16/4, Phường Kinh Dinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	0259.3922755	0259.3922756
Phố Hiến	Số 186 Đường Chu Mạnh Trinh, Phường Hiến Nam, TP. Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên	0221.3596666	0221.3796666
Phú Nhuận	Số 285 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 10, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	028.38479966	028.38476226
Phú Quốc	Số 1A, Đường Hùng Vương, Khu Phố 1, Thị Trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang	0297.3981037	0297.3626265
Phúc Yên	Tòa nhà Hoài Nam, Số 06 Tổ 8 Đường Hai Bà Trưng, Phường Hùng Vương, Thị Xã Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc	02113.636666	02113.856866
Quy Nhơn	433 Lạc Long Quân, Phường Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	0256.3541377	0256.3741007
Phú Thọ	1606A Đại Lộ Hùng Vương, Phường Gia Cẩm, TP. Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	0210.3766666	0210.3766667
Phú Yên	Số 145 Đường Hùng Vương, Phường 6, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	0257.3811709	0257.3818186
Quảng Bình	Số 01C, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Đồng Mỹ, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình	0232.3840380	0232.3828347
Quảng Nam	35 Trần Hưng Đạo, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam	0235.3813062	0235.3813235
Quảng Ngãi	345 Hùng Vương, Phường Trần Phú, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	0255.3828578	0255.3711482

CHI NHÁNH	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI	FAX
Quảng Ninh	Đường 25/4, Phường Bạch Đằng, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	0203.3629213 0203.3627972	0203.3827206
Quảng Trị	51 Trần Hưng Đạo, TP. Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị	0233.3555727	0233.3555726
Sài Gòn	69 Bùi Thị Xuân, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	028.38359323 028.38359262	028.38325041
Sài Thành	2A-2B-2C Đường Lý Thường Kiệt, Phường 12, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh	028.39573378	028.39573380
Sở giao dịch	Số 11 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội	024.39368547	024.39363354 024.38241395
Sóc Sơn	Số nhà 51, Đường Quốc Lộ 3, Tổ 12, Thị trấn Sóc Sơn, Huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội	024.35950000	024.35950505
Sóc Trăng	Số 3 Trần Hưng Đạo, Khóm 6, Phường 3, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng	02993.883888 02993.883889	02993.610137
Tân Bình Dương	Số 16 Đường Lê Trọng Tấn, Khu Phố Bình Đường 2, Phường An Bình, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	0274.3792158 028.37241627	0274.3790134 028.37241498
Tân Bình	108 Tây Thạnh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. HCM	028.38157777	028.38106838
Tân Định	72 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. HCM	028.38208762	028.38206846
Tân Sài Gòn	Số 1943-1945 Đường Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 5, Thị trấn Nhà Bè, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	028.38738686	028.37810081
Tân Sơn Nhất	Số 366A33 Đường Phan Văn Trị, Phường 5, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	028.39856868	028.39856869
Tây Cần Thơ	Lô 30A7A, Khu công nghiệp Trà Nóc 1, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ	0292.3844272	0292.3843056
Tây Hà Nội	Lô HH-03 Đường Tố Hữu, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội	024.33554545	024.33554444
Tây Hồ	Số 565 Lạc Long Quân, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội	024.37581111	024.37585399 024.37585388
Tây Ninh	Số 313, Đường 30/4, Khu Phố 1, Phường 1, TP. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh	0276.3818996 0276.3818997 0276.3818992	0276.3818998
Tây Sài Gòn	Số 321-323-325 Đường Phạm Hùng, Khu dân cư Him Lam, Ấp 4A, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	028.37589297	028.37589298
Thái Bình	Trung tâm Tài chính Thương mại Thái Bình, Số 79A Đường Lê Lợi, Phường Đề Thám, TP. Thái Bình, Tỉnh Thái Bình	02273.839724	02273.845994
Thái Nguyên	Số 10 Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên	0208.3658200	0208.3658219
Thăng Long	Tòa nhà Pvoil Phú Thọ, Số 148 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội	024.37557194	024.37569006
Thành Công	Số 01 Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội	024.62578686	024.37761747

CHI NHÁNH	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI	FAX
Thanh Hóa	05 Phan Chu Trinh, Phường Điện Biên, TP. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa	0237.3728286	02373.728386
Thanh Xuân	448-450 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội	024.35578589	024.35579138
Thủ Đức	Số 50A, Đường Đặng Văn Bi, Khu Phố 4, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	028.38966806	028.38974176
Thủ Thiêm	Số 55-56 Đường Song Hành, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh	028.73079668	028.73079530
Tiền Giang	152 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 2, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	0273.3976999	0273.3975878
Trà Vinh	Số 05 Lê Thánh Tôn, Phường 2, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh	0294.3868780	0294.3868791
Tuyên Quang	Tổ 8, Phường Tân Quang, TP. Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang	0207.3999666	0207.3999555
Vinh	Số 9, Đường Nguyễn Sỹ Sách, Phường Hà Huy Tập, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An	0238.8699567	0238.8699568
Vĩnh Long	Số 5C, Hưng Đạo Vương, Phường 1, TP. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long	0270.3888288	0270.836479
Vĩnh Phúc	Số 392A, Đường Mê Linh, Phường Khai Quang, TP. Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc	0211.3720920	0211.3720921
Vũng Tàu	Số 27 Lê Lợi, Phường 4, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	0254.3852309 0254.3859874 0254.3859168	0254.3859859
Hòa Bình	Số 810 Đường Cù Chính Lan, Phường Phương Lâm, TP. Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình	0218.3858383	0218.3888989
Yên Bái	Đường Điện Biên, Tổ 8, Phường Minh Tân, TP. Yên Bái, Tỉnh Yên Bái	0216.3858999	0216.3859666
Đông Quảng Ninh	Số 584 Đường Trần Phú, Phường Cẩm Tây, TP. Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	0203.3551551	0203.3548548
Hội An	Số 2 Trần Cao Vân, Phường Cẩm Khô, TP. Hội An, Tỉnh Quảng Nam	02353.916619	02353.916234
Đắk Nông	Số 74 Đường Huỳnh Thúc Kháng, TP. Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông	0261.3582635	0261.3582635
Đông Hải Phòng	Số 9 Lô 22B, Đường Lê Hồng Phong, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	Được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận thành lập ngày 31/12/2020	
Bắc Đà Nẵng	Số 249A Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng	Được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận thành lập ngày 31/12/2020	
Bắc Đắk Lắk	Số 149 Trần Hưng Đạo, Thị Xã Buôn Hồ, Tỉnh Đắk Lắk	Được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận thành lập ngày 31/12/2020	
Sơn La	Đường Trường Chinh, TP. Sơn La, Tỉnh Sơn La	Được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận thành lập ngày 31/12/2020	
Hậu Giang	Đường Võ Nguyên Giáp, TP. Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang	Được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận thành lập ngày 31/12/2020	

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CON/ CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT TRONG NƯỚC

Công ty TNHH Một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBL)
Tầng 4 - Tòa nhà 25T1, N05 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Tel: 024.39289289
Fax: 024.39289150

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS)
Tầng 12&17, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Tel: 024.39369990, 024.39366991, 024.39366992
Fax: 024.39360262, 024.39360263

Công ty TNHH Một thành viên Kiểu hối Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBR)
Tầng 4 - Tòa nhà Vietcombank Kỳ Đồng, Số 13-13 Bis Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Tel: 028.35260888
Fax: 028.35260808

Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank 198
tầng 14 - Phòng 1406 - Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Tel: 024.39340919
Fax: 024.39340918

Công ty Liên doanh Trách nhiệm hữu hạn Vietcombank- Bonday - Bến Thành
Số 5, Công trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: 028.39153360

Công ty liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank (VCBF)
Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Tel: 024.39364540
Fax: 024.39364542

Công ty liên doanh Hữu hạn Vietcombank - Bonday
35 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: 028.38213321, 028.38213345
Fax: 028.38213366, 028.38213366

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, CÔNG TY Ở NƯỚC NGOÀI

Văn phòng đại diện Vietcombank tại Singapore
1 Raffles Place, #26-03 OUB Centre, Singapore 048616
Tel: 65 6323 7558
Fax: 65 6323 7559

Văn phòng đại diện Vietcombank tại Mỹ
Suite 1427-1428, 14th floor, One Rockefeller Plaza, NewYork, NY 10020
Tel: (1) 646 937 1999

Công ty tài chính Việt Nam tại Hongkong (Vinafico)
16/F, Golden Star Building, 20-24, Lockhart Road, Wanchai, Hong Kong
Tel: +852-28653905
Fax: +852-28660007

Công ty chuyển tiền Vietcombank tại Mỹ (VCB Money.Inc)
12112 Brookhurst Street, Suite 11, Garden Grove, CA 92840 United States
Tel: (+1)-714-979-1055
Fax: (+1)- 714-979-1278

Ngân hàng TNHH Ngoại thương Việt Nam tại Lào
Nhà số 12, Lô 15, Đại lộ Lanexang, Bản Hatsadee-Tai, Quận Chanthabouly, Viêng Chăn, CHDCND Lào
Tel: +85621253838

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN Ở TRONG NƯỚC

Văn phòng đại diện Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại khu vực phía Nam
Tầng 33-34 Tòa nhà VBB, Số 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: 028.39826468
Fax: 028.39393948





PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÌ CỘNG ĐỒNG

CHƯƠNG 5

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tổng quan về phát triển bền vững	124
Các nội dung về phát triển bền vững	128
Hoạt động an sinh xã hội	134
Một số chương trình an sinh xã hội tiêu biểu gian đoạn 2016–2020	138



TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Những năm đầu thế kỷ 21, cùng với sự phát triển chóng mặt của kinh tế, xã hội, con người ngày càng nhận thức sâu sắc mối nguy hại của các tác động môi trường đi kèm. Năm 2004, cựu Tổng Thư ký Liên Hợp quốc Kofianan gửi thông điệp tới 50 CEO của các tổ chức tài chính lớn toàn cầu, phát động sáng kiến đưa các yếu tố ESG (môi trường – xã hội – quản trị) vào thị trường vốn, đặt nền móng cho xu hướng phát triển bền vững trong lĩnh vực tài chính. Năm 2015, sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) chính thức trở thành đối tác Sáng kiến Sở giao dịch phát triển bền vững (SSE Initiative) của Liên Hợp Quốc, với mục tiêu tăng cường tính minh bạch trong việc quản trị doanh nghiệp, tạo điều kiện cho các bên thảo luận và cam kết về trách nhiệm của doanh nghiệp với môi trường và xã hội.

Khung pháp lý cho phát triển bền vững hệ thống ngân hàng tại Việt Nam cũng đang từng bước được xây dựng và ngày càng hoàn thiện, tạo động lực cho toàn ngành Ngân hàng thực hành phát triển bền vững:

Quyết định số 986/QĐ-TTg về Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đề ra mục tiêu phát triển hệ thống các tổ chức tín dụng hoạt động minh bạch, cạnh tranh, an toàn, hiệu quả bền vững; cấu trúc đa dạng về sở hữu, quy mô, loại hình; dựa trên nền tảng công nghệ, quản trị ngân hàng tiến tiến, phù hợp với chuẩn mực hoạt động theo thông lệ quốc tế, hướng tới đạt trình độ phát triển của nhóm 4 nước dẫn đầu khu vực ASEAN vào năm 2025; thích ứng với quá trình tự do hóa và toàn cầu hóa;

Quyết định 1604/QĐ-NHNN về việc phê duyệt Đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam, với mục tiêu nhằm tăng cường nhận thức và trách nhiệm xã hội của hệ thống ngân hàng đối với việc bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu, từng bước xanh hóa hoạt động ngân hàng, hướng dòng vốn tín dụng vào việc tài trợ dự án thân thiện với môi trường, thúc đẩy các ngành sản xuất, dịch vụ và tiêu dùng xanh, năng lượng sạch và năng lượng tái tạo; góp phần tích cực thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững;

Năm 2020, thế giới chứng kiến sự xuất hiện và lây lan của đại dịch Covid-19, gây tác động tiêu cực lên mọi mặt đời sống kinh tế, xã hội trên phạm vi toàn cầu. Việt Nam còn hứng chịu những hậu quả nghiêm trọng của thiên tai lũ lụt và sạt lở đất tở tệ nhất trong hàng thập kỷ qua, kéo theo những tổn thương của hệ sinh thái và môi trường. Thêm một lần nữa, vấn đề phát triển bền vững trở nên vô cùng cấp thiết, trong đó cốt lõi là tạo ra tăng trưởng kinh tế đi kèm với bảo tồn và khôi phục tự nhiên, thúc đẩy các tác động xã hội tích cực.

Với sứ mệnh và tầm nhìn trở thành ngân hàng số 1 tại Việt Nam, một trong 100 Ngân hàng lớn nhất trong khu vực Châu Á, một trong 300 tập đoàn ngân hàng tài chính lớn nhất thế giới, một trong 1000 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất toàn cầu có đóng góp lớn vào sự phát triển của Việt Nam, Vietcombank đặt mục tiêu chiến lược trở thành ngân hàng đứng đầu về trải nghiệm khách hàng, về chất lượng nguồn nhân lực, về quản trị rủi ro, ngân hàng số, quy mô lợi nhuận, ngân hàng bán lẻ và đầu tư...

Phạm vi báo cáo

Báo cáo phát triển bền vững của Vietcombank được lập trong toàn phạm vi hoạt động của Ngân hàng bao gồm Trụ sở chính tại Hà Nội, các Chi nhánh, công ty con, văn phòng đại diện và phòng giao dịch trên toàn quốc. Thông tin và dữ liệu sử dụng để công bố thông tin được cập nhật theo năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến kết thúc ngày 31/12/2020.



TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Sự tham gia của các bên liên quan

Phương thức tương tác với các bên liên quan	Tần suất tương tác
CỔ ĐÔNG/NHÀ ĐẦU TƯ	
Đại hội đồng cổ đông	Thường niên hoặc bất thường
Cập nhật thông tin định kỳ qua website IR, trực tiếp, điện thoại, email	Hàng quý hoặc thường khi có phát sinh
Gặp gỡ các nhà phân tích	Thường xuyên khi có phát sinh
KHÁCH HÀNG	
Trung tâm chăm sóc khách hàng và số hotline hoạt động 24/7	24/7
Thực hiện khảo sát mức độ hài lòng	Hàng quý
Mạng xã hội và bản tin theo dõi phản hồi trên MXH	Hàng ngày
NGƯỜI LAO ĐỘNG	
Khảo sát mức độ hài lòng	Thường niên
Hội nghị người lao động thường niên	Thường niên
Ấn phẩm nội bộ, bản tin nội bộ	Hàng ngày
Trao đổi với Công đoàn	Thường niên
Môi trường kết nối, đào tạo, giao lưu	Hàng ngày
CƠ QUAN QUẢN LÝ	
Duy trì cơ chế đối thoại thường xuyên	Hàng tháng
Gặp gỡ trao đổi tại các diễn đàn	Khi có phát sinh
Cung cấp các bài tham luận, báo cáo chuyên đề	Khi có phát sinh
Đóng góp ý kiến đối với các dự thảo chính sách	Khi có phát sinh
CỘNG ĐỒNG	
Phối hợp với chính quyền địa phương	Thường niên
Các chương trình an sinh xã hội chung tay cùng chính quyền địa phương	Hàng quý
CƠ QUAN BÁO CHÍ	
Hợp báo	Hàng quý
Thông cáo báo chí/ báo cáo kết quả hoạt động định kỳ	Hàng quý
Đội ngũ chuyên gia trả lời cung cấp thông tin cho báo chí	Khi có phát sinh
NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	
Gặp gỡ trao đổi trực tiếp bổ sung trong quy chế đấu thầu, hợp tác với nhà cung cấp	Khi có phát sinh
Duy trì tính cạnh tranh	Thường xuyên trong quy trình
Đảm bảo minh bạch trong chào thầu	Thường xuyên trong quy trình
Chất lượng dịch vụ, nguồn gốc hàng hóa rõ ràng	Thường xuyên trong quy trình



CÁC NỘI DUNG VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

CÁC NỘI DUNG VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TIÊU CHUẨN KINH TẾ (GRI 200)

Hiệu quả trong hoạt động kinh tế và đóng góp cho NSNN

Năm 2020 tình hình thế giới, khu vực và Việt Nam đã có những diễn biến phức tạp, khó lường trước sự bùng phát của đại dịch Covid-19, biến đổi khí hậu, thiên tai, lũ lụt, sạt lở, giông lốc, dịch bệnh diễn ra ở nhiều nơi. Trong bối cảnh hết sức khó khăn, Đảng, Quốc hội, Chính phủ đã chủ động, linh hoạt điều hành chính sách tiền tệ, hoạt động ngân hàng nhằm góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và kịp thời triển khai nhiều chính sách nhằm khắc phục khó khăn, giảm bớt thiệt hại do dịch bệnh, thiên tai.

Với vai trò là ngân hàng thương mại nhà nước trụ cột, chủ lực của ngành ngân hàng, Vietcombank đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để thực hiện "mục tiêu kép": Vừa ngăn ngừa, kiểm soát chặt chẽ dịch bệnh trong hệ thống và khách hàng giao dịch, đồng hành, chia sẻ, tháo gỡ khó khăn cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, vừa đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả cao.

Năm 2020, quy mô tổng tài sản của Vietcombank đã vượt qua mốc 1 triệu tỷ đồng và đồng thời vươn lên là doanh nghiệp niêm yết có quy mô vốn hoá lớn nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Tăng trưởng huy động vốn ở mức 10.9%, cơ cấu huy động vốn chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng nguồn

vốn có chi phí đầu vào thấp. Dự nợ tín dụng năm 2020 tăng 14%, cao hơn mức trung bình của toàn ngành và tăng tập trung vào các ngành, lĩnh vực hoạt động then chốt của nền kinh tế như phát triển cơ sở hạ tầng, thúc đẩy xuất khẩu, nông nghiệp nông thôn, các ngành công nghiệp mũi nhọn, doanh nghiệp nhỏ và vừa. Chất lượng tín dụng được kiểm soát một cách thực chất, nợ xấu giảm mạnh qua các năm, đến năm 2020, tỷ lệ nợ xấu đã được kiểm soát ở mức 0,62% - vượt so với tiến độ mục tiêu chiến lược đặt ra và Vietcombank là ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất trong nhóm các TCTD lớn trên thị trường. Tỷ lệ số dư quỹ dự phòng bao nợ xấu đạt 368% tổng dư nợ xấu, cao nhất trong lịch sử và cao nhất trên thị trường. Hoạt động dịch vụ chuyển dịch mạnh mẽ, thu nhập ngoài lãi chiếm trên 35% trong cơ cấu thu nhập, trong đó tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ đạt trên 28%. Thị phần TTQT-TTTM, hoạt động kinh doanh ngoại tệ, kinh doanh thẻ tiếp tục giữ vững vị thế dẫn đầu. Lợi nhuận trước thuế năm 2020 của Vietcombank đạt 23.050 tỉ đồng, là ngân hàng duy nhất cán mốc lợi nhuận tỉ USD. Với những kết quả kinh doanh ấn tượng, Vietcombank đã trở thành ngân hàng nộp thuế lớn nhất và nằm trong 2 doanh nghiệp niêm yết nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất tại Việt Nam. Năm 2020, Vietcombank nộp ngân sách Nhà nước 8.689 tỷ đồng, là một trong những doanh nghiệp nộp ngân sách nhiều nhất. Kết quả này ghi nhận sự đóng góp quan trọng của Vietcombank đối với ngân sách nhà nước.

Tiên phong chung tay hỗ trợ doanh nghiệp, người dân vượt qua khó khăn

Bám sát định hướng của Đảng, Chính phủ và chỉ đạo của NHNN, với tinh thần chủ động, tích cực chung tay hỗ trợ người dân và doanh nghiệp bị ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp bởi dịch bệnh COVID-19 và ảnh hưởng của bão lũ tại miền Trung, Vietcombank đã triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ khách hàng như: miễn giảm lãi, phí; cơ cấu lại thời hạn trả nợ; cho vay mới để hỗ trợ khách hàng khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh; triển khai các gói tín dụng với lãi suất phù hợp để hỗ trợ khách hàng như: Kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai Thông tư 01, Chỉ thị 02, công điện 03 của Ngân hàng Nhà nước trên toàn hệ thống. Thực hiện 5 lần giảm lãi suất đối với các khoản vay hiện hữu tối đa tới 1,5% đối với các doanh nghiệp, cá nhân sản xuất kinh doanh thuộc các lĩnh vực chịu nhiều ảnh hưởng của dịch bệnh COVID 19 và các khách hàng chịu ảnh hưởng của bão lụt Miền Trung. Đối với cho vay mới, Vietcombank tiếp tục duy trì cấp tín dụng cho các khách hàng đáp ứng các điều kiện vay vốn của Vietcombank với thời hạn vay phù hợp với chu kỳ kinh doanh mới đồng thời áp dụng lãi suất ưu đãi giảm tối đa tới 1%/năm cho các khách hàng thuộc lĩnh vực chịu ảnh hưởng của dịch bệnh. Tổng số tiền giảm lãi suất cho các khoản vay hiện hữu và các khoản vay mới trong năm 2020 là khoảng 4.000 tỷ đồng. Bên cạnh đó, với tinh thần khẩn trương và nghiêm túc, Vietcombank đã quyết liệt thực hiện cơ cấu nợ theo Thông tư 01 trên toàn hệ thống từ tháng 03/2020 nhằm hỗ trợ khách hàng và đảm bảo hạn chế việc trực lợi chính sách. Các khách hàng được Vietcombank cơ cấu nợ về cơ bản đều duy trì được hoạt động ổn định.

Với sự nỗ lực, tinh thần trách nhiệm, quyết tâm cao của toàn hệ thống Vietcombank, kết quả thực hiện các giải pháp hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid19 đã phát huy tác dụng lớn: Vietcombank đã hỗ trợ hơn 300 nghìn khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch với dư nợ 660 nghìn tỷ đồng, hạ lãi suất/áp dụng lãi suất ưu đãi, chiếm hơn 80% tổng dư nợ cho vay của toàn hệ thống. Doanh số cho vay mới lũy kế đối với khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch là gần 900 nghìn tỷ đồng với số lượng khách hàng được hưởng ưu đãi hơn 167 nghìn khách. Thực hiện cơ cấu thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 01 gần 50 nghìn tỷ đồng.

Tiếp nối và phát huy truyền thống là một ngân hàng Xanh - Vì cộng đồng, trong năm 2020, hàng loạt các hoạt động an sinh xã hội, các chương trình phát triển cộng đồng, đặc biệt là việc chung tay đóng góp ủng hộ phòng chống dịch COVID-19 và ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng bởi lũ lụt miền Trung... đã được Vietcombank triển khai. Qua đó, Vietcombank đã góp phần chung tay cùng cả nước đẩy lùi dịch bệnh, hỗ trợ người dân ổn

định cuộc sống sau thiên tai, dịch bệnh, tham gia tích cực vào sự nghiệp giáo dục, y tế, xóa đói giảm nghèo... trên cả nước.

Thông lệ mua sắm

Hoạt động mua sắm của Vietcombank được thực hiện tập trung, đảm bảo sử dụng đồng bộ, đạt được quy mô mua sắm hiệu quả, tiết kiệm chi phí và thời gian. Tất cả các loại hàng hóa mua sắm thường xuyên được quy định chuẩn hàng hóa trong từng thời kỳ, được tổng hợp nhu cầu mua sắm năm và ký kết hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp chính vào đầu mỗi năm tài chính. Việc mua sắm luôn phải đảm bảo các tiêu chí hiệu quả, hợp lý và tiết kiệm chi phí.

Định kỳ hàng năm, Vietcombank tiến hành tổ chức đánh giá nhà cung cấp, lựa chọn và bổ sung các nhà cung cấp đáp ứng năng lực về vốn, kinh nghiệm triển khai và ưu tiên lựa chọn các nhà cung cấp có cam kết bảo vệ môi trường, đảm bảo chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào và không vi phạm các quy định về sử dụng lao động.

Chống tham nhũng

Phòng, chống tham nhũng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của các ngành, các cấp, nhấn mạnh trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị, đề cao vai trò của xã hội, các tổ chức đoàn thể và quần chúng nhân dân. Tại Vietcombank, công tác phòng chống tham nhũng luôn được quan tâm tổ chức, chỉ đạo thực hiện một cách quyết liệt. Ban Lãnh đạo Ngân hàng xác định công tác phòng, chống tham nhũng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên trong chỉ đạo, điều hành; kết hợp giữa phòng và chống, vừa tích cực phòng ngừa, vừa xử lý nghiêm minh các hành vi tham nhũng. Trong năm 2020, toàn hệ thống Vietcombank không có sự vụ tham nhũng nào được ghi nhận và báo cáo.



CÁC NỘI DUNG VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Các tiêu chuẩn về môi trường

Phát thải (GRI 305)

Khí thải

Đối với phương tiện vận chuyển: Vietcombank luôn trang bị những phương tiện vận chuyển hiện đại, đảm bảo tiêu chuẩn khí thải và đăng kiểm theo quy định của Nhà nước. Bên cạnh đó, Ngân hàng thực hiện bảo dưỡng/sửa chữa định kỳ các phương tiện vận chuyển để đảm bảo an toàn, tiết kiệm nhiên liệu. Hàng năm, Vietcombank cũng thực hiện rà soát và đánh giá chất lượng phương tiện trên toàn hệ thống để kịp thời thay thế các phương tiện cũ không đạt tiêu chuẩn.

Đối với khí thải từ hệ thống điều hòa không khí, máy phát điện: Ngân hàng luôn lựa chọn những trang thiết bị hiện đại, thân thiện môi trường và đáp ứng các tiêu chuẩn cao nhất về khí thải và tiếng ồn. Thực hiện bảo dưỡng theo đúng lịch trình và kỹ thuật của nhà cung cấp để đảm bảo hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu phát sinh khí thải và kịp thời sửa chữa, thay thế khi thiết bị cũ, hư hỏng.



Môi trường (GRI 307)

Vietcombank luôn ý thức chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường, hướng đến mô hình ngân hàng xanh và tạo dựng một không gian làm việc thân thiện với người lao động. Bên cạnh đó, Vietcombank luôn đề cao xây dựng văn hóa doanh nghiệp xanh,

Nước thải

Ngân hàng khuyến khích cán bộ nhân viên sử dụng tiết kiệm nước tại văn phòng, mức tiêu thụ nước được theo dõi chặt chẽ. Từ năm 2019, toàn hệ thống Vietcombank đã ngừng sử dụng các sản phẩm nước đóng chai, chuyển sang sử dụng nước tinh khiết giữ trong chai thủy tinh để tái sử dụng nhiều lần, đảm bảo thân thiện với môi trường và tiết kiệm nguồn nước.

Chất thải

Chất thải rắn được phân loại, thu gom và có nhân viên xử lý theo đúng quy trình. Thường xuyên tái sử dụng bình mực, máy in, giấy in, ruột bút bi thay vì thay mới để hạn chế phát thải ra môi trường. Không phát sinh các chất thải nguy hại ra môi trường xung quanh.

Tiếng ồn

Không phát sinh



chú trọng thực hiện tiết kiệm điện, nước, giấy và các vật liệu văn phòng; có ý thức giữ gìn môi trường làm việc xanh-sạch-đẹp.

Tiêu chuẩn về xã hội (GRI 400)

Liên quan tới người lao động (GRI 401 – 402)

Chiến lược phát triển Vietcombank đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 là trở thành Ngân hàng số 1 tại Việt Nam, 1 trong 100 Ngân hàng lớn nhất khu vực Châu Á, 1 trong 300 tập đoàn ngân hàng tài chính lớn nhất thế giới, một trong 1000 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất toàn cầu có đóng góp lớn vào sự phát triển của Việt Nam và là Ngân hàng đứng đầu về chất lượng nguồn nhân lực. Để thực hiện các mục tiêu đó Vietcombank luôn coi trọng và ưu tiên nguồn lực trong việc xây dựng, bồi dưỡng, phát triển yếu tố con người.

Thực tế, trong 5 năm liên tiếp Vietcombank duy trì vị trí là ngân hàng có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam theo kết quả khảo sát "100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam" do Công ty Anphabe và Công ty nghiên cứu thị trường Nhật Bản Intage công bố hàng năm (Vietcombank được bình chọn xếp thứ 1 ngành ngân hàng, xếp thứ 2 toàn thị trường Việt Nam). Đồng thời, Vietcombank cũng vinh dự 2 lần liên tiếp được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen "Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động". Năm 2020, Vietcombank nằm trong top 50 thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn nhất Việt Nam (theo báo cáo của Công ty Anphabe).

Việc làm

Công tác tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được triển khai một cách công khai, minh bạch nhằm tạo sự bình đẳng cho tất cả đối tượng lao động.

Tổng số lao động đến 31/12/2020 là 20.062 người (đã bao gồm số lao động của 02 Công ty VCBS và VCBL), tăng ~ 5,9% so với năm 2019.

Môi trường làm việc minh bạch, chuyên nghiệp, được lắng nghe, ghi nhận

Để tạo ra môi trường làm việc đứng đầu ngành Ngân hàng trong 5 năm liên (Theo Khảo sát của Công ty Anphabe), Vietcombank đã tập trung đổi mới toàn diện công tác quản trị nguồn nhân lực. Vietcombank đã triển khai nhiều hoạt động nhằm tạo ra môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động, bao gồm: Việc đánh giá, khen thưởng, bồi dưỡng phát triển cán bộ, nhân rộng điển hình tiên tiến được thực hiện đúng đối tượng, đúng thành tích, đúng thời điểm; Cơ chế tạo động lực cho cán bộ luôn được coi trọng, gắn với đánh giá hiệu quả công việc, chi trả tiền lương, công tác quy hoạch, bổ nhiệm, khuyến khích cán bộ không ngừng nỗ lực, nâng cao hiệu quả công việc; Số lượng, chất lượng các khóa đào tạo được nâng cao, công tác khảo thí/thi tay nghề được thực hiện nghiêm túc chất lượng; từ năm 2017, hàng năm Vietcombank thực hiện Khảo sát mức độ hài lòng của nhân viên bởi bên thứ 3 độc lập là Công ty khảo sát hàng đầu Việt Nam để ghi nhận đánh giá và có các giải pháp phù hợp cải thiện các yếu tố môi trường làm việc.

Bên cạnh đó, Công đoàn và Đoàn thành niên Vietcombank thường xuyên phối hợp tổ chức các hoạt động tăng cường gắn kết người lao động như: tổ chức các hoạt động cho con cán bộ nhân viên vào ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, trung thu (phát vé xem phim, vé tham gia khu vui chơi giải trí, vé tham gia hội trại sách, ...), tặng quà cho bố mẹ đẻ, bố mẹ vợ/chồng của người lao động nhân ngày Quốc tế người cao tuổi, tổ chức các hoạt động như Ngày hội gia đình, giải chạy Let's run dành cho thiếu nhi.

Chế độ đãi ngộ, phúc lợi cạnh tranh, hấp dẫn

Chế độ đãi ngộ ngoài lương của Vietcombank có nhiều hình thức phong phú: chế độ sinh nhật, hiếu, hỉ, nghỉ mát, hỗ trợ chi phí đi lại dịp lễ tết, khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm bệnh hiểm nghèo, các sản phẩm tín dụng ưu đãi đối với người lao động. Vietcombank cũng dành sự quan tâm đặc biệt tới lao động nữ thông qua các khoản chi hỗ trợ lao động nữ, hỗ trợ tiền gửi trẻ/mẫu giáo, quà tặng ngày 8/3 và 20/10.

Với cơ chế đãi ngộ hiện tại, Vietcombank không chỉ giữ chân được các cán bộ nhân viên, đặc biệt là đội ngũ nhân tài mà còn thu hút được nguồn nhân sự có chất lượng cao trên thị trường.

Mối quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động

Ban lãnh đạo Vietcombank (người sử dụng lao động) luôn lắng nghe và cân nhắc ý kiến của người lao động trước khi đưa ra những thay đổi có ảnh hưởng trực tiếp tới người lao động.

Sức khỏe và an toàn nghề nghiệp

Người lao động tại Vietcombank được khám sức khỏe định kỳ hàng năm, được tham gia các khóa đào tạo về phòng cháy chữa cháy.

Đối với người lao động có nghiệp vụ kho quỹ, Vietcombank thực hiện bồi dưỡng độc hại, bồi dưỡng kiểm đếm tiền, bồi dưỡng bốc xếp tiền...

Công tác đào tạo đa dạng, toàn diện cả chuyên môn và kỹ năng, năng lực

Lộ trình đào tạo rõ ràng:

Các chương trình đào tạo do Vietcombank tổ chức là các chương trình đào tạo lõi được xây dựng theo lộ trình gắn với từng vị trí công việc. Căn cứ vào lộ trình đào tạo của từng vị trí công việc, các cán bộ sẽ được sắp xếp để đào tạo theo các nhóm chương trình chuyên biệt, đáp ứng yêu cầu cần thiết của công việc thông qua nhiều hình thức đào tạo (tập trung, câu truyền hình, E-learning hay các hình thức trực tuyến khác...). Theo đó, 100% vị trí lãnh đạo, quản lý tại chi nhánh đã được xây dựng đầy đủ lộ trình đào tạo, giúp cho việc đào tạo cho cán bộ đương chức cũng như cán bộ nguồn được diễn ra đồng bộ.

CÁC NỘI DUNG VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Các nội dung đào tạo đa dạng, phong phú, bám sát mục tiêu chiến lược của các khối nghiệp vụ, chú trọng thực tiễn:

Các nội dung được lựa chọn để xây dựng chương trình hàng năm đều đảm bảo bám sát nhu cầu thực tiễn kinh doanh, thông qua việc thực hiện phân tích nhu cầu đào tạo đảm bảo ít nhất 70% thời lượng dành cho thực hành và chia sẻ các giải pháp thực tế.

Phát triển các chương trình đào tạo chuyên sâu, nâng cao về nghiệp vụ, đào tạo các chứng chỉ nghề:

Trong danh mục đào tạo hàng năm, Vietcombank có kế hoạch cử các cán bộ tham gia hoặc tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu, nâng cao về nghiệp vụ, đặc biệt là các khóa cấp chứng chỉ chuyên môn của các tổ chức uy tín trong và ngoài nước như: Chương trình Nghiệp vụ tín dụng ngân hàng theo tiêu chuẩn quốc tế của Moody's Analytics & Omega Performance có chứng chỉ được công nhận toàn cầu; Chứng chỉ chuyên gia đánh giá trường IRCA, Chứng chỉ Kiểm toán nội bộ Hoa Kỳ CIA, các chứng chỉ nghề nhân sự hay một số chương trình đào tạo chuyên sâu như Nghiệp vụ thẩm định tài chính chuyên sâu, Quản lý rủi ro hoạt động, Quản lý rủi ro tín dụng cho quản lý/lãnh đạo.

Chú trọng nâng cao năng lực lãnh đạo các cấp:

Triển khai đào tạo cho đội ngũ lãnh đạo quản lý được thực hiện ở tất cả các vị trí chức danh, bao gồm: Ban Lãnh đạo, Trưởng/phó đơn vị Trụ sở chính, Giám đốc/Phó giám đốc chi nhánh, Trưởng/phó phòng chi nhánh Vietcombank. Trong giai đoạn 2017-2019, đã có 26 lượt thành viên Ban Lãnh đạo tham gia 18 chương trình đào tạo cao cấp trên toàn thế giới. Từ năm 2012, Vietcombank đã phối hợp với các đối tác hàng đầu trong lĩnh vực đào tạo để triển khai chương trình "Đào tạo chức danh Giám đốc chi nhánh" dành cho Trưởng đơn vị tại Trụ sở chính và Giám đốc/Phó giám đốc các chi nhánh. Hàng năm, Vietcombank triển khai nhiều lớp đào tạo chức danh đối với vị trí trưởng/phó phòng chi nhánh và một số nội dung chuyên sâu về kỹ năng dành cho đội ngũ lãnh đạo, quản lý (Làm việc hiệu quả với báo chí, Xây dựng hình ảnh cá nhân...).

Chính sách tuyển dụng, lương & lộ trình nghề nghiệp

Chính sách tuyển dụng hiệu quả, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao: Trong những năm vừa qua, Vietcombank không ngừng đổi mới, kiện toàn chính sách tuyển dụng để nâng cao hiệu quả, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trên thị trường nhằm thực hiện chiến lược kinh doanh của Ngân hàng. Cụ thể:

Vietcombank có chính sách tuyển dụng linh hoạt, phù hợp, được thị trường đánh giá cao. Với mỗi đối tượng, đặc biệt là lao động có kinh nghiệm chuyên môn cao/chuyên gia, Vietcombank sẽ có những chính sách/cơ chế tuyển dụng đặc thù. Điều này giúp Vietcombank có thể thu hút được nguồn ứng viên giỏi tham gia ứng tuyển và sàng lọc được các nhân sự chất lượng cao vào hệ thống.

Hình thức và phương thức tuyển dụng được đa dạng hóa: xét tuyển, thi tuyển tập trung online... Vietcombank đã cải tiến, đổi mới hình thức tuyển dụng bằng cách đầu tư chuyển đổi số, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống phần mềm tuyển dụng trực tuyến tập trung tại Trụ sở chính. Từ đó, đảm bảo việc tuyển dụng hiệu quả từ khâu nhận hồ sơ, thi tuyển, chấm điểm, đảm bảo kết quả công khai, minh bạch, tiết giảm chi phí và quan trọng nhất là đảm bảo chất lượng nhân sự là thực chất.

Đẩy mạnh hợp tác với các trường đại học uy tín để nghiên cứu, trao đổi và triển khai các chương trình tài trợ nhằm thu hút sinh viên tài năng, tiếp cận nguồn cung nhân sự có chất lượng. Vietcombank đang ký thỏa thuận hợp tác với các trường Đại học hàng đầu Việt Nam: Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Ngoại thương, Học viện Ngân hàng, Học viện Tài chính và trong tương lai tiếp tục mở rộng hợp tác với các trường hàng đầu khác.



Vietcombank đã triển khai cơ chế chuyên gia đối với lao động có trình độ cao, đặc biệt giới/khan hiếm trên thị trường, đảm nhiệm những công việc khó, phức tạp... chịu trách nhiệm trực tiếp về mức độ rủi ro/xây dựng chính sách quan trọng, mang tính định hướng cho hệ thống.

Thu nhập bình quân của cán bộ nhân viên tại Vietcombank liên tục tăng trưởng qua các năm, luôn đứng trong top đầu ngành ngân hàng và đạt mức cao so với mặt bằng chung của thị trường

Vietcombank đã triển khai cơ chế chuyên gia đối với những lao động có trình độ cao, đặc biệt xuất sắc, giới/khan hiếm trên thị trường, đảm nhiệm những công việc khó, phức tạp... chịu trách nhiệm trực tiếp về mức độ rủi ro/xây dựng chính sách quan trọng, mang tính định hướng cao cho hệ thống.

Lộ trình phát triển nghề nghiệp: Vietcombank đã có lộ trình phát triển nghề nghiệp cho một số vị trí công việc và đang xây dựng lộ trình cho các vị trí công việc còn lại.

Liên quan tới nhân quyền

Không phân biệt đối xử

Mọi quyết định liên quan tới người lao động của Vietcombank đều được dựa trên các tiêu chí rõ ràng, hoàn toàn không dựa trên các tiêu chí về tôn giáo, giới tính.

Không sử dụng lao động trẻ em

Vietcombank không sử dụng lao động trẻ em.

Chống lao động cưỡng bức và ép buộc

Vietcombank luôn tuân thủ quy định của pháp luật về lao động. Việc cưỡng bức và ép buộc lao động là không được chấp nhận tại Vietcombank.

Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội.

Ngân hàng xanh

Hướng tới mục tiêu trở thành ngân hàng Xanh, phát triển bền vững vì cộng đồng, Vietcombank đã đồng hành tổ chức chương trình "Vì một Việt Nam Xanh" với mục đích nâng cao nhận thức, trách nhiệm và phát huy vai trò xung kích, sáng tạo của cán bộ đoàn, đoàn viên, thanh thiếu niên cả nước tham gia trồng, chăm sóc và bảo vệ cây xanh, góp phần bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, phát triển bền vững đất nước. Năm 2019, Vietcombank cũng là ngân hàng đầu tiên được Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật bản (JBIC) cấp khoản tín dụng 200 triệu USD để hỗ trợ các dự án năng lượng tái tạo, năng lượng xanh và bảo vệ môi trường tại Việt Nam.

Hoạt động an sinh xã hội

Hoạt động an sinh xã hội của Vietcombank không ngừng được đẩy mạnh với nhiều chương trình thiết thực, có ý nghĩa, đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng, xã hội. Chuỗi hoạt động an sinh xã hội được Vietcombank triển khai suốt nhiều năm qua với sự tham gia tích cực từ trụ sở chính đến các chi nhánh trên toàn quốc, mục tiêu của các hoạt động không nằm



ngoài việc chia sẻ khó khăn và nâng cao chất lượng đời sống dân nghèo tại những địa phương còn nhiều khó khăn trên cả nước. Với truyền thống tốt đẹp của ngành ngân hàng, thực hiện chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về việc đẩy mạnh an sinh xã hội (ASXH) tạo động lực phát triển bền vững, hoạt động ASXH của Vietcombank không ngừng được đẩy mạnh. Năm 2020, Vietcombank đã cam kết/Thực hiện hỗ trợ ASXH cho cộng đồng với số tiền gần 350 tỷ đồng, trong đó gần 42 tỷ đồng ủng hộ công tác phòng, chống Covid-19, nỗ lực góp phần đồng hành cùng Chính phủ đẩy lùi dịch bệnh, ổn định dân sinh. Hoạt động ASXH của Vietcombank tập trung vào các lĩnh vực nhà ở cho người nghèo, xây dựng các trường học, công trình y tế, các công trình hạ tầng tại các địa bàn khó khăn, vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa... tài trợ bảo lụt và quỹ vì người nghèo, trong đó giáo dục và y tế là 2 lĩnh vực trọng điểm được Vietcombank đặc biệt quan tâm và triển khai rộng khắp tại nhiều địa phương trên cả nước, góp phần lan tỏa định vị thương hiệu Vietcombank

CÁC HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI

BẢNG THÔNG TIN SỐ LIỆU VỀ AN SINH XÃ HỘI NĂM 2020 VÀ GIAI ĐOẠN 5 NĂM 2016-2020





1. TỔNG SỐ LIỆU ASXH:

Tổng số tiền tài trợ cho hoạt động an sinh xã hội của Vietcombank năm 2020 là:

NĂM 2020
386.452
TRIỆU ĐỒNG

GIAI ĐOẠN 5 NĂM
(2016 – 2020)
1.120.563
TRIỆU ĐỒNG

2. KHU VỰC:

TT	Khu vực	Năm 2020 (đv: triệu đồng)
1	 Khu vực Tây Bắc	111.779
2	 Khu vực Tây Nguyên	10.890
3	 Khu vực Tây Nam Bộ	34.853
4	 Các tỉnh/thành phố khác	228.930

3. CÁC LĨNH VỰC:

TT	Mục đích tài trợ	Giá trị thực hiện năm 2020 (đ/v: triệu đồng)
1	 Giáo dục	159.190
2	 Y tế	20.342
3	 Hỗ trợ COVID-19	37.663
4	 Xây dựng nhà cho người nghèo/nhà đại đoàn kết	57.270
5	 Khắc phục hậu quả thiên tai	29.620
6	 Lĩnh vực khác	82.367

4. MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH/CÔNG TRÌNH AN SINH XÃ HỘI TIÊU BIỂU VIETCOMBANK ĐÃ TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2020:

TT	Tên chương trình	Số tiền (tỷ đồng)
1	 Xây dựng trường THCS Lý Nam Đế, Hồng Minh, Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	10
2	 Xây dựng nhà cho người nghèo tỉnh Đắk Lắk	4
3	 Xây dựng trường THCS xã Định Long, huyện Yên Định, Thanh Hóa	6
4	 Xây dựng trường Tiểu học Nguyễn Văn Dinh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An	5
5	 Xây dựng trường THCS Trần Kim Xuyên, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh;	7
6	 Tài trợ xây dựng Trạm Y tế xã Cẩm Đoài- Cẩm Giàng- HD	3

HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VIETCOMBANK

Với mục tiêu xuyên suốt là hướng tới một ngân hàng Xanh, phát triển bền vững vì cộng đồng, hoạt động an sinh xã hội của Vietcombank không ngừng được đẩy mạnh với nhiều chương trình thiết thực, ý nghĩa, được triển khai trên quy mô lớn, đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng, xã hội.

Chuỗi hoạt động an sinh xã hội được Vietcombank triển khai suốt nhiều năm qua với sự tham gia tích cực từ trụ sở chính đến các chi nhánh, công ty trực thuộc trên toàn quốc, mục tiêu của các hoạt động không nằm ngoài việc chia sẻ khó khăn và nâng cao chất lượng đời sống dân nghèo tại những địa phương còn nhiều khó khăn trên cả nước.

Năm 2020, Vietcombank đã dành trên 386,5 tỷ đồng cho công tác an sinh xã hội. Trong giai đoạn 2016 - 2020, số tiền cho hoạt động này là gần 1.121 tỷ đồng.



MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH AN SINH XÃ HỘI TIÊU BIỂU GIAI ĐOẠN 2016 -2020

VÌ MỘT VIỆT NAM XANH

"Vì một Việt Nam xanh" là chương trình do Ban Bí thư Trung ương Đoàn kết hợp với Ban thường vụ các tỉnh/thành đoàn triển khai tại 63 tỉnh, thành trên toàn quốc với mục đích nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm và phát huy vai trò xung kích, sáng tạo của cán bộ đoàn, đoàn viên, thanh thiếu nhi tham gia trồng, chăm sóc và bảo vệ cây xanh, góp phần bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, phát triển bền vững đất nước; thực hiện chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ XI trồng mới 30 triệu cây xanh.

Với ý nghĩa bảo vệ môi trường, thiết thực với cuộc sống, chương trình đã nhận được sự quan tâm của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Quốc hội và các bộ, ngành, địa phương cũng như các nghệ sĩ, diễn viên, nhà khoa học, chuyên gia có uy tín trong các lĩnh vực đồng hành và tham gia vận động các tầng lớp nhân dân, người hâm mộ tích cực hưởng ứng chương trình.

Là ngân hàng thương mại có hiệu quả hoạt động dẫn đầu hệ thống ngân hàng Việt Nam, với mục tiêu xuyên suốt là hướng tới một ngân hàng Xanh, phát triển bền vững vì cộng đồng, Vietcombank vinh dự đồng hành cùng chương trình "Vì một Việt Nam xanh" để góp phần hình thành nên 63 đường/vườn cây thanh niên tại 63 tỉnh/thành phố trong cả nước.



CHUNG TAY VÌ NGƯỜI NGHÈO, KHÔNG ĐỂ AI BỊ BỎ LẠI PHÍA SAU

Thực hiện chương trình quốc gia về giảm nghèo bền vững và hưởng ứng phong trào "Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau", hàng năm, Công đoàn Vietcombank đều đã phát động cán bộ chung tay ủng hộ người nghèo và nhận được sự hưởng ứng của 100% cán bộ, người lao động trong toàn hệ thống tự nguyện đóng góp tối thiểu 1 ngày lương, trong năm 2019, 2020 đã quyên góp gần 12 tỷ đồng hỗ trợ người nghèo, mang đến cuộc sống tốt hơn cho đồng bào nghèo tại nhiều vùng khó khăn trên khắp cả nước.

Đây là chương trình có ý nghĩa nhân văn sâu sắc do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia tổ chức, đã lan tỏa sâu rộng đến các tầng lớp trong xã hội, nhận được sự ủng hộ to lớn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Số tiền ủng hộ hàng năm của đoàn viên công đoàn, người lao động trong hệ thống Vietcombank là nguồn lực có ý nghĩa cùng với nguồn lực của nhà nước chăm lo cho người nghèo, thực hiện công tác giảm nghèo, đặc biệt là đối với các hộ nghèo ở các địa bàn khó khăn, hộ nghèo thuộc đồng bào các dân tộc thiểu số, hướng tới mục tiêu cao cả và nhân văn là "không ai bị bỏ lại phía sau".



MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH AN SINH XÃ HỘI TIÊU BIỂU GIAI ĐOẠN 2016 -2020

ĐỒNG HÀNH CÙNG GIẢI THƯỞNG NHÂN TÀI ĐẤT VIỆT

Giải thưởng Nhân tài Đất Việt do Hội Khuyến học Việt Nam cùng Báo Dân trí tổ chức thường niên, khởi đầu là khuyến khích và tôn vinh tài năng trong lĩnh vực CNTT – truyền thông. Qua các năm, Giải thưởng Nhân tài Đất Việt không ngừng mở rộng ra các lĩnh vực Khoa học công nghệ, Y dược, Môi trường và Khuyến tài. Vietcombank đã đồng hành cùng Giải thưởng Nhân tài Đất Việt trong suốt nhiều năm qua với mong muốn được chung tay cùng Ban Tổ chức để khơi dậy sự sáng tạo từ cộng đồng, đặc biệt là những sáng kiến, nghiên cứu của các cá nhân, tập thể, đem lại những giải pháp thiết thực cho cộng đồng, thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội Việt Nam trên nhiều lĩnh vực.



ĐỒNG HÀNH TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH THẤP SÁNG ƯỚC MƠ THIẾU NHI VIỆT NAM

Chương trình "Thấp sáng ước mơ thiếu nhi Việt Nam" là hoạt động thường niên (được tổ chức lần đầu tiên năm 2008) do Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phối hợp với Hội đồng Đội Trung ương thực hiện, dành cho trẻ em nghèo hiếu học và trẻ em lang thang đường phố, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn. Qua nhiều năm thực hiện và được tổ chức tại khắp các tỉnh, thành phố lớn trên cả nước: Hà Nội, Nghệ An, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Đà Nẵng..., chương trình đã nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, sự ủng hộ to lớn của các tổ chức, cá nhân với mục đích chung tay góp sức cùng cộng đồng, chia sẻ với các em thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn, tiếp thêm nghị lực và niềm tin cho các em vươn lên trong cuộc sống. Vietcombank đã đồng hành cùng chương trình từ năm 2008 đến nay với vai trò đơn vị đồng tổ chức chương trình.



MÀU XANH CHO CUỘC SỐNG

"Green for life – Màu xanh cho cuộc sống" là dự án hướng tới nâng cao nhận thức cho học sinh tiểu học về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường sống xung quanh, được Vietcombank triển khai tại một số trường tiểu học trên địa bàn Hà Nội trong thời gian cuối năm 2016, đầu năm 2017. Mong muốn lớn nhất của những người làm dự án là phát triển ý thức trách nhiệm cộng đồng cho học sinh thông qua các hoạt động ý nghĩa.

Với nội dung gần gũi, đội ngũ tình nguyện viên của chương trình "Green for life" khéo léo truyền cảm hứng bảo vệ môi trường cho các bạn học sinh Hà Nội thông qua những trò chơi tương tác lý thú. Tham gia vào chương trình, các em học sinh tiểu học không chỉ được hòa mình vào nhiều hoạt động thú vị mà còn được hướng dẫn cách để nhận biết những loại rác thải nào là rác vô cơ, hữu cơ, bỏ vào các thùng đựng rác màu xanh đậm hoặc xanh nhạt do Vietcombank tài trợ.

Qua từng hoạt động cụ thể, các em học sinh đã dần hiểu rõ hơn về sự cần thiết của việc phân loại rác, những loại rác có thể phân hủy và những loại rác không thể phân hủy cần phải được xử lý đúng cách để có thể tái chế trước khi thải ra ngoài môi trường. Đây đều là những kiến thức thực tế rất bổ ích mà các bạn nhỏ cần phải ghi nhớ để vận dụng thường xuyên trong cuộc sống hàng ngày. Ngoài ra, các em còn được tham gia các trò chơi như ghép tranh liên quan đến bảo vệ môi trường rất ý nghĩa.

Những trải nghiệm này đã mang đến cho các em học sinh những phút giây thật thoải mái khi được cùng chung tay lan tỏa thông điệp bảo vệ môi trường xanh – sạch – đẹp. Đây cũng là nỗ lực của Vietcombank trong việc không ngừng xây dựng hình ảnh một Ngân hàng Xanh phát triển bền vững vì cộng đồng.



MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH AN SINH XÃ HỘI TIÊU BIỂU GIAI ĐOẠN 2016 -2020

HƯỚNG VỀ BIỂN ĐẢO QUÊ HƯƠNG

Nhận thức được tầm quan trọng chiến lược trong việc gìn giữ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc, trong suốt chặng đường hơn nửa thế kỷ đồng hành cùng lịch sử đấu tranh, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và phát triển kinh tế, xã hội đất nước, với tấm lòng luôn hướng về biển đảo Tổ quốc, Vietcombank đã có nhiều hoạt động thiết thực như: Phát động cuộc vận động “Vì Trường Sa thân yêu” với việc quyên góp từ CBNV số tiền 5 tỷ đồng trong tổng số 50 tỷ đồng của toàn ngành ngân hàng để góp phần cải thiện đời sống người dân cũng như cán bộ, chiến sỹ đảo Trường Sa, tiếp thêm sức mạnh và ý chí cho quân, dân huyện đảo quyết tâm bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc; Quyên góp ủng hộ các chương trình “Tấm lưới nghĩa tình vì ngư dân Hoàng Sa, Trường Sa”; “Góp đá xây Trường Sa”; Tài trợ dự án xây dựng công trình đưa điện lưới ra đảo Cô Tô; Tặng hệ thống loa tuyên truyền đặc biệt trị giá 3 tỷ đồng cho lực lượng cảnh sát biển Việt Nam; Trao tặng Bộ Tư lệnh Hải quân 03 xuồng cứu hộ CQ trị giá 10,5 tỷ đồng.



TẶNG BÒ GIÚP ĐỒNG BÀO MIỀN NÚI CÁC HUYỆN GIÁP TÂY NGUYÊN THOÁT NGHÈO BỀN VỮNG

Năm 2016, Vietcombank đã tiếp tục triển khai chương trình tài trợ bò cho đồng bào nghèo với hàng nghìn con bò được tài trợ cho các huyện miền núi khu vực Tây Nguyên và các huyện giáp Tây Nguyên. Chương trình đã được Trường Ban chỉ đạo Tây Nguyên đánh giá rất cao về tính thiết thực, hiệu quả trong việc cải thiện đời sống kinh tế đồng bào miền núi khu vực Tây Nguyên, giáp Tây Nguyên, nhằm giúp các hộ phát triển kinh tế và thoát nghèo bền vững.



HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP VÀ CỘNG ĐỒNG ĐẨY LÙI DỊCH BỆNH COVID – 19

Năm 2020, thực hiện các quy định của Chính phủ, Bộ Y tế, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank đã chủ động xây dựng kế hoạch ứng phó với các tình huống khẩn cấp trước ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch COVID-19, bảo đảm an toàn về sức khỏe cho người lao động và khách hàng, duy trì hoạt động kinh doanh liên tục của ngân hàng. Vietcombank đã triển khai nhiều giải pháp, hành động thiết thực với việc tiên phong hỗ trợ doanh nghiệp, người dân vay vốn thông qua 5 lần giảm lãi suất đối với các khách hàng bị ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp bởi dịch COVID-19. Tổng số tiền chia sẻ lợi nhuận cắt giảm lãi suất kỳ lục 3.700 tỷ đồng. Công tác an sinh xã hội hỗ trợ cộng đồng với nhiều hoạt động ý nghĩa trải rộng trên khắp các địa phương cũng đã được Vietcombank đẩy mạnh, đóng góp số tiền gần 40 tỷ đồng cho công tác phòng chống, đẩy lùi dịch bệnh COVID-19.



MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH AN SINH XÃ HỘI TIÊU BIỂU GIAI ĐOẠN 2016 -2020

HỖ TRỢ ĐỒNG BÀO CÁC TỈNH MIỀN TRUNG BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI THIÊN TAI BÃO LŨ

Năm 2020, thiên tai bão lũ đã gây ảnh hưởng nặng nề đến các tỉnh miền Trung khiến cho cuộc sống của đồng bào, người dân nơi đây gặp rất nhiều khó khăn. Vietcombank đã phát động sâu rộng đến các tổ chức, đoàn thể và người lao động thực hiện tinh thần "nhường cơm xẻ áo", "lá lành đùm lá rách", chung tay đóng góp, chia sẻ khó khăn, động viên đồng bào, cán bộ chiến sỹ các tỉnh miền Trung vượt qua hoàn cảnh khắc nghiệt của bão lũ. Vietcombank đã tổ chức nhiều đoàn công tác đến các địa phương bị ảnh hưởng nặng nề, trực tiếp đến thăm hỏi động viên người dân và các hộ gia đình bị thiệt hại; thăm hỏi giáo viên và các em học sinh nghèo; thăm hỏi cán bộ, chiến sỹ thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn; các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn Thanh niên cũng đã thực hiện nhiều chương trình vận động, quyên góp quần áo, sách vở, đồ dùng học tập... gửi đến hỗ trợ, động viên đồng bào, chiến sỹ, học sinh các tỉnh miền Trung kiên cường vượt qua hoàn cảnh khắc nghiệt của bão lũ. Số tiền ủng hộ khắc phục hậu quả thiên tai năm 2020 là gần 30 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, các chương trình phát triển vùng như Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ; phát triển các lĩnh vực y tế, giáo dục; hỗ trợ xây nhà tình nghĩa; hỗ trợ quỹ phòng chống thiên tai Miền Trung và nhiều lĩnh vực khác như: Chăm lo cho các gia đình chính sách; hỗ trợ người nghèo, người tàn tật, trẻ em nghèo và người già có hoàn cảnh đặc biệt luôn được Vietcombank quan tâm triển khai thực hiện với nhiều chương trình thiết thực, có ý nghĩa.

Giáo dục và Y tế là 2 lĩnh vực trọng điểm được Vietcombank đặc biệt quan tâm, các hoạt động an sinh xã hội đầu tư cho 2 lĩnh vực này được Vietcombank triển khai rộng khắp tại nhiều địa phương nghèo trên cả nước suốt thời gian qua.



ĐỐI VỚI LĨNH VỰC GIÁO DỤC

Không chỉ xây dựng những ngôi trường mới, Vietcombank còn luôn đi đầu trong việc tài trợ trang thiết bị học tập, giảng dạy và nâng cấp các hạng mục xây dựng tại các trường đang hoạt động. Những bộ bàn ghế, thư viện, phòng tin học hay đơn giản chỉ là những bể nước sạch, nhà để xe, sân thể thao,... tuy đơn giản nhưng rất thiết thực với những ngôi trường còn nhiều khó khăn, góp phần không nhỏ trong việc cải thiện và nâng cao chất lượng dạy và học cho thầy cô, học sinh. Bên cạnh đó, tiếp sức cho học sinh nghèo an tâm vững bước trên con đường tới trường cũng được Vietcombank hết sức quan tâm thông qua việc tặng hơn 10 nghìn chiếc cặp phao cứu sinh cho các em học sinh nghèo vùng lũ, vùng sông nước; tặng nhiều xe đạp cho học sinh, sinh viên nghèo hiếu học.

Hàng năm, Vietcombank cũng dành tặng hàng chục tỷ đồng học bổng cho các học sinh, sinh viên có thành tích học tập xuất sắc hoặc có nỗ lực học tập trong điều kiện khó khăn thông qua các Quỹ học bổng, Quỹ khuyến học tại các địa phương và các chương trình gây quỹ khuyến học trên phạm vi toàn quốc. Qua những hoạt động này, Vietcombank mong muốn được góp phần thắp lên niềm tin cho những em nhỏ có điều kiện chưa may mắn, thắp lửa cho những đam mê và truyền thống hiếu học của thế hệ trẻ Việt Nam.



ĐỐI VỚI LĨNH VỰC Y TẾ

Không chỉ tài trợ xây dựng các bệnh viện, trạm y tế, trang bị các thiết bị thiết yếu cho công tác khám, chữa bệnh,... Vietcombank còn luôn quan tâm, chia sẻ khó khăn với các bệnh nhân như hỗ trợ chi phí phẫu thuật, thăm hỏi các bệnh nhân đặc biệt là trẻ em nghèo có hoàn cảnh khó khăn. Những phong trào ủng hộ suất ăn cho bệnh nhân cũng được các nhóm đoàn thể Vietcombank thực hiện thường xuyên tại nhiều địa phương. Bên cạnh những chương trình quy mô lớn do Vietcombank phối hợp với các địa phương và các cơ quan thực hiện, từng cá nhân cán bộ Vietcombank luôn ý thức và hàng ngày vẫn có những đóng góp cho nhiều chương trình thiết thực, có ý nghĩa để cùng chung tay góp sức xây dựng một xã hội ngày càng văn minh, tươi đẹp.



ĐÓN CHÀO THÀNH TỰU

CHƯƠNG 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thông tin về Ngân hàng	149
Báo cáo của Ban Điều hành	151
Báo cáo kiểm toán độc lập	152
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	154
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	157
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	158
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	160



NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN ngày 23 tháng 5 năm 2008 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Quyết định số 2719/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 12 năm 2011, Quyết định số 523/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 3 năm 2012, Quyết định số 1547/QĐ-NHNN ngày 6 tháng 8 năm 2014, Quyết định số 2182/QĐ-NHNN ngày 26 tháng 10 năm 2015, Quyết định số 95/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 1 năm 2017, Quyết định số 891/QĐ-NHNN ngày 8 tháng 5 năm 2017, Quyết định số 2293/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 10 năm 2017, Quyết định số 300/QĐ-NHNN ngày 21 tháng 2 năm 2019 và Quyết định số 2447/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung giấy phép về nội dung hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh với mã số doanh nghiệp 0103024468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 6 năm 2008, mã số doanh nghiệp 0100112437 được cấp đổi lần thứ 13 vào ngày 16 tháng 1 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM VÀ ĐẾN NGÀY PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ông Nghiêm Xuân Thành	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Phạm Quang Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Đỗ Việt Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Mỹ Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Eiji Sasaki	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Hồng Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Trương Gia Bình	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018

BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM VÀ ĐẾN NGÀY PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ông Phạm Quang Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 1 tháng 11 năm 2019
Ông Đào Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 15 tháng 6 năm 2017
Ông Phạm Mạnh Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 10 tháng 3 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 26 tháng 12 năm 2019
Bà Đinh Thị Thái	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 9 tháng 6 năm 2020
Ông Eiji Sasaki	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2017
Bà Phùng Nguyễn Hải Yến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2017
Ông Lê Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2017
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2019
Ông Đặng Hoài Đức	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2019

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM VÀ ĐẾN NGÀY PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ông Lại Hữu Phước	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 11 năm 2020
Bà Trương Lệ Hiền	Trưởng ban	Nghỉ hưu ngày 4 tháng 11 năm 2020
Bà La Thị Hồng Minh	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 27 tháng 4 năm 2018
Bà Đỗ Thị Mai Hương	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 27 tháng 4 năm 2018



KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông **Lê Hoàng Tùng**
Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2017



ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Từ ngày 1 tháng 11 năm 2014
Ông **Nghiêm Xuân Thành**
Chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị



NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN KÝ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(theo Giấy Ủy quyền số 64/UQ-VCB-CSTCKT ngày 4 tháng 3 năm 2020)

Từ ngày 4 tháng 3 năm 2020
Bà **Phùng Nguyễn Hải Yến**
Chức danh: Phó Tổng Giám đốc



TRỤ SỞ CHÍNH

198 Trần Quang Khải
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam



ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành Ngân hàng cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai sót trọng yếu so với các chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Ngân hàng và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và cũng đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Ngân hàng cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG

Theo ý kiến của Ban Điều hành Ngân hàng, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Điều hành Ngân hàng:



Bà **Phùng Nguyễn Hải Yến**
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:
CÁC CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng") và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 6 đến trang 78.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Ngân hàng và các công ty con, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán
số: 19-02-00681-21-4

Wang Toon Kim
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0557-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2019-007-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B02/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN

ngày 31 tháng 12 năm 2014)

STT	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	4	15.095.394	13.778.358
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước ("NHNN")	5	33.139.373	34.684.091
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	267.969.645	249.470.372
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		204.713.783	190.100.329
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		64.255.862	62.370.043
3	Dự phòng rủi ro		(1.000.000)	(3.000.000)
IV	Chứng khoán kinh doanh	7	1.954.061	1.801.126
1	Chứng khoán kinh doanh		1.991.861	1.889.628
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(37.800)	(88.502)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	-	98.312
VI	Cho vay khách hàng		820.545.467	724.473.254
1	Cho vay khách hàng	9	839.788.261	734.706.891
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(19.242.794)	(10.233.637)
VIII	Chứng khoán đầu tư	11	156.931.097	167.529.689
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		42.148.831	35.699.090
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		115.382.544	132.271.302
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(600.278)	(440.703)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn		2.239.006	2.464.493
2	Vốn góp liên doanh	12(a)	714.935	940.807
3	Đầu tư vào công ty liên kết	12(b)	11.248	10.863
4	Đầu tư dài hạn khác	12(c)	1.587.823	1.587.823
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	12(c)	(75.000)	(75.000)
X	Tài sản cố định		8.539.362	6.706.503
1	Tài sản cố định hữu hình	13	5.411.139	4.445.709
a	Nguyên giá tài sản cố định		12.866.189	11.162.170
b	Hao mòn tài sản cố định		(7.455.050)	(6.716.461)
3	Tài sản cố định vô hình	14	3.128.223	2.260.794
a	Nguyên giá tài sản cố định		4.211.880	3.050.669
b	Hao mòn tài sản cố định		(1.083.657)	(789.875)
XII	Tài sản Có khác		19.816.687	21.807.494
1	Các khoản phải thu	15(a)	6.668.595	8.830.390
2	Các khoản lãi, phí phải thu	15(b)	7.206.125	8.064.808
3	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	15(c)	909.263	405.543
4	Tài sản Có khác	15(d)	5.036.638	4.510.592
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	15(d)	(3.934)	(3.839)
	TỔNG TÀI SẢN CÓ		1.326.230.092	1.222.813.692

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B02/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN

ngày 31 tháng 12 năm 2014)

STT	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	16	41.176.995	92.365.806
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	17	103.583.833	73.617.085
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		100.916.433	71.046.512
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		2.667.400	2.570.573
III	Tiền gửi của khách hàng	18	1.032.113.567	928.450.869
IV	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	8	52.031	-
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	19	14.679	20.431
VI	Phát hành giấy tờ có giá	20	21.240.197	21.383.932
VII	Các khoản nợ khác		33.953.811	26.021.232
1	Các khoản lãi, phí phải trả	21(a)	9.797.834	10.363.285
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả		-	22.023
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	21(b)	24.155.977	15.635.924
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		1.232.135.113	1.141.859.355
VIII	Vốn chủ sở hữu			
1	Vốn của tổ chức tín dụng		42.428.821	42.428.821
a	Vốn điều lệ		37.088.774	37.088.774
c	Thặng dư vốn cổ phần		4.995.389	4.995.389
g	Vốn khác		344.658	344.658
2	Quỹ của tổ chức tín dụng		14.925.803	12.186.141
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		5.103	16.361
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	113.011
5	Lợi nhuận chưa phân phối		36.650.228	26.126.544
a	Lợi nhuận để lại năm trước		22.803.530	12.188.552
b	Lợi nhuận để lại năm nay		13.846.698	13.937.992
6	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		85.024	83.459
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	22(a)	94.094.979	80.954.337
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.326.230.092	1.222.813.692

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B02/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
1	Bảo lãnh vay vốn	654.296	292.563
2	Cam kết giao dịch hối đoái	116.656.912	91.594.629
	<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>	<i>53.984.032</i>	<i>25.775.812</i>
	<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>	<i>62.672.880</i>	<i>65.818.817</i>
4	Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	45.980.494	57.345.298
5	Bảo lãnh khác	50.892.327	53.115.849
6	Các cam kết khác	680.372	349.311

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Người duyệt:

Bà **Nguyễn Thị Thu Hương**

Ông **Lê Hoàng Tùng**

Bà **Phùng Nguyễn Hải Yến**

Phó phòng
Chính sách Tài chính Kế toán

Kế toán Trưởng

Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B03/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

STT	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	24	69.205.134	67.665.496
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	25	(32.919.659)	(33.127.768)
I	Thu nhập lãi thuần		36.285.475	34.537.728
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	26	10.588.163	9.005.109
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	26	(3.980.846)	(4.695.663)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	26	6.607.317	4.309.446
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	27	3.906.399	3.378.274
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	28	1.810	145.982
V	(Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	29	(98)	7.040
5	Thu nhập từ hoạt động khác	30	2.544.714	3.427.795
6	Chi phí hoạt động khác	30	(744.461)	(357.970)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	30	1.800.253	3.069.825
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	31	461.385	245.096
	TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		49.062.541	45.693.391
VIII	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	32	(16.038.250)	(15.874.542)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		33.024.291	29.818.849
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	33	(9.974.730)	(6.607.278)
XI	TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		23.049.561	23.211.571
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34(a)	(5.081.068)	(5.010.302)
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	34(b)	504.025	396.075
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(4.577.043)	(4.614.227)
XIII	LỢI NHUẬN SAU THUẾ		18.472.518	18.597.344
XIV	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		(21.207)	(15.090)
XVI	Lợi nhuận thuần của cổ đông Ngân hàng		18.451.311	18.582.254
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	35	4.470	4.406

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Người duyệt:

Bà **Nguyễn Thị Thu Hương**

Ông **Lê Hoàng Tùng**

Bà **Phùng Nguyễn Hải Yến**

Phó phòng
Chính sách Tài chính Kế toán

Kế toán Trưởng

Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B04/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

STT	Chi tiêu	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	70.063.617	66.956.606
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(33.194.191)	(31.567.168)
03	Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ nhận được	6.607.317	4.306.844
04	Chênh lệch số tiền thực thu và thực chi từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán	3.464.399	3.068.655
05	Chi phí khác đã trả	(628.988)	(115.005)
06	Tiền thu từ các khoản nợ đã được xử lý, bù đắp bằng nguồn rủi ro	2.421.725	3.179.526
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý	(14.525.026)	(14.532.712)
08	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(4.680.317)	(4.827.328)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động		29.528.536	26.469.418
(Tăng)/giảm về tài sản hoạt động			
09	Các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	4.040.576	2.189.341
10	Các khoản về kinh doanh chứng khoán	10.336.784	(17.562.680)
11	Các công cụ tài chính phải sinh và các tài sản tài chính khác	98.312	177.671
12	Các khoản cho vay khách hàng	(105.081.370)	(102.840.133)
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản cho vay	(2.805.965)	(4.502.397)
14	Tài sản hoạt động khác	1.613.500	(3.354.149)
Tăng/(giảm) về nợ hoạt động			
15	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	(51.188.811)	1.680.491
16	Các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	29.966.748	(2.906.994)
17	Các khoản tiền gửi của khách hàng	103.662.698	126.521.754
18	Các khoản phát hành giấy tờ có giá	(144.015)	(77.572)
19	Các khoản vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	(5.752)	(5.372)
20	Các công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác	52.031	-
21	Công nợ hoạt động khác	7.396.305	720.675
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	(1.866.142)	(1.434.221)
I	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	25.603.435	25.075.832

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B04/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

STT	Chi tiêu	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	Mua sắm tài sản cố định	(3.001.902)	(1.005.065)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	10.569	11.589
03	Tiền chi cho thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	(3.053)	(6.315)
04	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	605.274	95.773
05	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	83.959	154.582
06	Tiền thu từ cổ tức đã có quyết định từ năm trước	-	42.989
II	Lưu chuyển tiền thuần cho hoạt động đầu tư	(2.305.153)	(706.447)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
01	Tăng vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu	-	1.111.088
02	Thặng dư vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu	-	4.995.389
03	Cổ tức đã trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(2.986.115)	(2.219.483)
III	Lưu chuyển tiền thuần (cho)/từ hoạt động tài chính	(2.986.115)	3.886.994
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	20.312.167	28.256.379
V	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm	272.270.535	244.014.156
VII	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm (Thuyết minh 36)	292.582.702	272.270.535

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Người duyệt:

Bà **Nguyễn Thị Thu Hương**

Ông **Lê Hoàng Tùng**

Bà **Phùng Nguyễn Hải Yến**



Phó phòng
Chính sách Tài chính Kế toán

Kế toán Trưởng

Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc kèm với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

a. Thành lập và hoạt động

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Ngân hàng”) được chuyển đổi từ một ngân hàng thương mại nhà nước theo phương án cổ phần hóa Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, và các quy định có liên quan khác của pháp luật. Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”) cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN ngày 23 tháng 5 năm 2008 với thời gian hoạt động là 99 năm và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103024468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 6 năm 2008, mã số doanh nghiệp 0100112437 được cấp đổi lần thứ 13 vào ngày 16 tháng 1 năm 2019.

Các hoạt động chính của Ngân hàng theo Quyết định số 2719/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 12 năm 2011, Quyết định số 2182/QĐ-NHNN ngày 26 tháng 10 năm 2015, Quyết định số 891/QĐ-NHNN ngày 8 tháng 5 năm 2017, Quyết định số 2293/

b. Vốn điều lệ

Theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN do NHNNVN cấp ngày 23 tháng 5 năm 2008 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103024468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 6 năm 2008, vốn điều lệ của Ngân hàng là 12.100.860.260.000 đồng. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh với mã số doanh nghiệp 0100112437 được cấp đổi lần thứ 13 vào ngày 16 tháng 1 năm

QĐ-NHNN ngày 31 tháng 10 năm 2017, Quyết định số 300/QĐ-NHNN ngày 21 tháng 2 năm 2019 và Quyết định số 2447/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN về nội dung hoạt động của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cấp tín dụng cho các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép; thực hiện đầu tư vào công ty liên kết, công ty liên doanh và các công ty khác, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu, và một số hoạt động kinh doanh bất động sản theo quy định của pháp luật; kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất và phái sinh giá cả hàng hóa theo quy định của pháp luật; hoạt động mua nợ; kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do NHNNVN quy định.

2019 và nội dung sửa đổi Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại Quyết định số 300/QĐ-NHNN ngày 21 tháng 2 năm 2019 của NHNNVN, vốn điều lệ của Ngân hàng là 37.088.774.480.000 đồng. Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

	31/12/2020 và 31/12/2019	
	Số cổ phiếu	%
Số cổ phần của Nhà nước	2.774.353.387	74,80%
Số cổ phần của cổ đông chiến lược nước ngoài (Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản)	556.334.933	15,00%
Số cổ phần của các chủ sở hữu khác	378.189.128	10,20%
	3.708.877.448	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc kèm với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO *Tiếp theo*

c. Địa điểm và hệ thống chi nhánh

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Ngân hàng có một (1) Trụ sở chính, một (1) Trường Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực Vietcombank, hai (2) Trung tâm xử lý tiền mặt, một trăm mười một (111) chi nhánh trên toàn quốc, bốn (4) công ty con tại Việt Nam, ba (3) công ty con tại nước ngoài, hai (2) công ty liên doanh, một (1) công ty liên kết, một (1) văn phòng đại diện đặt tại Mỹ, một (1) văn phòng đại diện đặt tại Singapore và một (1) văn phòng đại diện đặt tại thành phố Hồ Chí Minh (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Ngân

hàng có một (1) Trụ sở chính, một (1) Trường Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực Vietcombank, hai (2) Trung tâm xử lý tiền mặt, một trăm mười một (111) chi nhánh trên toàn quốc, bốn (4) công ty con tại Việt Nam, ba (3) công ty con tại nước ngoài, ba (3) công ty liên doanh, một (1) công ty liên kết, một (1) văn phòng đại diện đặt tại Mỹ, một (1) văn phòng đại diện đặt tại Singapore và một (1) văn phòng đại diện đặt tại thành phố Hồ Chí Minh).

Ngân hàng và các công ty con sau đây gọi chung là “Vietcombank”.

d. Công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019:

Công ty con	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn sở hữu của Ngân hàng
Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Vietcombank	Giấy phép hoạt động số 66/GP-NHNN ngày 31 tháng 10 năm 2017 của NHNNVN	Cho thuê tài chính	100%
Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank	Giấy phép hoạt động số 09/GPHĐKD ngày 24 tháng 4 năm 2002 được sửa đổi lần gần đây nhất theo giấy phép số 63/GPĐC-UBCK ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”)	Chứng khoán	100%
Công ty Tài chính Việt Nam tại Hồng Kông (“Vinafico”)	Đăng ký kinh doanh số 58327 ngày 10 tháng 2 năm 1978 do Ủy ban Ngân hàng Hồng Kông cấp	Dịch vụ tài chính	100%
Công ty TNHH Một thành viên Kiều hối Vietcombank	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314633162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 9 năm 2017	Nhận tiền kiều hối	100%
Ngân hàng TNHH Ngoại thương Việt Nam tại Lào	Giấy phép hoạt động số 88/BOL ngày 25 tháng 5 năm 2018 do Ngân hàng Trung ương Lào cấp	Ngân hàng	100%
Công ty Chuyển tiền Vietcombank	Giấy đăng ký kinh doanh số E0321392009-6 do Chính quyền Bang Nevada, Hoa Kỳ cấp ngày 15 tháng 6 năm 2009	Chuyển tiền kiều hối	87,5%
Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank 198	Giấy phép đầu tư số 1578/GP ngày 30 tháng 5 năm 1996 và sửa đổi lần gần đây nhất ngày 1 tháng 3 năm 2019 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	Cho thuê văn phòng	70%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Công ty liên doanh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

Công ty liên doanh	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn sở hữu của Ngân hàng
Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank – Bonday – Bến Thành	Giấy phép đầu tư số 2458/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 7 tháng 2 năm 2005 và giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 2458/GCNĐC2/41/1 ngày 28 tháng 12 năm 2012	Cho thuê văn phòng	52%
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank	Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005 và giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 17/GPĐC-UBCK ngày 9 tháng 2 năm 2018	Quản lý quỹ đầu tư	51%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

Công ty liên doanh	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn sở hữu của Ngân hàng
Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank – Bonday – Bến Thành	Giấy phép đầu tư số 2458/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 7 tháng 2 năm 2005 và giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 2458/GCNĐC2/41/1 ngày 28 tháng 12 năm 2012	Cho thuê văn phòng	52%
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank	Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005 và giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 17/GPĐC-UBCK ngày 9 tháng 2 năm 2018	Quản lý quỹ đầu tư	51%
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank – Cardif	Giấy phép đầu tư số 55/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 23 tháng 10 năm 2008 và giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 55/GPĐC1/KDBH ngày 28 tháng 12 năm 2018	Bảo hiểm nhân thọ	45%

Công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019:

Công ty liên kết	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn sở hữu của Ngân hàng
Công ty Liên doanh Hữu hạn Vietcombank – Bonday	Giấy phép số 283/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 5 tháng 12 năm 1991 và giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 283/GPĐC4 ngày 4 tháng 3 năm 2002	Cho thuê văn phòng	16%

e. Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Vietcombank có 20.062 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 18.948 nhân viên).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Vietcombank áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

a. Mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất

Ngân hàng có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh 1(d). Ngân hàng lập báo cáo tài chính hợp nhất này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (“Thông tư 155”). Cũng theo quy định tại Thông tư 155, Ngân hàng đã lập báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (“Báo cáo tài chính riêng”) được phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2021.

b. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất, được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được làm tròn đến hàng triệu gần nhất (“Triệu VND”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng (“TCTD”) do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

c. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Vietcombank bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

d. Các giao dịch ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá áp dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Các giao dịch thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ được hạch toán bằng VND trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ giá giao ngay tại ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá trong năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Để lập báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp hợp nhất cho các công ty con và theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho các công ty liên doanh và liên kết có đồng tiền hạch toán khác với VND, các tài sản, công nợ và vốn của các công ty này được chuyển đổi sang VND theo các tỷ giá giao ngay áp dụng tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân áp dụng trong kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi báo cáo được ghi nhận trên phần vốn chủ sở hữu trong bảng cân đối kế toán hợp nhất.

e. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp. Khi đánh giá quyền kiểm soát có thể xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các số dư nội bộ, giao dịch và thu nhập/chi phí của các giao dịch nội bộ giữa các công ty con và Ngân hàng được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là một phần lợi nhuận và giá trị tài sản thuần của các công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do Ngân hàng sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con.

Công ty liên kết và công ty liên doanh

Công ty liên kết là công ty mà Ngân hàng có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền kiểm soát đối với các chính sách và hoạt động của doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Công ty liên doanh là công ty mà Ngân hàng có quyền đồng kiểm soát, được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí giữa các bên liên doanh đối với các quyết định tài chính và hoạt động.

Ngân hàng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để hạch toán các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Ngân hàng hưởng lợi nhuận hoặc chịu phần lỗ trong các công ty liên kết và liên doanh từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các doanh nghiệp này và ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nếu phần sở hữu của Ngân hàng trong khoản lỗ của các công ty liên kết và liên doanh lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh, Ngân hàng không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên báo cáo tài chính hợp nhất trừ khi Ngân hàng có nghĩa vụ thực hiện thanh toán các khoản nợ thay cho các công ty liên kết và liên doanh. Các chính sách kế toán của các công ty liên kết và liên doanh cũng được điều chỉnh khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

f. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại NHNNVN, tín phiếu Kho bạc và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu với NHNNVN, tiền gửi và cho vay các TCTD khác đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi hoặc cho vay, các khoản đầu tư chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền nhất định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị, và được nắm giữ với mục đích đáp ứng các cam kết thanh toán ngắn hạn hơn là để đầu tư hay cho các mục đích khác.

g. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, trừ tiền gửi thanh toán, là tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác có kỳ hạn tối đa ba tháng.

Cho vay các tổ chức tín dụng khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc không quá mười hai tháng.

Tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo số dư nợ gốc.

Mẫu B05/TCTD–HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT–NHNN

ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo số dư nợ gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể.

Việc phân loại các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT–NHNN do NHNNVN ban hành ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 02”) và Thông tư số 09/2014/TT–NHNN do NHNNVN ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02 (“Thông tư 09”). Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh 2(h)(ii).

Theo Thông tư 02, Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

h. Cho vay khách hàng

Dư nợ cho vay khách hàng

Cho vay khách hàng được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo số dư nợ gốc tại ngày báo cáo.

Dự phòng rủi ro tín dụng cho vay khách hàng được hạch toán và trình bày một dòng riêng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể và dự phòng rủi ro tín dụng chung.

Việc phân loại nợ đối với các khoản cho vay khách hàng được thực hiện theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh 2(h)(ii) và việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo quy định tại Thông tư 02 và Thông tư 09.

Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, Ngân hàng đã được NHNNVN chấp thuận thực hiện phân loại nợ dựa trên phương pháp định tính theo quy định tại Điều 7, Quyết định số 493/2005/QĐ–NHNN do NHNNVN ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2005.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tuy nhiên, theo Thông tư 02, Ngân hàng phải thực hiện phân loại nợ và cam kết ngoại bảng theo quy định tại Điều 10 và Khoản 1 Điều 11, Thông tư 02. Theo đó, trong trường hợp kết quả phân loại đối với một khoản nợ theo quy định tại Điều 10 và Khoản 1, Điều 11, Thông tư 02 khác nhau thì khoản nợ phải được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro cao hơn.

Bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Ngân hàng sử dụng kết quả phân loại nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin Tín dụng (“CIC”) cung cấp tại thời điểm phân loại để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng. Trường hợp nợ và cam kết ngoại bảng của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Ngân hàng điều chỉnh kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng sau đây đối với khoản nợ gốc sau khi trừ đi giá trị tài sản bảo đảm đã được chiết khấu:

	Tỷ lệ dự phòng
Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
Nhóm 2 – Nợ cần chú ý	5%
Nhóm 3 – Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
Nhóm 4 – Nợ nghi ngờ	50%
Nhóm 5 – Nợ có khả năng mất vốn	100%

Nợ xấu là nợ thuộc các nhóm 3, 4 và 5.

Từ ngày 13 tháng 3 năm 2020, Ngân hàng đã áp dụng Thông tư số 01/2020/TT–NHNN (“Thông tư 01”) do NHNNVN ban hành quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19. Theo đó, đối với các khách hàng có các khoản nợ phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 23 tháng 1 năm 2020 đến ngày liền kề sau 3 tháng kể từ ngày Thủ tướng chính phủ công bố hết dịch Covid-19, và các khách hàng này không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19, thì Ngân hàng được phép cơ cấu lại thời gian trả nợ cho các khoản nợ

Mẫu B05/TCTD–HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT–NHNN

ngày 31 tháng 12 năm 2014)

này mà vẫn giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23 tháng 1 năm 2020.

Dự phòng rủi ro tín dụng chung

Ngân hàng trích lập khoản dự phòng rủi ro tín dụng chung bằng 0,75% tổng số dư nợ được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 tại ngày làm việc cuối cùng của quý. Riêng đối với quý 4, dự phòng rủi ro tín dụng chung được trích lập bằng 0,75% tổng số dư nợ được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 tại ngày làm việc cuối cùng của tháng 11.

Xử lý nợ xấu

Theo Thông tư 02, Ngân hàng sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro trong các trường hợp sau: Khách hàng là tổ chức bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật; cá nhân bị chết, mất tích; Các khoản nợ được phân loại vào Nhóm 5.

i. Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn và các chứng khoán khác được mua và nắm giữ trong vòng một năm nhằm thu lợi nhuận do chênh lệch giá.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị trên sổ sách và giá thị trường. Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được phân loại theo hai loại: chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Vietcombank phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn số 2601/NHNN–TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Vietcombank được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chúng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chúng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn hoặc chứng khoán khác được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán khi có lợi. Đối với các chứng khoán vốn, đơn vị được đầu tư không phải là công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Vietcombank và Vietcombank không phải là cổ đông sáng lập hoặc là đối tác chiến lược, hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Thành viên/Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành.

Chúng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chúng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được. Vietcombank có ý định và có khả năng nắm giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chúng khoán đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán đầu tư được ghi nhận giá gốc được phân bổ trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Ngoài ra, theo Thông tư 02 và Thông tư 09, các chứng khoán đầu tư là trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (bao gồm cả trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành giao dịch trên thị trường thứ cấp) cũng được Vietcombank phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tương tự các khoản cho vay khách hàng được trình bày tại Thuyết minh 2(h). Đối với các khoản chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác, dự phòng rủi ro được trích lập khi có dấu hiệu về sự giảm giá chứng khoán kéo dài hoặc có bằng chứng chắc chắn là Vietcombank khó có thể thu hồi đầy đủ khoản đầu tư.

Góp vốn, đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Vietcombank có dưới 11% quyền biểu quyết và Vietcombank là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Thành viên/Hội đồng Quản trị/Ban điều

Mẫu B05/TCTD–HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

hành nhưng Vietcombank không có quyền kiểm soát hay ảnh hưởng đáng kể đối với đơn vị được đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm chứng khoán vốn, các khoản góp vốn đầu tư dài hạn khác có thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên một năm (ngoài các khoản góp vốn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và công ty con).

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Đối với khoản đầu tư vào chứng khoán chưa niêm yết, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập nếu tổ chức kinh tế ("TCKT") trong nước mà Vietcombank đang sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của Vietcombank theo quy định của Thông tư số 48/2019/TT–BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 ("Thông tư 48"). Theo đó, mức trích dự phòng cho khoản đầu tư là chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở TCKT nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng và vốn chủ sở hữu của TCKT nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng nhân (x) với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Vietcombank tại TCKT nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng. Đối với khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết hoặc giá thị trường của khoản đầu tư được xác định một cách đáng tin cậy, việc lập dự phòng được thực hiện dựa trên giá thị trường của chứng khoán khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá thị trường của chúng.

j. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản cho vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

k. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến tại địa điểm đặt tài sản.

Theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT–BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, tài sản cố định phải đồng thời thỏa mãn cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- Có thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên;
- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 5 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 năm

Mẫu B05/TCTD–HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

I. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Theo Thông tư 45, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);

- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá tài sản cố định là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đến bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không ghi nhận là tài sản cố định vô hình bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất;

- Thuê đất trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê (thời gian thuê đất sau ngày có hiệu lực thi hành của Luật Đất đai năm 2003, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) thì tiền thuê đất được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo số thời gian thuê đất;

- Thuê đất trả tiền thuê hàng năm thì tiền thuê đất được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong năm tương ứng số tiền thuê đất trả hàng năm.

Theo Thông tư 45, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất lâu dài hợp pháp không được trích khấu hao.

Đối với tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất thuê, thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Vietcombank.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản quyền, bảng sáng chế và các tài sản cố định vô hình khác
Bản quyền, bằng sáng chế và các tài sản cố định vô hình khác được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Các tài sản cố định vô hình này được khấu hao trong vòng từ 3 đến 4 năm theo phương pháp đường thẳng.

m. Tài sản Có khác

Ngoại trừ các khoản phải thu về doanh thu mà không thu được như trình bày tại Thuyết minh 2(t)(iv), đối với các tài sản Có khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng và đã quá hạn thanh toán, Vietcombank thực hiện trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 48 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"). Theo đó, các tài sản Có này được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo thời gian quá hạn hoặc theo dự kiến tổn thất không thu hồi được đối với các tài sản Có chưa đến hạn thanh toán nhưng Vietcombank thu thập được các bằng chứng xác định TCKT đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Vietcombank yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Vietcombank khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Đối với các tài sản Có khác được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng, Vietcombank thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tương tự các khoản cho vay khách hàng được trình bày tại Thuyết minh 2(h).

n. Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo giá gốc.

o. Tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi của khách hàng được ghi nhận theo giá gốc.

Mẫu B05/TCTD–HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

p. Phát hành giấy tờ có giá

Phát hành giấy tờ có giá được ghi nhận theo giá gốc và các khoản phân bổ phụ trội hoặc chiết khấu lũy kế. Giá gốc của giấy tờ có giá đã phát hành bao gồm số tiền thu được từ việc phát hành trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.

q. Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi người lao động làm việc cho Vietcombank từ 12 tháng trở lên ("người lao động đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì Vietcombank phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của người lao động trong 6 tháng liền kề trước thời điểm thôi việc của người đó. Trước năm 2012, dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Vietcombank.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC ("Thông tư 180") hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Thông tư này quy định rằng khi lập báo cáo tài chính năm 2012, nếu nguồn quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp còn số dư, doanh nghiệp phải hạch toán tăng thu nhập khác năm 2012 và không được chuyển số dư quỹ sang năm sau sử dụng. Theo đó, Vietcombank đã hoàn nhập số dư dự phòng trợ cấp thôi việc. Việc thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ năm 2012.

r. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông và được ghi nhận là khoản mục nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Quỹ khen thưởng, phúc lợi được Ngân hàng sử dụng theo mục đích quy định tại Nghị định số 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 7 tháng 8 năm 2017 ("Nghị định 93").

s. Vốn và các quỹ

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Khi Vietcombank mua lại cổ phiếu đã phát hành, tổng số tiền thanh toán, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp cho việc mua lại cổ phiếu, sau khi căn trừ các ảnh hưởng về thuế, sẽ được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu mua lại được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được trình bày là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

Các quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ được sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng và Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Vietcombank ("VCBL") dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế riêng của mỗi đơn vị. Theo quy định tại Nghị định 93, mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của Ngân hàng/VCBL.

- Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế riêng của mỗi đơn vị. Nghị định 93 không quy định về mức tối đa của quỹ này.

- Quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác: trích lập theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông/Hội đồng Thành viên và phù hợp với các quy định của pháp luật.

- Phần lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản trích lập các quỹ nói trên và chia cổ tức cho cổ đông được ghi vào lợi nhuận chưa phân phối của Vietcombank.

- Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank ("VCBS") trích lập các quỹ dự trữ theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá 10% vốn điều lệ của VCBS.

- Quỹ dự phòng tài chính: 5% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá 10% vốn điều lệ của VCBS.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính được lập bằng ngoại tệ của các công ty con ở nước ngoài sang Đồng Việt Nam cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính.

t. Doanh thu và chi phí

Thu nhập lãi và chi phí lãi

Vietcombank ghi nhận thu nhập lãi theo phương pháp dự thu đối với lãi của dư nợ được phân loại vào Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn được trình bày tại Thuyết minh 2(h). Lãi chưa thu phát sinh từ các khoản nợ được giữ nguyên Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn do áp dụng Thông tư 01 hoặc do thực hiện chính sách của Nhà nước và lãi chưa thu phát sinh từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Vietcombank thực thu lãi.

Chi phí lãi được ghi nhận theo phương pháp dự chi.

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ và thu nhập cổ tức

Các khoản thu nhập từ hoạt động dịch vụ được hạch toán theo phương pháp dự thu. Cổ tức nhận được bằng tiền mặt từ hoạt động đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của Vietcombank được xác lập.

Cổ tức nhận dưới dạng cổ phiếu

Theo Thông tư 200, các khoản cổ tức được chia bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu của các công ty cổ phần không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất mà chỉ được ghi tăng số lượng cổ phiếu của công ty đó do Vietcombank nắm giữ.

Hạch toán doanh thu phải thu nhưng không thu được

Theo Thông tư số 16/2018/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 2 năm 2018, đối với các khoản doanh thu phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng đến kỳ hạn thu không thu được thì Vietcombank hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán năm hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

toán năm và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được các khoản này, Vietcombank sẽ hạch toán vào thu nhập hoạt động kinh doanh.

u. Thuê tài sản

Đi thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

Cho thuê

Vietcombank ghi nhận giá trị tài sản cho thuê tài chính là khoản cho vay khách hàng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất bằng giá trị đầu tư thuần trong hợp đồng cho thuê tài chính. Các khoản cho thuê tài chính được ghi nhận là khoản dư nợ gốc cho vay khách hàng và thu nhập từ các khoản mục này được ghi nhận là các khoản “Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự”. Vietcombank phân bổ thu nhập từ cho thuê tài chính trong suốt thời gian cho thuê dựa trên lãi suất thuê và số dư thuần cho thuê tài chính. Việc phân loại nợ cho các khoản cho thuê tài chính được thực hiện theo phương pháp định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 02.

Vietcombank ghi nhận tài sản cho thuê hoạt động trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán. Chi phí cho thuê hoạt động, bao gồm cả khấu hao tài sản cho thuê, được ghi nhận là chi phí trong năm khi phát sinh.

v. Thuế thu nhập

Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Mẫu B05/TCTD–HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT–NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

w. Các bên liên quan

Các bên liên quan của Vietcombank bao gồm các trường hợp sau đây:

- Cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của công ty mẹ hoặc TCTD mẹ của Vietcombank;

- Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Vietcombank;

- Công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Vietcombank;

- Vợ, chồng, cha, mẹ, con (bao gồm cả cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, bố chồng (bố vợ), mẹ chồng (mẹ vợ), con dâu (con rể), bố dượng, mẹ kế, con riêng của vợ hoặc chồng), anh ruột, chị ruột, em ruột (bao gồm cả anh, chị, em cùng mẹ khác cha hoặc cùng cha khác mẹ), anh rể, chị dâu, em dâu, em rể của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Vietcombank;

- Tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại Vietcombank; và

- Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần cho Vietcombank.

Chính phủ Việt Nam, thông qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cổ đông của Vietcombank. Do vậy, trong báo cáo tài chính hợp nhất này, một số tổ chức thuộc Chính phủ Việt Nam, bao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

gồm Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, được coi là các bên liên quan của Vietcombank.

x. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Vietcombank tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được lập theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được lập theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

y. Các khoản mục ngoại bảng

Các hợp đồng ngoại hối

Vietcombank ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Vietcombank.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên vốn chủ sở hữu và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hiệu lực của các hợp đồng này.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

Mẫu B05/TCTD–HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT–NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất là các cam kết thanh toán khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định được tính trên cùng một khoản tiền gốc danh nghĩa. Giá trị cam kết trong các giao dịch hợp đồng hoán đổi lãi suất không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch phát sinh từ các lãi suất hoán đổi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Vietcombank có các khoản cam kết tín dụng phát sinh từ hoạt động cho vay. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Vietcombank cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh cho nghĩa vụ của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, Vietcombank phải phân loại các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể vào 5 nhóm, tương tự các khoản cho vay khách hàng cho mục đích quản lý (Thuyết minh 2(h)).

z. Cấn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Vietcombank có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Vietcombank dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

aa. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Vietcombank trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Vietcombank (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Nếu cổ phiếu phát hành trong năm chỉ làm thay đổi về số lượng cổ phiếu mà không dẫn đến sự thay đổi về nguồn vốn, Vietcombank sẽ thực hiện điều chỉnh số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất, dẫn đến điều chỉnh tương ứng của chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

3. TRÌNH BÀY CÔNG CỤ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC

Trong quá trình hoạt động, Vietcombank thường xuyên ký kết các hợp đồng làm phát sinh các tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu.

Các tài sản tài chính của Vietcombank chủ yếu bao gồm:

- Tiền;
- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước;
- Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác;
- Chứng khoán kinh doanh;
- Cho vay khách hàng;
- Chứng khoán đầu tư;
- Góp vốn, đầu tư dài hạn;
- Các tài sản phải sinh; và
- Các tài sản tài chính khác.

Các khoản nợ phải trả tài chính của Vietcombank chủ yếu bao gồm:

- Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước;
- Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác;
- Tiền gửi của khách hàng;
- Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro;
- Phát hành giấy tờ có giá;
- Các khoản nợ phải trả phải sinh; và
- Các khoản nợ phải trả tài chính khác.

a. Phân loại tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Chỉ riêng cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, Vietcombank đã phân loại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210").

Tài sản tài chính được phân loại thành:

- Tài sản tài chính kinh doanh;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu; và
- Tài sản sẵn sàng để bán.

Nợ phải trả tài chính được phân loại thành:

- Các khoản nợ phải trả tài chính kinh doanh; và
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

b. Đo lường và thuyết minh giá trị hợp lý

Theo Thông tư 210, Vietcombank thuyết minh thông tin về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để so sánh với giá trị ghi sổ trong Thuyết minh 44(b).

Việc trình bày giá trị hợp lý của các công cụ tài chính chỉ cho mục đích trình bày tại Thuyết minh 44(b). Các công cụ tài chính của Vietcombank vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính như được trình bày ở các thuyết minh trên.

Giá trị hợp lý thể hiện giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có sự hiểu biết và sẵn lòng thực hiện giao dịch trên cơ sở ngang giá tại ngày hạch toán.

Khi có một thị trường hoạt động, Vietcombank xác định giá trị hợp lý của một công cụ tài chính bằng giá niêm yết trên thị trường hoạt động của công cụ đó. Một thị trường được coi là thị trường hoạt động nếu giá niêm yết thường xuyên có sẵn và phản ánh các giao dịch thực tế và thường xuyên phát sinh trên thị trường.

Trong trường hợp không đủ thông tin để sử dụng các kỹ thuật định giá, giá trị hợp lý của các công cụ tài chính không có thị trường hoạt động được xem là không ước tính được một cách đáng tin cậy và do đó, không được thuyết minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

4. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Tiền mặt bằng VND	12.835.047	11.080.853
Tiền mặt bằng ngoại tệ	2.259.853	2.697.034
Chứng từ có giá bằng ngoại tệ	494	471
	15.095.394	13.778.358

5. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (i)	33.010.030	34.404.607
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào (ii)	129.343	279.484
	33.139.373	34.684.091

Tiền gửi tại NHNNVN bao gồm số dư dự trữ bắt buộc ("DTBB") và số dư tiền gửi thanh toán.

Số dư bình quân tài khoản thanh toán của Ngân hàng tại NHNNVN không thấp hơn tiền dự trữ bắt buộc trong tháng. Dự trữ bắt buộc trong kỳ duy trì dự trữ bắt buộc được tính bằng cách lấy tỷ lệ dự trữ bắt buộc quy định đối với Ngân hàng theo từng loại tiền gửi trong kỳ duy trì dự trữ bắt buộc nhân với số dư bình quân tiền gửi phải tính dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng trong kỳ xác định dự trữ bắt buộc tương ứng theo từng loại tiền gửi.

Tỷ lệ DTBB thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	31/12/2020	31/12/2019
Tiền gửi bằng VND không kỳ hạn và có thời hạn dưới 12 tháng	3%	3%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1%	1%
Tiền gửi bằng ngoại tệ không kỳ hạn và có thời hạn dưới 12 tháng	8%	8%
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6%	6%
Tiền gửi bằng ngoại tệ của TCTD ở nước ngoài	1%	1%

Lãi suất thực tế của tài khoản tiền gửi thanh toán tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	31/12/2020	31/12/2019
Trong dự trữ bắt buộc bằng VND	0,5%/năm	0,8%/năm
Trong dự trữ bắt buộc bằng USD	0%/năm	0%/năm
Vượt dự trữ bắt buộc bằng VND	0%/năm	0%/năm
Vượt dự trữ bắt buộc bằng USD	0,05%/năm	0,05%/năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào bao gồm số dư tiền gửi kỳ quỹ bằng Kíp Lào ("LAK") liên quan đến việc thành lập công ty con của Ngân hàng tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, số dư dự trữ bắt buộc và số dư tiền gửi thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Lào.

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	31/12/2020	31/12/2019
Tiền gửi bằng LAK có thời hạn từ 12 tháng trở xuống	4%	5%
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn từ 12 tháng trở xuống	8%	10%

6. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	25.796	113.811
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	45.065.025	40.081.007
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	118.760.458	93.834.489
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	40.862.504	56.071.022
	204.713.783	190.100.329

Cho vay các tổ chức tín dụng khác		
Cho vay bằng VND	60.801.208	60.449.061
Cho vay bằng ngoại tệ	3.454.654	1.920.982
	64.255.862	62.370.043

Dự phòng rủi ro	(1.000.000)	(3.000.000)
	267.969.645	249.470.372

Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác:

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	222.878.824	209.275.554
Nợ có khả năng mất vốn	1.000.000	3.000.000
	223.878.824	212.275.554

Biến động trong năm của dự phòng rủi ro tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

	2020	2019
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	3.000.000	1.000.000
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 33)	(2.000.000)	2.000.000
Số dư cuối năm	1.000.000	3.000.000

7. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán nợ		
Trái phiếu chính phủ	1.126.417	994.592
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	200.124	-
Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành	339.250	544.000
Chứng khoán vốn		
Chứng khoán vốn do các TCTD khác phát hành	29.437	4.705
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	296.633	346.331
	1.991.861	1.889.628
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(37.800)	(88.502)
	1.954.061	1.801.126

Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh:

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán nợ		
Đã niêm yết	1.126.417	994.592
Chưa niêm yết	539.374	544.000
Chứng khoán vốn		
Đã niêm yết	235.767	252.544
Chưa niêm yết	90.303	98.492
	1.991.861	1.889.628

Biến động trong năm của dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh như sau:

	2020	2019
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	88.502	70.245
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng (Thuyết minh 28)	(50.702)	18.257
Số dư cuối năm	37.800	88.502

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

8. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

	31/12/2020		31/12/2019	
	Giá trị hợp đồng	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp đồng	Giá trị ghi sổ
	Tài sản/ (công nợ)		Tài sản/(công nợ)	
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ				
Hợp đồng hoán đổi tiền tệ	105.690.304	(69.164)	80.161.918	(59.895)
Hợp đồng kỳ hạn tiền tệ	13.207.615	17.133	13.347.334	158.207
	118.897.919	(52.031)	93.509.252	98.312

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	832.010.220	726.968.213
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	2.549.713	3.172.630
Cho thuê tài chính	4.608.056	4.429.029
Các khoản trả thay khách hàng	-	1.000
Cho vay đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài	620.272	136.019
	839.788.261	734.706.891

Phân tích dư nợ theo chất lượng nợ cho vay như sau:

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	831.765.014	726.358.767
Nợ cần chú ý	2.793.678	2.978.196
Nợ dưới tiêu chuẩn	668.690	686.839
Nợ nghi ngờ	223.292	153.248
Nợ có khả năng mất vốn	4.337.587	4.529.841
	839.788.261	734.706.891

Phân tích dư nợ theo thời hạn cho vay như sau:

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ ngắn hạn	434.373.690	384.355.979
Nợ trung hạn	43.091.944	48.461.992
Nợ dài hạn	362.322.627	301.888.920
	839.788.261	734.706.891

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Phân tích dư nợ theo loại hình doanh nghiệp như sau:

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Doanh nghiệp nhà nước	66.893.804	61.597.154
Công ty trách nhiệm hữu hạn	155.046.852	139.575.487
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	52.121.844	43.644.729
Hợp tác xã và công ty tư nhân	2.653.308	2.268.308
Cá nhân	380.751.584	315.781.580
Khác	182.320.869	171.839.633
	839.788.261	734.706.891

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành như sau:

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Sản xuất và gia công chế biến	178.521.411	174.032.670
Thương mại, dịch vụ	202.773.035	131.856.583
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước	40.333.441	30.411.521
Xây dựng	71.273.525	32.357.572
Vận tải kho bãi và thông tin liên lạc	26.843.614	24.742.604
Khai khoáng	14.591.656	14.458.842
Nông, lâm, thủy hải sản	17.069.197	16.122.626
Nhà hàng, khách sạn	10.166.471	12.837.989
Các ngành khác	278.215.911	297.886.484
	839.788.261	734.706.891

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Dự phòng chung	5.895.579	5.282.328
Dự phòng cụ thể	13.347.215	4.951.309
	19.242.794	10.233.637

Biến động trong năm của dự phòng chung cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	5.282.328	4.695.445
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 33)	613.274	586.898
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(23)	(15)
Số dư cuối năm	5.895.579	5.282.328

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Biến động trong năm của dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Số dư đầu năm	4.951.309	5.598.064
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 33)	11.201.979	3.855.715
Xử lý các khoản cho vay khó thu hồi bằng nguồn dự phòng	(2.805.965)	(4.502.397)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(108)	(73)
Số dư cuối năm	13.347.215	4.951.309

11. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (a)	41.955.076	35.574.786
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (b)	114.976.021	131.954.903
	156.931.097	167.529.689

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ SẴN SÀNG ĐỂ BÁN		
Chứng khoán nợ		
Trái phiếu chính phủ	9.444.422	17.444.329
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	32.696.219	18.246.571
Chứng khoán vốn		
Chứng khoán vốn do các TCKT khác trong nước phát hành	8.190	8.190
	42.148.831	35.699.090
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (i)	(193.755)	(124.304)
Tổng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	41.955.076	35.574.786

Chi tiết dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán:

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Dự phòng chung cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (*)	193.478	124.125
Dự phòng giảm giá chứng khoán vốn	277	179
	193.755	124.304

(*) Biến động trong năm của dự phòng chung cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (bao gồm cả trái phiếu do các TCTD

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

khác trong nước phát hành giao dịch trên thị trường thứ cấp) như sau:

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Số dư đầu năm	124.125	88.125
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 33)	69.353	36.000
Số dư cuối năm	193.478	124.125

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		
Trái phiếu chính phủ	59.001.448	82.997.995
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	51.041.344	42.593.538
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	5.339.752	6.679.769
	115.382.544	132.271.302
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (ii)	(406.523)	(316.399)
Tổng chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	114.976.021	131.954.903

Chi tiết dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn:

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Dự phòng chung cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	406.523	316.399

Biến động trong năm của dự phòng chung cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (bao gồm cả trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành giao dịch trên thị trường thứ cấp) như sau:

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Số dư đầu năm	316.399	187.734
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 33)	90.124	128.665
Số dư cuối năm	406.523	316.399

Phân tích chất lượng chứng khoán chưa niêm yết được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng:

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	86.417.752	62.473.769

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

12. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Vốn góp liên doanh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank – Bonday – Bến Thành (i)	Cho thuê văn phòng	52%	410.365	552.840
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank (i)	Quản lý quỹ đầu tư	51%	135.150	162.095
			545.515	714.935

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank – Bonday – Bến Thành (i)	Cho thuê văn phòng	52%	410.365	515.262
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank (i)	Quản lý quỹ đầu tư	51%	135.150	152.913
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank – Cardif (ii)	Bảo hiểm nhân thọ	45%	270.000	272.632
			815.515	940.807

Ngân hàng sở hữu 52% vốn góp của Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank – Bonday – Bến Thành và 51% vốn góp của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank. Điều lệ của các công ty này yêu cầu phải có sự thống nhất của các bên liên quan đối với mọi quyết định quan trọng về hoạt động và tài chính của các công ty này. Do đó, việc sở hữu quá 50% phần vốn góp của các công ty này không đồng nghĩa với việc Ngân hàng có quyền kiểm soát đối với các công ty này. Do vậy, các khoản đầu tư vào các công ty này được phân loại vào tài khoản “Vốn góp liên doanh” thay vì phân loại vào tài khoản “Đầu tư vào công ty con”.

Ngày 3 tháng 4 năm 2020, Ngân hàng đã nhận được Công văn số 3938/BTC-QLBH của Bộ Tài chính về việc chấp thuận nguyên tắc chuyển nhượng phần vốn góp của Ngân hàng tại Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank – Cardif cho đối tác FWD Life Insurance Company (Bermuda) Limited. Trong năm 2020, Ngân hàng đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng phần vốn góp này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Đầu tư vào công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công ty Liên doanh Hữu hạn Vietcombank – Bonday	Cho thuê văn phòng	16%	11.110	11.248

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công ty Liên doanh Hữu hạn Vietcombank – Bonday	Cho thuê văn phòng	16%	11.110	10.863

Ngân hàng có ảnh hưởng đáng kể thông qua việc tham gia vào Hội đồng Thành viên nhưng không kiểm soát về các chính sách hoạt động và tài chính của công ty này. Do vậy, khoản đầu tư vào công ty này được phân loại vào tài khoản “Đầu tư vào công ty liên kết” thay vì phân loại vào tài khoản “Đầu tư dài hạn khác”.

Đầu tư dài hạn khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc Triệu VND
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	Ngân hàng	4,50%	319.907
Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	4,31%	802.269
Quỹ Bảo lãnh Tín dụng cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa	Bảo lãnh tín dụng	0,80%	1.864
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	Bảo hiểm	8,03%	67.900
Công ty Cổ phần Thông tin tín dụng Việt Nam	Dịch vụ thông tin tín dụng	6,64%	7.962
Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	Đầu tư đường cao tốc	1,97%	75.000
Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam	Dịch vụ thẻ, thanh toán	1,83%	4.400
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	Hàng không	1,04%	305.585
SWIFT, MASTER và VISA	Dịch vụ thẻ, thanh toán	-	2.936
			1.587.823
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác			(75.000)
			1.512.823

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc Triệu VND
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	Ngân hàng	4,50%	319.907
Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	4,42%	802.269
Quỹ Bảo lãnh Tín dụng cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa	Bảo lãnh tín dụng	0,80%	1.864
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	Bảo hiểm	8,03%	67.900
Công ty Cổ phần Thông tin tín dụng Việt Nam	Dịch vụ thông tin tín dụng	6,64%	7.962
Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	Đầu tư đường cao tốc	1,97%	75.000
Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam	Dịch vụ thẻ, thanh toán	1,83%	4.400
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	Hàng không	1,04%	305.585
SWIFT, MASTER và VISA	Dịch vụ thẻ, thanh toán	-	2.936
			1.587.823
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác			(75.000)
			1.512.823

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác trong năm như sau:

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Số dư đầu năm	75.000	66.998
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)	-	8.002
Số dư cuối năm	75.000	75.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu VND	Máy móc, thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn Triệu VND	Tài sản cố định hữu hình khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm (trình bày lại)	4.528.872	4.152.078	986.640	1.494.580	11.162.170
Tăng trong năm	1.004.906	443.539	166.034	235.519	1.849.998
<i>Mua mới</i>	<i>1.004.906</i>	<i>443.539</i>	<i>165.879</i>	<i>229.245</i>	<i>1.843.569</i>
<i>Tăng khác</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>155</i>	<i>6.274</i>	<i>6.429</i>
Giảm trong năm	(19.397)	(87.754)	(23.134)	(15.694)	(145.979)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>(9.805)</i>	<i>(86.734)</i>	<i>(23.117)</i>	<i>(15.689)</i>	<i>(135.345)</i>
<i>Giảm khác</i>	<i>(9.592)</i>	<i>(1.020)</i>	<i>(17)</i>	<i>(5)</i>	<i>(10.634)</i>
Số dư cuối năm	5.514.381	4.507.863	1.129.540	1.714.405	12.866.189
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm (trình bày lại)	1.313.615	3.683.351	667.593	1.051.902	6.716.461
Tăng trong năm	219.735	370.123	89.048	196.889	875.795
<i>Khấu hao</i>	<i>218.752</i>	<i>370.026</i>	<i>89.048</i>	<i>196.735</i>	<i>874.561</i>
<i>Tăng khác</i>	<i>983</i>	<i>97</i>	<i>-</i>	<i>154</i>	<i>1.234</i>
Giảm trong năm	(8.773)	(86.738)	(23.121)	(18.574)	(137.206)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>(8.773)</i>	<i>(86.734)</i>	<i>(23.117)</i>	<i>(15.595)</i>	<i>(134.219)</i>
<i>Giảm khác</i>	<i>-</i>	<i>(4)</i>	<i>(4)</i>	<i>(2.979)</i>	<i>(2.987)</i>
Số dư cuối năm	1.524.577	3.966.736	733.520	1.230.217	7.455.050
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm (trình bày lại)	3.215.257	468.727	319.047	442.678	4.445.709
Số dư cuối năm	3.989.804	541.127	396.020	484.188	5.411.139

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng là **4.879.798 triệu VND** (31/12/2019: 4.374.256 triệu VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền và bằng sáng chế	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	2.180.059	827.249	43.361	3.050.669
Tăng trong năm	322.602	837.084	2.484	1.162.170
Mua mới	318.765	837.084	2.484	1.158.333
Tăng khác	3.837	-	-	3.837
Giảm khác trong năm	-	(302)	(657)	(959)

Số dư cuối năm	2.502.661	1.664.031	45.188	4.211.880
-----------------------	------------------	------------------	---------------	------------------

Hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	89.468	675.614	24.793	789.875
Khấu hao trong năm	15.017	276.937	1.984	293.938
Giảm khác trong năm	-	-	(156)	(156)

Số dư cuối năm	104.485	952.551	26.621	1.083.657
-----------------------	----------------	----------------	---------------	------------------

Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	2.090.591	151.635	18.568	2.260.794
Số dư cuối năm	2.398.176	711.480	18.567	3.128.223

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng là **670.960 triệu VND** (31/12/2019: 632.470 triệu VND).

15. TÀI SẢN CÓ KHÁC

Các khoản phải thu

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Các khoản phải thu nội bộ	1.653.804	1.595.353
Các khoản phải thu bên ngoài (i)	5.014.791	7.235.037
	6.668.595	8.830.390

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Các khoản phải thu bên ngoài

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Tạm ứng mua sắm tài sản cố định	800.898	1.088.039
Phải thu từ ngân sách Nhà nước về hỗ trợ lãi suất	325.088	311.981
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa (Thuyết minh 38)	1.182	60
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (Thuyết minh 38)	14.251	31.812
Tạm ứng thuế khác (Thuyết minh 38)	230	2
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (*)	455.357	794.212
Các khoản phải thu khác	3.417.785	5.008.931
	5.014.791	7.235.037

(*)Chi tiết của chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Xây dựng cơ bản dở dang	455.357	794.212
Trong đó, những dự án lớn:	281.059	402.946
Dự án trụ sở Chi nhánh Thành Công	47.881	268.588
Dự án trụ sở Chi nhánh Bắc Sài Gòn	58.196	39.894
Dự án trụ sở Chi nhánh Cần Thơ	47.811	25.309
Dự án trụ sở Chi nhánh Đồng Tháp	30.431	2.261
Dự án trụ sở Chi nhánh Lào Cai	25.365	1.016
Dự án trụ sở Chi nhánh Bạc Liêu	23.972	1.269
Dự án trụ sở Chi nhánh Phú Thọ	20.111	587
Dự án trụ sở Chi nhánh Gia Lai	7.671	7.879
Dự án trụ sở Chi nhánh Hà Nội	6.768	6.390
Dự án trụ sở Chi nhánh Bình Thuận	5.908	2.445
Dự án trụ sở Chi nhánh Lạng Sơn	5.726	17.074
Dự án trụ sở Chi nhánh Phú Yên	1.219	30.234

Các khoản lãi, phí phải thu

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Từ cho vay khách hàng	2.381.755	2.760.538
Từ tiền gửi và cho vay các TCTD khác	171.405	396.445
Từ các khoản chứng khoán đầu tư	4.530.898	4.822.200
Từ các giao dịch phái sinh	120.257	83.920
Phí phải thu	1.810	1.705
	7.206.125	8.064.808

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	909.263	405.543

Tài sản Có khác

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Đặt cọc tiền thuê nhà, thuê tài sản cố định	802.036	886.166
Vật liệu	141.229	155.406
Tạm ứng thanh toán thẻ	1.289.754	1.422.634
Tiền thuê đất trả tiền trước một lần	726.733	465.839
Tài sản Có khác	2.076.886	1.580.547
	5.036.638	4.510.592
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(3.934)	(3.839)
	5.032.704	4.506.753

16. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	2.347.294	3.065.470
Vay theo hồ sơ tín dụng	1.800.563	2.263.278
Vay khác	546.731	802.192
Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước	36.393.923	89.288.604
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	463.641	335.832
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	513.282	1.087.772
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	35.417.000	87.865.000
Tiền gửi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	2.435.778	11.732
	41.176.995	92.365.806

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

17. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	100.916.433	71.046.512
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	6.654.782	7.400.827
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	42.123.289	27.053.436
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	33.600.000	24.500.000
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	18.538.362	12.092.249
Vay các tổ chức tín dụng khác	2.667.400	2.570.573
Vay bằng VND	2.667.400	1.259.900
Vay bằng ngoại tệ	-	1.310.673
	103.583.833	73.617.085

18. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn	307.026.182	262.977.124
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	238.209.238	199.196.380
Tiền gửi không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	68.816.944	63.780.744
Tiền gửi có kỳ hạn	693.604.644	642.710.681
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	614.908.265	561.425.254
Tiền gửi có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	78.696.379	81.285.427
Tiền gửi vốn chuyên dùng	27.325.921	21.019.106
Tiền gửi ký quỹ	4.156.820	1.743.958
	1.032.113.567	928.450.869

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp như sau:

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Các tổ chức kinh tế	522.325.061	461.608.933
Cá nhân	509.788.506	466.841.936
	1.032.113.567	928.450.869

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

19. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TỔ CHỨC TÍN DỤNG CHỊU RỦI RO

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VND	14.679	20.431

20. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Chứng chỉ tiền gửi		
Trung hạn bằng VND	115	325
Trung hạn bằng ngoại tệ	-	691
Kỳ phiếu, trái phiếu		
Ngắn hạn bằng VND	47	47
Ngắn hạn bằng ngoại tệ	30	30
Trung hạn bằng VND	10.437.945	10.552.616
Trung hạn bằng ngoại tệ	12	12
Dài hạn bằng VND	10.802.048	10.830.211
	21.240.197	21.383.932

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC

Các khoản lãi, phí phải trả

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Lãi tiền gửi của khách hàng	9.345.530	9.835.069
Lãi tiền gửi và vay các TCTD khác	21.387	51.452
Lãi phải trả phát hành giấy tờ có giá	365.041	370.979
Lãi phải trả cho các công cụ tài chính phái sinh	65.876	102.640
Phí ủy thác đầu tư	-	3.145
	9.797.834	10.363.285

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Các khoản phải trả và công nợ khác

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Các khoản phải trả nội bộ (i)	3.914.344	3.503.718
Các khoản phải trả bên ngoài (ii)	15.801.471	8.076.691
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.440.162	4.055.515
	24.155.977	15.635.924

Các khoản phải trả nội bộ

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Các khoản phải trả cán bộ, công nhân viên	3.253.225	2.931.200
Các khoản phải trả khác	661.119	572.518
	3.914.344	3.503.718

Các khoản phải trả bên ngoài

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Thuế phải trả (Thuyết minh 38)	2.191.103	1.823.729
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả</i>	<i>1.927.716</i>	<i>1.525.963</i>
<i>Thuế giá trị gia tăng phải trả</i>	<i>124.718</i>	<i>117.018</i>
<i>Các thuế khác phải trả</i>	<i>138.669</i>	<i>180.748</i>
Doanh thu nhận trước chờ phân bổ	6.718.012	1.371
Phải trả xây dựng và mua sắm tài sản cố định	1.212.030	266.324
Tiền giữ hộ chờ thanh toán	205.442	253.820
Các khoản khác phải trả khách hàng	834.760	1.288.992
Các khoản chờ thanh toán khác	204.272	176.176
Lãi hỗ trợ lãi suất thu hồi phải trả Nhà nước	64.528	64.528
Vay Bộ Tài chính	906.194	1.003.156
Cổ tức phải trả (*)	747.619	747.619
Phải trả khác	2.717.511	2.450.976
	15.801.471	8.076.691

(*) Đến ngày 8 tháng 1 năm 2021, Ngân hàng đã hoàn thành việc thanh toán các khoản cổ tức này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Vốn khác Triệu VND	Quỹ của tổ chức tín dụng		Quỹ của tổ chức tín dụng			Chênh lệch đánh giá lại tài sản Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Lợi ích của cổ đồng không kiểm soát Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
				Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Triệu VND	Quỹ dự phòng tài chính Triệu VND	Quỹ đầu tư phát triển Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái Triệu VND				
Số dư tại ngày 1/1/2020 (trình bày lại)	37.088.774	4.995.389	344.658	4.041.013	8.074.467	70.661	12.186.141	16.361	113.011	26.126.544	83.459	80.954.337
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	18.451.311	21.207	18.472.518
Tạm trích các quỹ dự trữ bắt buộc ("DTBB") trong năm 2020	-	-	-	902.187	1.804.375	-	2.706.562	-	-	(2.706.562)	-	-
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ("KTPL") trong năm 2020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.859.105)	-	(1.859.105)
Điều chỉnh trích lập các quỹ DTBB và quỹ KTPL theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng	-	-	-	(8)	(15)	-	(23)	-	-	(360.322)	-	(360.345)
Điều chỉnh theo Nghị quyết của Công ty con	-	-	-	(68)	4.070	-	4.002	-	-	(18.837)	(591)	(15.426)
Chia cổ tức cho cổ đông năm 2019 (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.967.102)	-	(2.967.102)
Trả cổ tức theo Nghị quyết của Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(19.013)	(19.013)
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	-	(11.903)	-	(11.903)	-	-	-	-	(11.903)
Trích các quỹ của các công ty con	-	-	-	18.039	22.985	-	41.024	-	-	(53.326)	-	(12.302)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-	-	(11.258)	-	-	(38)	(11.296)
Đánh giá lại tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-	(113.011)	-	-	(113.011)
Điều chỉnh công ty liên doanh, liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.361	-	2.361
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	35.266	-	35.266
Số dư tại ngày 31/12/2020	37.088.774	4.995.389	344.658	4.961.163	9.893.979	70.661	14.925.803	5.103	-	36.650.228	85.024	94.094.979

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Cơ cấu cổ đông của Ngân hàng

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Cổ phiếu phổ thông		
Nhà nước	27.743.534	27.743.534
Cổ đông chiến lược nước ngoài (Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản)	5.563.349	5.563.349
Các cổ đông khác	3.781.891	3.781.891
	37.088.774	37.088.774

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Ngân hàng là:

	31/12/2020 và 31/12/2019	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Vốn cổ phần theo giấy phép	3.708.877.448	37.088.774
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	3.708.877.448	37.088.774
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	3.708.877.448	37.088.774

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VND.

23. CỔ TỨC

Theo Nghị quyết số 13/TN2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông của Ngân hàng đã quyết định mức chia cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt là 8% mệnh giá, tương đương với số tiền là 2.967.102 triệu VND. Ngày 8 tháng 12 năm 2020, Hội đồng Quản trị Ngân hàng đã phê duyệt Nghị quyết số 595/NQ-VCB-HĐQT về việc thanh toán cổ tức năm 2019. Đến ngày 8 tháng 1 năm 2021, Ngân hàng đã hoàn thành việc thanh toán cổ tức cho các cổ đông.

24. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	2020	2019
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập lãi từ cho vay khách hàng	56.056.454	53.100.063
Thu nhập từ lãi tiền gửi	2.362.665	4.412.907
Thu nhập lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	9.405.447	8.893.830
từ chứng khoán đầu tư	9.197.858	8.809.299
từ chứng khoán kinh doanh	207.589	84.531
Thu nhập lãi cho thuê tài chính	330.131	326.787
Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh	448.022	480.786
Thu khác từ hoạt động tín dụng	602.415	451.123
	69.205.134	67.665.496

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

25. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	2020	2019
	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí lãi tiền gửi	31.150.286	31.205.637
Chi phí lãi tiền vay	197.705	337.223
Chi phí lãi phát hành giấy tờ có giá	1.503.840	1.500.039
Chi phí khác cho hoạt động tín dụng	67.828	84.869
	32.919.659	33.127.768

26. LÃI THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2020	2019
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		
Thu từ dịch vụ thanh toán	6.017.661	6.199.194
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	74.593	164.507
Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý	9.289	1.278
Thu khác	4.486.620	2.640.130
	10.588.163	9.005.109
Chi phí hoạt động dịch vụ		
Chi cho dịch vụ thanh toán	(3.192.493)	(3.877.007)
Chi cho dịch vụ ngân quỹ	(109.932)	(96.571)
Chi cho dịch vụ viễn thông	(125.174)	(114.680)
Chi cho nghiệp vụ ủy thác và đại lý	(6.107)	(3.485)
Chi khác	(547.140)	(603.920)
	(3.980.846)	(4.695.663)
	6.607.317	4.309.446

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

27. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	6.841.473	6.397.100
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	650.399	781.001
Lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ kinh doanh	474.545	562.523
Lãi đánh giá lại các hợp đồng phái sinh	6.541	40.323
	7.972.958	7.780.947
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Chi cho kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(2.913.034)	(3.627.773)
Chi cho các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(1.068.516)	(653.967)
Lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ kinh doanh	(39.477)	(73.863)
Lỗ đánh giá lại các hợp đồng phái sinh	(45.532)	(47.070)
	(4.066.559)	(4.402.673)
	3.906.399	3.378.274

28. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	113.299	207.337
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(162.191)	(43.098)
Hoàn nhập/(trích lập) chi phí dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 7)	50.702	(18.257)
	1.810	145.982

29. (LỖ)/LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	-	7.220
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	-	(1)
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán vốn	(98)	(179)
	(98)	7.040

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

30. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động khác		
Thu nhập từ các khoản cho vay đã xử lý bằng quỹ dự phòng rủi ro	2.421.725	3.179.526
Thu từ nghiệp vụ hoán đổi lãi suất	195	59.590
Thu nhập khác	122.794	188.679
	2.544.714	3.427.795
Chi phí hoạt động khác		
Chi phí cho nghiệp vụ hoán đổi lãi suất	(117.968)	-
Chi về nghiệp vụ bán nợ	(171)	(32)
Chi công tác xã hội	(301.184)	(163.238)
Chi phí khác	(325.138)	(194.700)
	(744.461)	(357.970)
	1.800.253	3.069.825

31. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Cổ tức nhận được từ các khoản góp vốn, mua cổ phần (Thuyết minh 34(a))	83.959	154.582
Cổ tức từ các khoản góp vốn, mua cổ phần đã nhận	69.684	135.090
Cổ tức từ chứng khoán vốn kinh doanh đã nhận	14.275	19.492
Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư góp vốn, mua cổ phần	335.274	48.178
Hạch toán lãi theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (Thuyết minh 34(a))	42.152	42.336
	461.385	245.096

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

32. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2020	2019
	Triệu VND	Triệu VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	246.322	358.529
Chi phí cho nhân viên	8.603.051	8.668.273
Trong đó:		
<i>Chi lương và phụ cấp (Thuyết minh 37)</i>	<i>7.674.765</i>	<i>7.806.861</i>
<i>Các khoản chi đóng góp theo lương</i>	<i>683.529</i>	<i>654.098</i>
<i>Chi trợ cấp</i>	<i>5.868</i>	<i>5.566</i>
Chi về tài sản	2.902.528	2.701.784
Trong đó:		
<i>Khấu hao tài sản cố định</i>	<i>1.168.499</i>	<i>829.204</i>
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	3.603.531	3.515.461
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	631.788	578.981
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác (Thuyết minh 12(c))	-	8.002
Chi phí hoạt động khác	51.030	43.512
	16.038.250	15.874.542

33. CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

	2020	2019
	Triệu VND	Triệu VND
Dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các TCTD khác		
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng (Thuyết minh 6)	(2.000.000)	2.000.000
Dự phòng chung cho vay khách hàng		
Trích lập dự phòng (Thuyết minh 10)	613.274	586.898
Dự phòng cụ thể cho vay khách hàng		
Trích lập dự phòng (Thuyết minh 10)	11.201.979	3.855.715
Dự phòng chung cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết		
Trích lập dự phòng cho chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (Thuyết minh 11(a))	69.353	36.000
Trích lập dự phòng cho chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 11(b))	90.124	128.665
	9.974.730	6.607.278

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020	2019
	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận trước thuế	23.049.561	23.211.571
Điều chỉnh cho các khoản:		
Lợi nhuận tính thuế của các công ty con	(481.245)	(378.867)
Cổ tức thu được trong năm (Thuyết minh 31)	(83.959)	(154.582)
Phân chia lãi theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (Thuyết minh 31)	(42.152)	(42.336)
Các khoản điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế	(36.959)	15.523
Các khoản chi phí không được khấu trừ trong năm	4.518.833	2.020.699
Hoàn nhập chi phí không được khấu trừ thuế của năm trước	(2.000.000)	-
Thu nhập chịu thuế	24.924.079	24.672.008
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành của Ngân hàng (thuế suất: 20%)	4.984.816	4.934.401
Chi phí thuế TNDN hiện hành của công ty con (thuế suất: 24%)	7.711	7.835
Chi phí thuế TNDN hiện hành của các công ty con (thuế suất: 20%)	88.541	66.815
Chi phí thuế TNDN hiện hành của công ty con (thuế suất: 16,5%)	-	1.251
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất áp dụng	5.081.068	5.010.302

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	2020	2019
	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(504.025)	(396.075)

Thuế suất áp dụng

Ngân hàng và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế, ngoại trừ Ngân hàng TNHH Ngoại thương Việt Nam tại Lào có nghĩa vụ nộp thuế theo thuế suất 24% và Công ty Tài chính Việt Nam tại Hồng Kông có nghĩa vụ nộp thuế theo thuế suất 16,5%. Việc tính toán thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2020	2019
	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận thuần	18.451.311	18.582.254
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(1.871.407)	(2.276.180)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	16.579.904	16.306.074

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập vào thời điểm cuối năm. Do đó, lợi nhuận thuần dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 đã được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm tương ứng.

Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông

	2020	2019
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành tại ngày 1 tháng 1	3.708.877.448	3.597.768.575
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành trong năm	-	102.889.860
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	3.708.877.448	3.700.658.435

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2020	2019
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	4.470	4.406

36. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	15.095.394	13.778.358
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	33.139.373	34.684.091
Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	244.347.935	223.808.086
Tổng cộng	292.582.702	272.270.535

37. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

	2020	2019
Tổng số cán bộ, công nhân viên (người)	20.062	18.948
Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
Tổng quỹ lương và phụ cấp (Triệu VND) (Thuyết minh 32)	7.674.765	7.806.861
Thu nhập bình quân tháng/người (Triệu VND)	31,88	34,33

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

38. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Phát sinh trong năm			Số dư tại ngày 31/12/2020		
	Số dư tại ngày 1/1/2020	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải trả	Ứng trước	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	85.206	572.182	(546.921)	124.718	(14.251)	110.467
Thuế TNDN hiện hành	1.525.903	5.080.948	(4.680.317)	1.927.716	(1.182)	1.926.534
Trong đó:						
Thuế TNDN của Vietcombank	1.525.963	5.081.068	(4.680.425)	1.927.716	(1.110)	1.926.606
Điều chỉnh thuế các năm trước	(2)	(120)	108	-	(14)	(14)
Nghĩa vụ thuế năm 2008 của Vinafico	(58)	-	-	-	(58)	(58)
Các loại thuế khác	180.746	1.200.435	(1.242.742)	138.669	(230)	138.439
	1.791.855	6.853.565	(6.469.980)	2.191.103	(15.663)	2.175.440

39. TÀI SẢN, GIẤY TỜ CÓ GIÁ THỂ CHẤP, CẦM CỐ VÀ CHIẾT KHẤU, TÁI CHIẾT KHẤU

Tài sản, giấy tờ có giá nhận thể chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi	124.105.909	109.803.809
Giấy tờ có giá	93.030.576	82.429.392
Bất động sản	957.536.579	795.024.169
Tài sản bảo đảm khác	266.888.049	243.180.100
	1.441.561.113	1.230.437.470

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

40. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Vietcombank thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Vietcombank ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoài bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Vietcombank khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Vietcombank cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Vietcombank cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Vietcombank ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Vietcombank phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Vietcombank trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Vietcombank thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Tỷ lệ giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Vietcombank đánh giá.

41. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

Mối liên quan	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Thu nhập/(chi phí)		
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Đại diện chủ sở hữu	
Thu nhập từ lãi tiền gửi	147.042	209.296
Chi phí lãi tiền gửi và tiền vay	(107.008)	(130.356)
<hr/>		
Bộ Tài chính	Bên liên quan của chủ sở hữu	
Chi phí lãi tiền gửi	(539.434)	(1.557.823)
Chi phí lãi tiền vay	(34.167)	(43.855)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Số dư với các bên liên quan

Mối liên quan	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Phải thu/(phải trả)		
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Đại diện chủ sở hữu	
Tiền gửi của Vietcombank tại NHNNVN	33.010.030	34.404.607
Tiền gửi và tiền vay của NHNNVN tại Vietcombank	(4.783.072)	(3.077.202)
<hr/>		
Bộ Tài chính	Bên liên quan của chủ sở hữu	
Tiền gửi tại Ngân hàng	(36.393.923)	(89.288.604)
Vay Bộ Tài chính	(906.194)	(1.003.156)
<hr/>		
Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản	Cổ đông chiến lược	
Tiền gửi của Ngân hàng tại Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản	9.711.861	5.588.921
Tiền gửi của Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản tại Ngân hàng	(4.236.034)	(3.913.211)
Cho vay Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản	-	100.000

42. THUYẾT MINH THÙ LAO CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ TIỀN LƯƠNG CỦA THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát và tiền lương của thành viên Ban Điều hành phát sinh và được chi trả từ quỹ lương trong năm như sau:

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Thành viên Hội đồng Quản trị	13.792	14.849
Thành viên Ban Kiểm soát	3.651	3.927
Thành viên Ban Điều hành	14.710	16.253
	32.153	35.029

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

43. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Miền Bắc (*)	Miền Trung và Tây Nguyên	Miền Nam	Nước ngoài	Loại trừ	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
1 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	93.561.834	16.509.703	47.598.660	76.861	(88.541.924)	69.205.134
2 Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(78.134.685)	(11.245.574)	(32.081.595)	(5.876)	88.548.071	(32.919.659)
I Thu nhập lãi thuần	15.427.149	5.264.129	15.517.065	70.985	6.147	36.285.475
3 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	7.189.794	679.034	2.928.411	76.477	(285.553)	10.588.163
4 Chi phí hoạt động dịch vụ	(3.970.123)	(33.886)	(99.106)	(23.190)	145.459	(3.980.846)
II Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	3.219.671	645.148	2.829.305	53.287	(140.094)	6.607.317
III Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.533.901	156.766	1.214.879	853	-	3.906.399
IV Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	7.941	-	-	-	(6.131)	1.810
V Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	(98)	-	-	-	-	(98)
5 Thu nhập từ hoạt động khác	1.159.082	500.291	884.050	1.291	-	2.544.714
6 Chi phí hoạt động khác	(365.632)	(127.133)	(251.696)	-	-	(744.461)
VI Lãi thuần từ hoạt động khác	793.450	373.158	632.354	1.291	-	1.800.253
VII Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	461.385	-	-	-	-	461.385
Tổng thu nhập hoạt động	22.443.399	6.439.201	20.193.603	126.416	(140.078)	49.062.541
VIII Chi phí hoạt động	(10.949.821)	(1.378.082)	(3.775.168)	(79.694)	144.515	(16.038.250)
IX Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	11.493.578	5.061.119	16.418.435	46.722	4.437	33.024.291
X Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(7.697.793)	(792.057)	(1.482.438)	(2.442)	-	(9.974.730)
XI Tổng lợi nhuận trước thuế	3.795.785	4.269.062	14.935.997	44.280	4.437	23.049.561
7 Chi phí thuế TNDN hiện hành	(1.232.984)	(853.812)	(2.986.561)	(7.711)	-	(5.081.068)
8 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	503.720	-	-	305	-	504.025
XII Chi phí thuế TNDN	(729.264)	(853.812)	(2.986.561)	(7.406)	-	(4.577.043)
XIII Lợi nhuận sau thuế	3.066.521	3.415.250	11.949.436	36.874	4.437	18.472.518

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Trụ sở chính của Ngân hàng thuộc khu vực miền Bắc thực hiện chi một số khoản chi phí hoạt động cho toàn hệ thống nhưng không phân bổ tới các đơn vị trong Ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020:

		Dịch vụ tài chính ngân hàng	Dịch vụ tài chính phi ngân hàng	Chứng khoán	Khác	Loại trừ	Tổng cộng
		Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	157.054.516	400.398	271.951	20.193	(88.541.924)	69.205.134
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(121.217.494)	(152.921)	(89.668)	(7.647)	88.548.071	(32.919.659)
I	Thu nhập lãi thuần	35.837.022	247.477	182.283	12.546	6.147	36.285.475
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	10.301.436	42.567	300.344	229.369	(285.553)	10.588.163
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	(3.977.860)	(964)	(54.541)	(92.940)	145.459	(3.980.846)
II	Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	6.323.576	41.603	245.803	136.429	(140.094)	6.607.317
III	Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	3.908.963	(2.564)	-	-	-	3.906.399
IV	(Lỗ)/Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(34.812)	-	42.753	-	(6.131)	1.810
IV	Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	-	-	(98)	-	-	(98)
5	Thu nhập từ hoạt động khác	2.535.589	8.120	403	602	-	2.544.714
6	Chi phí hoạt động khác	(744.422)	(12)	(21)	(6)	-	(744.461)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	1.791.167	8.108	382	596	-	1.800.253
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	447.110	-	14.275	-	-	461.385
	Tổng thu nhập hoạt động	48.273.026	294.624	485.398	149.571	(140.078)	49.062.541
VIII	Chi phí hoạt động	(15.776.505)	(135.226)	(216.421)	(54.613)	144.515	(16.038.250)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	32.496.521	159.398	268.977	94.958	4.437	33.024.291
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(9.934.124)	(40.606)	-	-	-	(9.974.730)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế	22.562.397	118.792	268.977	94.958	4.437	23.049.561
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(4.992.527)	(24.737)	(52.315)	(11.489)	-	(5.081.068)
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	502.392	305	1.328	-	-	504.025
XII	Chi phí thuế TNDN	(4.490.135)	(24.432)	(50.987)	(11.489)	-	(4.577.043)
XIII	Lợi nhuận sau thuế	18.072.262	94.360	217.990	83.469	4.437	18.472.518

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

44. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Thuyết minh về tài sản bảo đảm

Vietcombank không nắm giữ tài sản bảo đảm mà Vietcombank được phép bán hoặc đem tài sản đó đi bảo đảm cho bên thứ ba trong trường hợp chủ sở hữu tài sản vẫn có khả năng trả nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Thuyết minh về giá trị hợp lý

Thông tư 210 yêu cầu thuyết minh về phương pháp xác định giá trị hợp lý và các thông tin về giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính để có thể so sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Vietcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

		Giá trị ghi sổ – gộp						
		Kinh doanh	Giữ đến ngày đáo hạn	Cho vay và phải thu	Sẵn sàng để bán	Hạch toán theo giá trị phân bổ	Tổng giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
		Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản tài chính								
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	15.095.394	-	-	15.095.394	15.095.394
II	Tiền gửi tại NHNN	-	-	33.139.373	-	-	33.139.373	33.139.373
III	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	-	-	268.969.645	-	-	268.969.645	(*)
IV	Chứng khoán kinh doanh	1.991.861	-	-	-	-	1.991.861	(*)
VI	Cho vay khách hàng	-	-	839.788.261	-	-	839.788.261	(*)
VIII	Chứng khoán đầu tư	-	115.382.544	-	42.148.831	-	157.531.375	(*)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	1.587.823	-	1.587.823	(*)
XII	Tài sản tài chính khác	-	-	13.901.539	-	-	13.901.539	(*)
		1.991.861	115.382.544	1.170.894.212	43.736.654	-	1.332.005.271	
Nợ phải trả tài chính								
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN và tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	144.760.828	144.760.828	(*)
II	Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	1.032.113.567	1.032.113.567	(*)
III	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	52.031	-	-	-	-	52.031	(*)
IV	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	14.679	14.679	(*)
V	Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	21.240.197	21.240.197	(*)
VI	Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	-	-	-	15.942.570	15.942.570	(*)
		52.031	-	-	-	1.214.071.841	1.214.123.872	

(*) Do không đủ thông tin để sử dụng các kỹ thuật định giá, giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính không có thị trường hoạt động này không ước tính được một cách đáng tin cậy và do đó, không được thuyết minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính

Hội đồng Quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ cao nhất trong việc điều hành tất cả các hoạt động của Vietcombank liên quan đến quản lý rủi ro, bảo đảm hoạt động kinh doanh của Vietcombank không ngừng phát triển, an toàn và bền vững.

Để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm ban hành các chính sách và chiến lược quản lý rủi ro phù hợp trong từng thời kỳ; xác lập các giới hạn kinh doanh an toàn; trực tiếp phê duyệt các giao dịch kinh doanh có giá trị lớn theo quy định của pháp luật và Vietcombank trong từng thời kỳ; quyết định cơ cấu tổ chức và các vị trí nhân sự chủ chốt.

Các chính sách, hoạt động quản lý rủi ro của Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định tại Điều lệ của Vietcombank và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong từng thời kỳ.

Ủy ban Quản lý Rủi ro là bộ phận do Hội đồng Quản trị ra quyết định thành lập và chịu trách nhiệm giúp việc cho Hội đồng Quản trị trong việc quản lý mọi loại rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh của Vietcombank.

Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có ("ALCO") là bộ phận do Tổng Giám đốc ra quyết định thành lập. Chủ tịch ALCO là Tổng Giám đốc. Các thành viên của ALCO là các cán bộ chủ chốt đang thực hiện nhiệm vụ quản lý rủi ro trong Vietcombank.

ALCO có nhiệm vụ giám sát và quản lý tổng thể các hạng mục tài sản có và tài sản nợ trong bảng cân đối kế toán hợp nhất và riêng của Vietcombank nhằm tối đa hoá lợi nhuận và tối thiểu hoá các tổn thất phát sinh do những biến động bất lợi từ thị trường; quản lý rủi ro thanh khoản; điều hành lãi suất và tỷ giá phù hợp.

Mẫu B05/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Trong phạm vi phân cấp, ALCO được quyền đưa ra các quyết định liên quan đến quản lý rủi ro.

Rủi ro tín dụng

Vietcombank luôn phải đứng trước các rủi ro tín dụng, đó là nguy cơ mất mát về tài chính khi các bên đối tác không thể hoàn thành nghĩa vụ đúng hạn. Rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu trong nghiệp vụ cho vay dưới hình thức các khoản cho vay và tạm ứng, trong đầu tư dưới hình thức các chứng khoán nợ. Các công cụ tài chính ngoại bảng, như cam kết cho vay, cũng tiềm ẩn rủi ro tín dụng. Quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng được thực hiện thông qua các chính sách và thủ tục có liên quan, trong đó có chính sách quản lý rủi ro tín dụng và hoạt động của Ủy ban Quản lý Rủi ro và Hội đồng Tín dụng.

Vietcombank tiến hành phân loại nợ đối với các khoản cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng khác, cam kết ngoại bảng, các khoản ủy thác cho vay, ủy thác và đầu tư trái phiếu tổ chức kinh tế chưa niêm yết dựa trên yêu cầu của Thông tư 02 và Thông tư 09 (Thuyết minh 2(h)), qua đó thường xuyên đánh giá rủi ro của các khoản nợ có vấn đề, nợ xấu và đề xuất biện pháp xử lý phù hợp.

Để quản lý rủi ro tín dụng Vietcombank sử dụng các công cụ: xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan đến công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng; thực hiện rà soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ và phân loại nợ; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

Số liệu trình bày dưới đây thể hiện mức độ rủi ro tín dụng nội bảng tối đa của Vietcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, không tính đến tài sản bảo đảm hay hỗ trợ tín dụng:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

	Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá	Đã bị giảm giá và trích lập dự phòng	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi tại NHNN	33.139.373	-	-	33.139.373
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	267.969.645	-	1.000.000	268.969.645
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	204.713.783	-	-	204.713.783
Cho vay các tổ chức tín dụng khác	63.255.862	-	1.000.000	64.255.862
Chứng khoán kinh doanh	1.665.791	-	-	1.665.791
Cho vay khách hàng – gộp	810.702.036	10.803.072	18.283.153	839.788.261
Chứng khoán đầu tư – gộp	157.523.185	-	-	157.523.185
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	42.140.641	-	-	42.140.641
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	115.382.544	-	-	115.382.544
Tài sản Có khác	13.897.605	-	3.934	13.901.539
	1.284.897.635	10.803.072	19.287.087	1.314.987.794

Thông tin thêm về giá trị ghi sổ của tài sản bảo đảm Vietcombank nắm giữ tại ngày báo cáo được trình bày tại Thuyết minh 39.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro khi luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính diễn biến bất thường do những biến động của lãi suất thị trường.

Kỳ định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Vietcombank.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng để phân tích kỳ định lại lãi suất thực tế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

- Tiền mặt, vàng bạc, đá quý, góp vốn, đầu tư dài hạn và các tài sản Có khác (bao gồm tài sản cố định và các tài sản Có khác) được xếp vào nhóm các khoản mục không chịu lãi;
- Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ được xếp vào khoản mục đến 1 tháng;
- Kỳ định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư phụ thuộc vào quy định về lãi suất của tổ chức phát hành đối với từng loại chứng khoán;
- Kỳ định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, cho vay khách hàng, các khoản nợ Chính phủ và NHNN, các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro và các khoản nợ khác được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: kỳ định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: kỳ định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- Kỳ định lại lãi suất thực tế của các giấy tờ có giá đã phát hành được xác định dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá; phụ thuộc vào quy định về lãi suất của Vietcombank đối với từng đợt phát hành.

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Bảng dưới đây trình bày kỳ định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Quá hạn	Không chịu lãi	Không chịu lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ trên 3 tháng đến 6 tháng	Từ trên 6 tháng đến 12 tháng	Từ trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng	
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	
Tài sản											
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	15.095.394	15.095.394	-	-	-	-	-	15.095.394	
II	Tiền gửi tại NHNN	-	-	-	33.139.373	-	-	-	-	33.139.373	
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	-	-	-	229.082.421	17.963.269	3.478.910	18.445.045	-	268.969.645	
IV	Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	326.070	326.070	1.665.791	-	-	-	-	1.991.861	
VI	Cho vay khách hàng - gộp	12.519.728	-	-	154.301.126	273.642.180	214.699.585	86.390.965	90.625.451	7.609.226	839.788.261
VII	Chứng khoán đầu tư - gộp	-	8.190	8.190	3.519.446	11.681.908	19.340.454	24.331.181	89.695.026	8.955.170	157.531.375
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	2.314.006	2.314.006	-	-	-	-	-	2.314.006	
IX	Tài sản cố định	-	8.539.362	8.539.362	-	-	-	-	-	8.539.362	
X	Tài sản Có khác - gộp	-	19.820.621	19.820.621	-	-	-	-	-	19.820.621	
	Tổng tài sản	12.519.728	46.103.643	46.103.643	421.708.157	303.287.357	237.518.949	129.167.191	180.320.477	1.347.189.898	
Nợ phải trả											
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN và tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	140.856.471	2.924.433	525.548	454.376	-	144.760.828	
II	Tiền gửi của khách hàng	-	131.705	131.705	571.052.061	184.105.481	108.632.517	163.566.727	4.605.486	1.032.113.567	
III	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	52.031	52.031	-	-	-	-	-	52.031	
IV	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-	-	-	14.679	14.679	
V	Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	69.205	-	-	10.907.198	8.898.794	1.365.000	21.240.197
VI	Các khoản nợ phải trả khác	-	33.047.617	33.047.617	837.727	68.467	-	-	-	33.953.811	
	Tổng nợ phải trả	-	33.231.353	33.231.353	712.815.464	187.098.381	109.158.065	174.928.301	13.518.959	1.384.590	1.232.135.113
	Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	12.519.728	12.872.290	12.872.290	(291.107.307)	116.188.976	128.360.884	(45.761.110)	166.801.518	15.179.806	115.054.785

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. Vietcombank được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VND. Các khoản cho vay khách hàng của Vietcombank chủ yếu bằng VND, USD và EUR. Một số tài sản khác và nợ phải trả của Vietcombank bằng ngoại tệ khác ngoài VND, USD và EUR. Vietcombank đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của Vietcombank và các quy định của NHNNVN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Vietcombank sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Sau đây là những tỷ giá hối đoái chính được Vietcombank áp dụng tại ngày báo cáo như sau:

	Tỷ giá hối đoái tại ngày	
	31/12/2020	31/12/2019
USD/VND	23.125	23.170
EUR/VND	28.499	26.213

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và nợ phải trả bằng các đơn vị tiền tệ khác được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	VND	USD	EUR	Tiền tệ khác	Tổng cộng	
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	
Tài sản						
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	12.835.047	1.679.121	291.650	289.576	15.095.394
II	Tiền gửi tại NHNN	26.403.315	6.665.409	-	70.649	33.139.373
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	179.587.462	50.949.040	6.548.150	31.884.993	268.969.645
IV	Chứng khoán kinh doanh - gộp	1.991.861	-	-	-	1.991.861
VI	Cho vay khách hàng - gộp	745.709.871	93.147.396	305.708	625.286	839.788.261
VII	Chứng khoán đầu tư - gộp	122.843.875	34.687.500	-	-	157.531.375
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	2.314.006	-	-	-	2.314.006
IX	Tài sản cố định	8.495.602	34.637	-	9.123	8.539.362
X	Tài sản Có khác - gộp	17.977.011	1.376.308	73.716	393.586	19.820.621
	Tổng tài sản	1.118.158.050	188.539.411	7.219.224	33.273.213	1.347.189.898
Nợ phải trả						
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN và tiền gửi và vay các TCTD khác	81.150.116	32.002.989	2.888.308	28.719.415	144.760.828
II	Tiền gửi của khách hàng	877.210.294	148.426.680	3.790.259	2.686.334	1.032.113.567
III	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(10.417.384)	10.706.304	5.807	(242.696)	52.031
IV	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	14.679	-	-	-	14.679
V	Phát hành giấy tờ có giá	21.240.155	42	-	-	21.240.197
VI	Các khoản nợ phải trả khác	32.992.344	815.792	66.456	79.219	33.953.811
	Tổng nợ phải trả	1.002.190.204	191.951.807	6.750.830	31.242.272	1.232.135.113
	Trạng thái tiền tệ nội bảng	115.967.846	(3.412.396)	468.394	2.030.941	115.054.785

Mẫu B05/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là tình huống Vietcombank không thể thực hiện các cam kết tài chính đã thỏa thuận đối với khách hàng hoặc đối tác do không huy động đủ vốn hoặc không thanh khoản được tài sản.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả thể hiện thời gian còn lại của tài sản và nợ phải trả tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến kỳ thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Vietcombank:

- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước được xem như tiền gửi thanh toán có thời gian đáo hạn dưới 1 tháng, bao gồm cả tiền gửi dự trữ bắt buộc;
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán kinh doanh được coi là có thời gian đáo hạn dưới 1 tháng do các chứng khoán này được nắm giữ trong ngắn hạn nhằm thu lợi nhuận do chênh lệch giá;
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán theo như quy định của đơn vị phát hành;
- Thời gian đáo hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa trên ngày đáo hạn mà hợp đồng quy định. Thời gian đáo hạn thực tế có thể thay đổi do các hợp đồng cho vay được gia hạn;
- Thời gian đáo hạn của các khoản đầu tư góp vốn, mua cổ phần được coi là hơn 5 năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định; và
- Các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro và phát hành giấy tờ có giá được xác định dựa vào tính chất của các khoản vay, tiền gửi và giấy tờ có giá này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Ví dụ tài khoản tiền gửi thanh toán của các TCTD khác tại Vietcombank và tiền gửi thanh toán của Vietcombank tại các TCTD khác dùng để thực hiện yêu cầu giao dịch của khách hàng được xếp loại không kỳ hạn, thời gian đáo hạn với các khoản vay và tiền gửi có kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trên thực tế, các khoản vay và tiền gửi này có thể được tái tục và duy trì trong thời gian lâu hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *Tiếp theo*

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Bảng dưới đây phân tích thời gian đáo hạn còn lại của các tài sản và nợ phải trả tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Quá hạn		Trong hạn					Tổng cộng
	Trên 3 tháng Triệu VND	Đến 3 tháng Triệu VND	Đến 1 tháng	Từ trên 1 tháng đến 3 tháng Triệu VND	Từ trên 3 tháng đến 12 tháng Triệu VND	Từ trên 1 năm đến 5 năm Triệu VND	Trên 5 năm Triệu VND	
Tài sản								
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	15.095.394	-	-	-	-	15.095.394
II Tiền gửi tại NHNN	-	-	33.139.373	-	-	-	-	33.139.373
III Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	-	229.082.420	17.963.269	20.396.518	1.527.438	-	268.969.645
IV Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	1.991.861	-	-	-	-	1.991.861
VI Cho vay khách hàng - gộp	1.551.172	10.968.556	51.898.153	156.148.618	264.031.345	159.211.057	195.979.360	839.788.261
VII Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	2.246.636	10.422.908	40.018.635	92.318.026	12.525.170	157.531.375
VIII Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-	-	-	-	2.314.006	2.314.006
IX Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	8.539.362	8.539.362
X Tài sản Có khác - gộp	-	-	-	19.820.621	-	-	-	19.820.621
Tổng tài sản	1.551.172	10.968.556	333.453.837	204.355.416	324.446.498	253.056.521	219.357.898	1.347.189.898
Nợ phải trả								
I Các khoản nợ Chính phủ và NHNN và tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	140.309.854	1.401.686	1.035.310	1.897.121	116.857	144.760.828
II Tiền gửi của khách hàng	-	-	268.036.045	200.376.333	303.749.974	56.088.901	203.862.314	1.032.113.567
III Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	52.031	-	-	-	52.031
IV Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-	14.679	-	14.679
V Phát hành giấy tờ có giá	-	-	905	-	2.068.300	8.792.450	10.378.542	21.240.197
VI Các khoản nợ phải trả khác	-	-	747.619	32.299.998	-	-	906.194	33.953.811
Tổng nợ phải trả	-	-	409.094.423	234.130.048	306.853.584	66.793.151	215.263.907	1.232.135.113
Mức chênh thanh khoản ròng	1.551.172	10.968.556	(75.640.586)	(29.774.632)	17.592.914	186.263.370	4.093.991	115.054.785

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

45. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu so sánh tại bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được trình bày lại theo báo cáo của Kiểm toán Nhà nước như sau:

Ảnh hưởng đối với tổng tài sản:

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND	Chênh lệch Triệu VND
Cho vay khách hàng	724.473.254	724.290.102	183.152
Cho vay khách hàng	734.706.891	734.706.891	-
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(10.233.637)	(10.416.789)	183.152
Tài sản cố định	6.706.503	6.710.443	(3.940)
Tài sản cố định hữu hình	4.445.709	4.449.649	(3.940)
Nguyên giá tài sản cố định	11.162.170	11.161.239	931
Hao mòn tài sản cố định	(6.716.461)	(6.711.590)	(4.871)
Tài sản Có khác	21.807.494	21.891.872	(84.378)
Các khoản phải thu	8.830.390	8.829.375	1.015
Các khoản lãi, phí phải thu	8.064.808	8.150.156	(85.348)
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(3.839)	(3.794)	(45)
Tổng ảnh hưởng			94.834

Ảnh hưởng đối với tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu:

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND	Chênh lệch Triệu VND
Các khoản nợ khác	26.021.232	25.997.753	23.479
Các khoản lãi, phí phải trả	10.363.285	10.382.357	(19.072)
Các khoản phải trả và công nợ khác	15.635.924	15.593.373	42.551
Vốn của tổ chức tín dụng	42.428.821	42.428.820	1
Vốn khác	344.658	344.657	1
Lợi nhuận chưa phân phối	26.126.544	26.055.190	71.354
Lợi nhuận để lại năm trước	12.188.552	12.188.554	(2)
Lợi nhuận năm nay	13.937.992	13.866.636	71.356
Tổng ảnh hưởng			94.834

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Ảnh hưởng đối với các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán:

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND	Chênh lệch Triệu VND
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	57.345.298	57.406.598	(61.300)
Bảo lãnh khác	53.115.849	53.276.574	(160.725)

Ảnh hưởng đối với kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND	Chênh lệch Triệu VND
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	67.665.496	67.724.190	(58.694)
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(33.127.768)	(33.146.840)	19.072
Thu nhập lãi thuần	34.537.728	34.577.350	(39.622)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	9.005.109	9.002.507	2.602
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	4.309.446	4.306.844	2.602
Thu nhập từ hoạt động khác	3.427.795	3.427.765	30
Lãi thuần từ hoạt động khác	3.069.825	3.069.795	30
Chi phí hoạt động	(15.874.542)	(15.817.575)	(56.967)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	29.818.849	29.912.806	(93.957)
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(6.607.278)	(6.790.429)	183.151
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	23.211.571	23.122.377	89.194
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(5.010.302)	(4.992.464)	(17.838)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.614.227)	(4.596.389)	(17.838)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	18.597.344	18.525.988	71.356

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiếp theo

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

46. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất được Ban Điều hành Ngân hàng phê duyệt vào ngày 31 tháng 3 năm 2021.

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Bà **Nguyễn Thị Thu Hương**

Ông **Lê Hoàng Tùng**

Người duyệt:

Bà **Phùng Nguyễn Hải Yến**



Phó phòng
Chính sách Tài chính Kế toán

Kế toán Trưởng

Phó Tổng Giám đốc



NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84) 24 3934 3137

Fax: (+84) 24 3826 9067

Swift: BFTV VNVX

Web: www.vietcombank.com.vn